

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

Tiểu Sử
ĐỨC HỘ PHÁP
PHẠM CÔNG TẮC

Soạn Giả
THỪA SỬ LÊ QUANG TẤN

THÁNG 4 NĂM 1992 (NHÂM THÂN)

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **ĐAOCÀODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **THỪA SỬ LÊ QUANG TẤN, HIÊN HỮU ĐÌNH TẤN THÀNH, HIÊN HỮU KHAI TÂM** và **BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE ĐAOCÀODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 14/04/2013

Tâm Nguyên



TIỂU-SỬ ĐỨC HỘ PHÁP
PHẠM CÔNG TẮC

MỤC LỤC

❖ TIỂU SỬ Đức Hộ Pháp PHẠM CÔNG TẮC	9
▪ GIỚI THIỆU	13
▪ LỜI TỰA	15
▪ TIỂU SỬ Đức Hộ Pháp PHẠM CÔNG TẮC	17
THÂN THỂ ĐỨC HỘ PHÁP.....	17
ĐẮNG GIÁO CHỦ CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ .	19
PHẢI CHỌN MỘT CON ĐƯỜNG.....	91
ĐI ĐẾN BÁT QUÁI ĐÀI.....	153
LẠI THÊM MỘT BÀI BÁO NGỌAI QUỐC.....	154



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

TIỂU SỬ ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

- LỜI TỰA
- TIỂU SỬ Đức Hộ Pháp PHẠM CÔNG TẮC
- THÂN THỂ Đức Hộ Pháp
- ĐĂNG GIÁO CHỦ CỦA Đại Đạo TAM KỶ PHỔ ĐỘ
- PHẢI CHỌN MỘT CON ĐƯỜNG
- ĐI ĐẾN BÁT QUÁI ĐÀI
- LẠI THÊM MỘT BÀI BÁO NGOẠI QUỐC



CHÂN DUNG ĐỨC HỘ-PHÁP

GIỚI THIỆU

Chúng tôi trân trọng giới thiệu Quyển Ebook “**Tiểu Sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc**” là công trình biên khảo của một trong những nhân chứng từng thân cận với Đức Hộ Pháp là **Thừa Sứ Lê Quang Tấn** ghi lại.

Chúng tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn đối với gia đình cùng thân hữu của Hiền Hữu **Đình Tấn Thành** đã nhiệt tình đóng góp, tự túc ấn loát quyển tiểu sử này.

Sau cùng chúng tôi cũng chân thành tri ơn Hiền Hữu **Khai Tâm Quách Minh Chương** đã thông dịch và tạo thành quyển sách song ngữ Việt–Anh “**BIOGRAPHY HIS HOLINESS HO PHAP PHAM CONG TAC**” phổ biến trên Website **DaoCaoDai.info**, mà quyển Ebook này được hình thành bởi trích ra phần Việt Ngữ và chuyển đổi ra dạng pdf.

California, ngày 14 tháng 4, 2013

Tâm Nguyên

LỜI TỰA

DỂ ĐÁP ỨNG nhu cầu tìm hiểu thêm về lịch sử Đạo Cao Đài của bốn đạo trong nước và khắp nơi trên thế giới, Thừa Sứ Lê Quang Tấn (Thánh Thất Sài Gòn) cho phép chúng tôi xuất bản bản quyền Tiểu Sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc trên đất Mỹ này vào tháng 4 năm 1992 (Nhâm Thân).

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ Thừa sứ Lê Quang Tấn, đã bỏ rất nhiều thì giờ để viết lên quyển tiểu sử này.

Và đặc biệt cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của anh Huỳnh Hiệp Hòa đã sửa chữa và bổ sung để quyển tiểu sử này được hoàn hảo hơn.

Tôi chân thành cảm ơn sự cộng tác, lòng nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm cao cả của vợ tôi (Huỳnh Thị Sắc), mẹ vợ tôi (Trần Thị Nga) và 2 ông anh vợ tôi (Huỳnh Hiệp Hòa và Huỳnh Chánh Minh).

Việc ấn loát quyển Tiểu Sử Đức Hộ Pháp này, chúng tôi hoàn toàn tự túc về mọi mặt. Chúng tôi xin giới thiệu đến bốn đạo quyển Tiểu sử Đức Hộ Pháp này. Vì kinh

nghiệm biên soạn còn kém, cho nên quyển Tiểu Sử Đức Hộ Pháp không tránh sự thiếu sót.

Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp và xây dựng của bốn đạo, để lần xuất bản sau này được tốt đẹp hơn.

Đình Tấn Thành

933 Woodside Dr. Holland, Mi 49424

TIỂU SỬ ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC GIÁO CHỦ ĐẠO CAO ĐÀI TÒA THÁNH TÂY NINH

DỨC HỘ PHÁP Phạm Công Tắc Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng, đã trọn hy sinh cả kiếp nhân sinh cho nhơn loại, thể hiện một Thiên Chức của bậc vĩ nhân ở thế kỷ 20. Cảnh giác dục vọng của con người trên thế gian này, hướng dẫn nhân loại hợp nhất trong giống nòi, trong quốc gia, trong tôn giáo, để xướng Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống, để hòa giải 2 Miền Nam-Bắc Việt Nam, tránh cuộc phân tranh do ngoại bang áp đặt và dung hòa giữa 2 khối Cộng Sản và Tư Bản từng thể không đội trời chung, hãy sớm hiểu biết nhau, tương nhượng nhau, hầu có được Hòa Bình, Tự Do và Dân Chủ.

THÂN THỂ ĐỨC HỘ PHÁP

Ông Phạm Công Tắc sanh ngày mùng 5 tháng 5 năm

Canh Dân (dl.21-6-1890) tại làng Bình Lập, Quận Châu Thành, Tỉnh Tân An (nay là Long An), là con thứ 8 của ông Phạm Công Thiện và bà La Thị Đường, nguyên quán tại An Hòa, Quận Trảng-Bàng, Tỉnh Tây-Ninh.

Thuở thơ ấu, Ông rất siêng năng học tập, chuyên cần cấp sách đến trường đúng giờ, được lòng yêu quý của Thầy và các bạn đồng lớp. Trong gia đình, ông được nổi tiếng là một đứa con ngoan, hiếu thảo với cha mẹ, nhường nhịn và tôn kính anh, chị, em. Lớn lên trong hoàn cảnh nước nhà bị lệ thuộc Pháp, ông đã sẵn có ý thức về nỗi thống khổ của một dân tộc vong-quốc. Vào năm 17 tuổi, đang học tại Trường Chasseloup-Loubat Sài Gòn, ông cùng với các nhà Cách Mạng Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Lương Khắc Ninh, Gibert Chiếu v.v... hoạt động bí mật đưa người sang Nhật Bản để mưu cầu phục quốc.

Cuộc xuất ngoại thành công trong 3 chuyến đi Nhật, đến chuyến thứ 4 thì Sở Mật Thám Pháp khám phá biết trong danh sách có tên ông, nên ông phải tạm lánh mặt trở về quê nhà Tây Ninh một thời gian.

Năm 1920, ông tòng sự tại sở Thương Chánh Sài Gòn và lập gia đình với cô Nguyễn Thị Nhiều, sanh được 2 người con gái là Phạm Thị Cẩm và Phạm Tân Tranh. Sau đó được đổi đi Cái Nhum, rồi Qui Nhơn, đến năm 1925 thì trở về lại Sài Gòn.

Nhờ trí thông minh và đức tánh liêm khiết, ông đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng, luôn luôn giúp đỡ dân nghèo, không bao giờ lợi dụng chức quyền mưu đồ lợi ích riêng tư.

Đồng lương công chức lúc bấy giờ có giới hạn, với

tinh thần đạo đức sẵn có, một hôm có người bạn là ông Trần Chơn Thành đến thăm và cho ông biết tại Khánh Hội, gần nhà ông có một gia đình nghèo rất đáng thương hại, gia đình ấy có 2 hai người con gái là Nguyễn Thị Cẩm và Nguyễn Thị Hồng bị một mù tú bà gạt gẫm bỏ nhà ra đi. Ông Thành gợi ý cho ông để tìm phương giúp đỡ gia đình khốn khổ ấy. Ông không ngần ngại đưa cho ông Thành một số tiền đã dành dụm từ lâu, với lời ân cần căn dặn là phải trực tiếp điều đình với mù tú bà ấy để giải thoát cho 2 cô gái đó khỏi chốn lầu xanh, ông Phạm Công Tắc đã giúp đỡ 2 cô gái hoàn lương về sum hợp với gia đình, làm ăn lương thiện trở lại. Với đức tánh hiền hòa của ông, ông luôn nhiệt tình làm việc nghĩa, và cũng thường kêu gọi các bạn tri âm giúp đỡ tận tình, sẵn sàng hỗ trợ cho những người khốn khổ, hoạn nạn.

Ý chí của ông là lo lắng cho vận mạng non sông, cho nòi giống đang bị áp bức bởi những kẻ mua danh, bán lợi. Ai sống chết mặc ai, họ chỉ biết vinh thân phì da, vợ ấm, con no mà thôi.

Đời kim tiền đã làm cho thiên hạ chìm đắm trong ao tù vật chất. Chán chê cuộc sống phù du, ông bèn kêu gọi các bạn tri âm của ông để luận bàn về cơ bút, mời các vong linh nhập bàn họa thi và học hỏi nơi cõi vô hình, hầu tìm quên lãng trong thú vui cao thượng, khi cung đàn, khi ngâm phú, lúc họa thi.

ĐẮNG GIÁO CHỦ CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Ông Phạm Công Tắc muốn tìm hiểu về huyền bí của cõi vô hình nên mới xây bàn cầu cơ để học hỏi. Việc cầu cơ đã có từ lâu trên thế giới, nhưng chỉ khác nhau về mặt

sử dụng, tùy theo phong tục, tập quán của mỗi dân tộc.

Cơ bút là giai đoạn cuối cùng của sự thông công của tạo hóa và người trên phương diện tâm linh. Đây cũng là phương tiện để các đấng vô hình giảng dạy, phổ biến chúng sanh, là ngọn đuốc quang minh để dẫn dắt con người đến chỗ cao siêu. Cơ bút là con dao 2 lưỡi rất bén, phải biết sử dụng mới được, bằng ngược lại thật vô cùng nguy hiểm. Nếu Đồng Tử phò cơ thiếu sự hướng dẫn, thiếu công luyện tập, thiếu sự tin tưởng trong nhiệm vụ của mình hoặc lợi dụng trong một mưu đồ nào đó, thì sẽ sanh ra lắm chuyện tổn thương, dị hại về mọi việc, mọi mặt.

Việc cầu cơ, chấp bút đã xuất hiện vào thế kỷ thứ 18 bên Âu Mỹ và đã phát triển thành thuyết Duy Linh và Thần Linh (Le Spiritisme).

Vào tháng 9 năm 1853, bà Decibardin đến viếng thăm Nhà Đại Văn Hào Victor Hugo tại cù lao Jersey để cùng xây bàn tiếp chuyện với vong linh người chết, hầu giải buồn, tìm thú vui trong sự học hỏi nơi cõi vô hình.

Đêm 13-9-1853, có một chơn linh giáng đàn xưng danh đấng vô hình nói chuyện với ông Victor Hugo rất tâm đắc, ban cho nhiều áng văn lưu loát và bảo rằng: *“Hãy để đức tin vào thái cực!”*. Đây là một khái niệm vô hình học, gây nên một thế giới vô hình tại nước Pháp lúc bấy giờ (tài liệu trong quyển: *Les tables tournantes de Jersey Chez Victor Hugo*, trang 99 -135).

Tại Mỹ Quốc năm 1856, luật sư Edmond là người có danh tiếng, nhất là ông Napes, là một Giáo sư Đại Học Hàn Lâm Hoa Kỳ cũng xây bàn tiếp xúc với đấng Vô Hình và viết ra sách, cũng công nhận là có vong linh

người chết nói chuyện với người sống, và đã đề cập trong quyển sách *Traité de Méthaphysiques*, đồng thời nhấn mạnh rằng: “*Từ đây nền tảng khoa học mới nảy rất kỳ diệu mà ít ai thấu triệt được*”.

Lúc bấy giờ tại Sài Gòn, lại nổi lên phong trào xây bàn và lan tràn cùng khắp thành thị và thôn quê. Nơi nào cũng có xây bàn, việc xây bàn rất huyền diệu vô cùng, như đàn cơ ở Thủ Dầu Một, Miếu Nổi ở Gò Vấp, chùa Ngọc Hoàng ở Đa Kao, chùa Hiệp Ninh ở Cái Khế (Cần Thơ), Thạch Động ở Hà Tiên v.v...

Ông Phạm Công Tắc cùng với các ông: Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức, Cao Quỳnh Diêu, Võ Văn Nguyên họp tại nhà ông Cao Hoài Sang đêm mừng 5 tháng 5 năm Ất Sửu (23-7-1925) để xây bàn mời các đấng vô hình về hạ thi phú theo phương pháp Thông Linh Học của Tây Phương. Trong những buổi xây bàn có nhiều vong linh nhập bàn xưng danh tánh rõ ràng, cho nhiều bài thi rất hay, nhưng các ông chưa tin lắm, bởi còn hoài nghi lẫn nhau (ngghi ngờ có người phá chơi). Song vì thích hạ thi, vui với gió mát, trăng thanh, non nhàn nước trí, nhất là các ông hướng về mặt đạo đức, tu hành, làm lành, tránh dữ, nên mới họp nhau cùng các bạn tri âm xây bàn cầu cơ như thế.

Vào đêm mừng 6 tháng 6 năm Ất Sửu (26-7-1925), có một vong linh nhập bàn tự xưng là Cao Quỳnh Lượng, gây nổi vui mừng vô hạn cho quí ông hiện đang có mặt, nhất là ông Cao Quỳnh Cư (bởi vì ông Cao Quỳnh Lượng gọi ông Cư bằng chú). Ông Cư liền hỏi thử: “*Nếu phải là Cao Quỳnh Lượng thì biết các vị có mặt nơi đây*”. Vậy cháu cứ gọi tên mỗi người coi có đúng không? Ông Cư nói vừa

dứt thì cơ liền gỏ trả lời: Diêu, Tắc, Sang, Đức, Nguyên, Hậu, được nghe Cao Quỳnh Lượng gọi đúng tên từng người (nhất là sự phân biệt lớn nhỏ thứ tự trong khi gọi tên), khiến cho ông Cư càng vững niềm tin nơi thế giới vô hình hơn nữa, sau đó ông Cư liền nhờ ông Lượng đi mời ông nội của cậu là Cao Quỳnh Tuân về nhập bàn (ông Cao Quỳnh Tuân là thân phụ của ông Cư).

Sau một thời gian nghỉ giải lao, quý ông tiếp tục xây bàn, ông Cao Quỳnh Tuân liền nhập bàn, gây sự kinh sợ cho quý ông không ít, ông Cư kính cẩn đứng lên, khoanh tay thưa với vong linh rằng: Trong buổi thầy quá vắng, anh em con còn nhỏ dại, cho đến nỗi anh của con cũng còn nhỏ, nếu có thể tiện đây thầy cho chúng con một bài tự thuật hầu để lưu truyền về sau cho đàn con cháu tôn thờ làm kỷ niệm. Không chần chờ do dự, bàn cơ liền chuyển động cho 1 bài thi như sau:

*Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước dặm mươi.
Tổng mển lời khuyên bền mộ chếp,
Tình thương căn dặn lắm tâm đời.
Bên màn đôi lúc trao hôn phách,
Cõi thọ nhiều phen dựng thành thời.
Xét nỗi vợ hiền còn lụn cùm,
Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.*

THẤY XIN KIẾU!

Bài thi tự thuật của ông Cao Quỳnh Tuân, khiến cho các ông có mặt đều xúc động, riêng ông Cư không cầm được giọt lệ, và kể từ hôm ấy các ông không còn xem thường việc xây bàn nữa, không còn nghĩ là một trò tiêu

khiến như trước, mà tất cả đều nghiêm trang, tôn kính mỗi khi xây bàn.

Vào một đêm thứ bảy ngày mùng 10 tháng 6 năm Ất Sửu (30-7-1925), quý ông đến nhà ông Cao Hoài Sang để tiếp tục xây bàn cầu các vong linh về họa thi, thì bàn cơ chuyển động một cách nhẹ nhàng, nhanh chóng lạ thường, bàn cơ liền gõ: “*Thác vì tình*”, nghe được 3 tiếng thác vì tình, các ông đều hết hoảng chỉ có ông Cao Quỳnh Cư trầm tĩnh hỏi: Đàn ông hay đàn bà? Vong linh liền đáp: “*Đoàn Ngọc Quế, con gái*”.

Cả tên và họ Đoàn Ngọc Quế vừa xưng danh tánh đều đúng với tên họ một người bạn thân của ông Diêu, hiện đang có mặt. Ông Cao Quỳnh Cư liền xin vong linh một bài thi tự thuật. Bàn cơ chuyển động nhẹ nhàng cho một bài thi:

*Nỗi niềm tâm sự tỏ cùng ai,
Mạng bạc còn xuân uốn sắc tài.
Những ngõ trao duyên vào ngọc các,
Nào ngờ phủi nợ xuống tuyến đài.
Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.
Đồn dập tương tư ỏn một gánh,
Nỗi niềm tâm sự tỏ cùng ai.*

Chính 2 bài thi của ông Cao Quỳnh Tuân và cô Đoàn Ngọc Quế đã tự thuật, có một trọng lượng đã phá mọi thành kiến nghi ngờ, phủ nhận của quý ông lúc bấy giờ, mà còn trợ lý giúp quý ông có đầy đủ niềm tin sùng kính quyền mầu nhiệm của thế giới vô hình hơn nữa. Vì là những thi văn nổi tiếng, các ông liền họa lại bài thi của

cô Đoàn Ngọc Quế thật vô cùng lý thú, là người sống họa thi cùng một vong linh với lối văn chương vô cùng lưu loát, khiến cho các ông càng say mê xây bàn hàng đêm để học hỏi thêm về huyền bí ở cõi vô hình. Nhất là được họa thi với một nữ vong linh giỏi về thi thơ như cô Đoàn Ngọc Quế, càng làm cho quý ông kính phục thêm.

Tuy nhiên quý ông muốn tìm cho ra tông tích của vong linh Đoàn Ngọc Quế, người con gái “*thác vì tình*” này. Vong linh liền đáp: trước kia ở Chợ Lớn, học trường đẫm.

Vào thượng tuần tháng 8 năm Ất Sửu (1925), quý ông xây đàn mời cô Đoàn Ngọc Quế giáng đàn để học hỏi thêm về thế giới vô hình theo sự mong muốn của mấy ông từ lâu.

Cô Đoàn Ngọc Quế giáng cơ chỉ dẫn cho mấy ông những bí ẩn về cõi vô hình, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của mấy ông. Đồng thời, quý ông đề nghị xin kết nghĩa anh em với nhau, cô Đoàn Ngọc Quế bằng lòng và thân mật gọi:

*Ông Cao Quỳnh Cư là trưởng ca,
Ông Phạm Công Tắc là nhị ca,
Ông Cao Hoài Sang là tam ca,
Còn cô Đoàn Ngọc Quế tự xưng là tứ muội.*

Được cùng nhau kết nghĩa huynh muội, ông Cao Quỳnh Cư không ngần ngại hỏi tên thật của cô Đoàn Ngọc Quế, nhưng cô không cho biết. Sau cùng, vì các ông cứ nài nỉ mãi nên cô Đoàn Ngọc Quế mới chiều lòng, bàn cơ liền gõ 3 chữ viết tắt: V.T.L.

Ông Cao Quỳnh Cư hỏi tiếp: Hiện giờ mồ mã cô Quế nằm tại đâu?

Cô Đoàn Ngọc Quế đáp: Ngồi mộ hiện giờ nằm

tại nghĩa trang Bà Lân (Bà Tổng Đốc Phương) tại ngã bảy Sài Gòn.

Quý ông nhất định phải truy tìm cho ra tông tích cô Đoàn Ngọc Quế với cái tên họ Bằng 3 chữ viết tắt V.T.L.

Để biết rõ thiệt hư, nhân ngày chủ nhật 3 ông Cư, Tắc, Sang đồng hẹn nhau đến nghĩa trang bà Tổng Đốc Phương. Đúng 8 giờ sáng, ba ông giữ lời hứa đến nghĩa trang và đi thẳng vào thì gặp ngôi mộ cô Vương Thị Lễ. Đáp ứng sự hiếu kỳ của 3 ông là nhìn thấy ngôi mộ xây cất rất đẹp, trên mộ bia có ảnh của cô Vương Thị Lễ, trẻ đẹp, và dưới chân dung còn ghi rõ họ tên.

Không còn hoài nghi gì nữa, 3 ông đốt nhang khấn nguyện vong linh cô Vương Thị Lễ xong rồi mới ra về, nhưng vẫn còn thắc mắc, muốn biết xem ban ngày các vong linh có thể về giáng đàn được không? Và cũng có vài điều thắc mắc cần hỏi cô Đoàn Ngọc Quế.

Trở về nhà thì các ông liền xây bàn cầu cơ vào lúc 9 giờ sáng, cô Đoàn Ngọc Quế liền giáng cơ mách bảo cho các ông biết rõ, ngôi mộ mà 3 ông đã đến viếng hồi sáng, đó là ngôi mộ của cô. Điều này khiến cho ba ông càng thêm kinh ngạc, vì chưa được phỏng vấn mà đã nghe cô Đoàn Ngọc Quế đáp ứng nguyện vọng của ba ông trong buổi cầu cơ này.

Một bằng chứng mà quý ông không thể phủ nhận là người và vô hình trực tiếp liên hệ, nghĩa là các ông đã khám phá ra một việc mà ít người hiểu biết về huyền diệu của thế giới vô hình.

Để ủng hộ đức tinh thần và củng cố niềm tin cho 3 ông, một hôm cô Vương Thị Lễ giáng đàn chỉ bảo về mặt đạo

đức, tu hành và cố ý giới thiệu đến 3 ông 1 người bạn gái của cô rất giỏi thi văn tên là Hôn Liên Bạch. Được giới thiệu thêm một nữ thi văn, ông Cao Hoài Sang muốn thử tài của nữ thi sĩ này, nên liền xin phép đưa ra để thi «*Tiền biệt tình lang*», chẳng chậm trễ một giây phút nào, cô Hôn Liên Bạch liền giảng cơ cho bài thi như sau:

*Chia gương căn dặn buổi trường đình,
Vàng đá trăm năm tạc tấm tình.
Bước rẽ ngùi trông cơn ác xế,
Lời trao buồn nhớ lối trăng thanh.
Ngày chờ mây án ngàn dâu khuất,
Đêm bật đường khuya một bóng hình.
Lần lữa cô phòng xuân thỏn mỏn,
Xa xuôi ai thấu buổi đình ninh.*

Đồng thời cô Hôn Liên Bạch cho tiếp một bài thi tựa là: «*Hoài Lang*»

*Động đình nhớ buổi tạm chia đường,
Bốn giọt nhìn nhau lối rẽ cương.
Trời thăm mây giăng bao cụm ủ,
Biển sâu nước nhuộm một màu thương.
Cô thân chạnh nhớ vầy đôi bạn,
Tiệc ngọc nào khi hội nhất trường.
Mượn bạn lương nhân xin nhắn nhủ,
Vườn xưa tiếng nhận luồng kêu sương.*

Hai bài thi của cô Hôn Liên Bạch giảng cơ cho vào ngày mùng 5 tháng 8 năm Ất Sửu (22-8-1925), khiến cho 3 ông vô cùng thích thú về thi thơ xướng họa giữa vô hình và thể tục, quý ông hết sức say mê, ngưỡng mộ tâm hồn thanh thoát ở nơi cõi tục này.

Lại thêm một việc hi hữu nữa là: Tiếng đồn cô Vương Thị Lễ giáng cơ được loan truyền đi khắp nơi, khiến cho gia đình thân nhân cô Vương Thị Lễ tìm đến tận nhà ông Cao Quỳnh Cư để tìm hiểu sự thật về cô Lễ giáng đàn và yêu cầu được dự đàn cơ, quý ông không thể từ chối được, 2 vị khách lạ tự xưng là thân nhân của cô Lễ xin được dự đàn cơ.

Khi cô Vương Thị Lễ giáng cơ thì ông Cao Quỳnh Cư liền hỏi: tứ muội có biết 2 ông khách lạ này là ai không? Cô liền nhanh nhẹn đáp:

“Đào Nguyên lạc lối buổi vong Hưng”.

Hai ông khách lạ tên Nguyên và Hưng nghe đúng tên mình liền nhanh nhẹn đốt nhang khẩn nguyện và đáp lại bằng câu thơ:

“Đốt nén hương xin tỏ Lễ mừng”.

Cô Lễ tiếp nối bài thi:

“Tri kỷ còn nhiều ngày gặp gỡ”.

Ông Nguyên và Hưng tiếp nối câu chốt.

«Chạnh lòng nhớ đến buổi thanh xuân».

Thiết tưởng nguồn thi cảm rạt rào người phạm tục và vô hình được gặp nhau để sáng tác thành một bài thi tuyệt bút:

Đào Nguyên lạc lối buổi vong Hưng,

Đốt nén hương xin tỏ Lễ mừng.

Tri kỷ còn nhiều ngày gặp gỡ,

Chạnh lòng nhớ đến buổi thanh xuân.

Một sự huyền diệu, hiển linh như thế càng giúp cho quý ông Cư, Tắc, Sang thêm phần hứng chí về việc xây

bàn cầu cơ. Những huyền diệu linh ứng do chính bản thân quý ông tiếp nhận trong việc họa thi phú hàng đêm, khiến các ông không biết mệt mỏi, mà còn say sưa hăm mộ nữa là khác.

Vào hạ tuần tháng 7 năm Ất Sửu (1925), ông Phạm Công Tắc, cùng với các bạn tri âm của ông hợp lại để xây bàn, thì có một vong linh về nhập đàn, không chịu xưng danh tánh nhưng cho một bài thi như sau:

*Ớt cay, cay ớt gấm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai,
Túng lú đi chơi nên tấp lại,
Ấn bòn chẳng chịu tấp theo ai.*

Tiếp được bài thi, 3 ông Cử, Tắc, Sang cố nài nỉ vong linh cho biết quý danh, song Đấng Vô Hình khước từ mà chỉ xưng danh là A.Ấ.Ấ. mà thôi. Các ông vô cùng ngạc nhiên, cố tìm hiểu nơi đấng vô hình A.Ấ.Ấ. này, nhưng ông ta không chịu tiết lộ danh tánh của mình, khiến cho 3 ông tự suy nghiệm, và cảm thấy là có điều gì kỳ lạ nơi Đấng vô hình này và kể từ đó không ai dám tò mò hỏi thêm về lý lịch của ông ta nữa. Cho đến thượng tuần tháng 8 năm Ất Sửu (1925), một lần nữa ông A.Ấ.Ấ. giáng cơ đến dạy bảo 3 ông Cử, Tắc, Sang là: đừng nên hỏi đến lai lịch của ông nữa và càng không nên hỏi đến chuyên quốc sự, thiên cơ, thì ông ta sẽ thường xuyên về họa thi phú cùng các ông. Đồng thời, ông A.Ấ.Ấ. còn bảo quý ông thiết “*tiệc chay*” vào đêm rằm tháng 8 năm Ất Sửu (1925), để thỉnh đức Diêu Trì Kim Mẫu và 9 vị tiên cô, cũng như tổ chức đãi tiệc những người phạm vậy, nhưng phải cho thanh tịnh và tinh khiết. Chẳng biết phải thiết tiệc theo nghi thức như thế nào, 3 ông Cử, Tắc, Sang hợp ý

kiến xin thỉnh cô Vương Thị Lễ giáng cơ về hướng dẫn. Cô Lễ giáng đàn, chỉ bảo cả mọi việc, cùng phương pháp chưng dọn bàn ghế cho nghiêm trang, và còn cho 3 ông biết rõ cô là Thất Nương Diêu Trì Cung, là vị Tiên thứ 7 trong 9 vị Tiên tại Cung Diêu Trì, do Cửu Thiên Huyền Nữ cai quản, dưới quyền có 9 vị Tiên nương. Cô Lễ là 1 trong 9 vị Tiên cô đó.

Thất Nương giáng đàn hướng dẫn 3 ông phải thành tâm cầu nguyện giữ trai giới trong 3 ngày, trang hoàng nhà cửa, thiết lập buổi lễ cho khang trang để nghinh đón đức Diêu Trì Kim Mẫu. Ngoài ra còn bắt buộc quý ông mỗi người đều phải làm 1 bài thi, nhất là phải cố gắng tìm cho được Đại Ngọc Cơ để thỉnh đức Diêu Trì Kim Mẫu giáng đàn.

Nghe đến tiếng Đại Ngọc Cơ, 3 ông còn chưa nhận định được hình dáng Đại Ngọc Cơ như thế nào, thất nương liền vẽ hình Đại Ngọc cơ cho 3 ông xem, và cũng giải nghĩa rõ nguồn gốc xuất hiện Đại Ngọc Cơ là trước kia lấy hình tượng ngôi sao Bắc Đẩu mà tạo thành, cùng hướng dẫn việc sử dụng Đại Ngọc Cơ.

Được tiếp nhận sự hướng dẫn chu đáo của Thất Nương, 3 ông rất nóng lòng trông đợi cho đến ngày rằm tháng 8, hầu biết thêm những điều mới lạ ở cõi vô hình.

May mắn thay! Và cũng huyền diệu thay! Trong lúc 3 ông còn đang phân vân, chưa biết chạy tìm nơi nào để có được Đại Ngọc cơ để kịp ngày ấn định, thì tình cờ gặp được một người thổ lộ cho các ông biết là ông Phan Văn Tỷ là người có Đại Ngọc Cơ. Hơn nữa, ông Tỷ thường đến nhà ông Cao Quỳnh Cư chơi và được biết việc xây bàn có phần chậm chạp hơn là cầu Ngọc Cơ, nhưng lúc

đó ông Tỷ chưa dám có ý kiến.

Hôm nay có người đến hỏi mượn Ngọc Cơ, ông Phan Văn Tỷ vui vẻ chấp nhận, nhưng phải chờ ông đến nhà ông Âu Kích để lấy lại Ngọc Cơ mà ông đã cho mượn từ lâu. Một việc lo lắng, thắc mắc về Ngọc Cơ đã được ông Tỷ giải quyết một cách dễ dàng, và ông Tỷ đã đem Ngọc Cơ đến nhà ông Cao Quỳnh Cư đúng hẹn.

Có phải chăng mọi việc đều do quyền Thiêng liêng đã an bày. Sau 3 ngày giữ trai giới tinh khiết, nhằm tiết trung thu, trăng thanh gió mát, rằm tháng 8 năm Ất Sửu, căn nhà ông Cao Quỳnh Cư được chưng dọn rất trang nghiêm.

Một cái bàn được trang trọng đặt ra giữa căn nhà, trên mặt bàn phủ một tấm mặt bàn trắng, và bông hoa đủ màu sắc xinh đẹp vô cùng. Chung quanh mặt bàn thì có 9 cái tách uống trà và 9 cái ly uống rượu trông rất lộng lẫy. Ngoài ra chung quanh bàn thì có 9 cái ghế bằng mây được phủ bằng vải trắng trông rất sang trọng. Nếu khách lạ đến nhìn thì cũng phải tự khen thắm là chủ gia tiếp đãi khách hết sức tươm tất, chớ ai có ngờ chủ gia sắp sửa tiếp đãi 9 vị tiên cô.

Gần tới 12 giờ khuya ông Cao Quỳnh Cư, Phạm công Tắc, Cao Hoài Sang, Cao Quỳnh Diêu, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức, Võ Văn Nguyên đều mặc áo dài đen, đầu bịt khăn đóng đen rất nghiêm trang đến đốt hương lên đèn thật vô cùng trọng thể.

Sau khi khẩn nguyện xong, các ông bắt đầu đốt trầm hương và 2 ông Cư, Tắc ngồi xuống ghế để tiếp Ngọc Cơ. Ngọc cơ chuyển động mạnh và nhanh nhẹn, đức Diêu Trì Kim Mẫu giáng đàn, để lời chào mừng quý ông có mặt,

chỉ dạy về đạo đức, phương cách tu hành và hứa hẹn sẽ thường giảng đàn chi bảo thêm cho 3 ông Cừ, Tắc, Sang.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu nhường cơ lại cho 9 vị Tiên Nương, và 9 vị Tiên Cô lần lượt giảng cơ chào mừng quý ông.

Đặc biệt là trước khi ngồi nhập tiệc thì Thất Nương giảng đàn chi dẫn cho 3 ông phải đem đàn ra hòa nhạc hiến lễ cho đức Diêu Trì Kim Mẫu và 9 vị Tiên Cô (bởi quý ông đều giỏi về nhạc), an tọa nghe hòa nhạc và kế tiếp 3 ông ngâm lên bài thi đã làm sẵn.

Bắt đầu nhập tiệc, Thất Nương bảo 3 ông ngồi chung bàn để cùng dự tiệc với Tiên Nữ, nhưng 3 ông đều thói thác, không dám ngồi chung bàn. Thất Nương mời nhiều lần, bắt buộc các ông phải tuân theo và lấy thêm 3 cái ghế để sau 9 cái ghế đã có sẵn, rồi mới ngồi vào ghế cùng chung dự tiệc với 9 vị Tiên Nương.

Yến tiệc rằm tháng 8 năm Ất Sửu (1925), có thể nói là yến tiệc lần đầu tiên giữa người và 9 vị Tiên Nương, được gọi là Hội Yến Diêu Trì Cung, và hiện giờ theo thông lệ hàng năm đến ngày rằm tháng 8 thì Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh đều thiết đại lễ Hội Yến Diêu Trì Cung tại Đền thờ Phật Mẫu vô cùng trọng thể, và cũng để tưởng nhớ đến công ơn đức Diêu Trì Kim Mẫu và cửu vị tiên nương đã dày công dẫn dắt chức sắc Hiệp Thiên Đài trong buổi đầu khi nền Đại Đạo mới phôi thai.

Một điều hi hữu là cả thế giới, cùng các Tôn Giáo trước kia chưa có một buổi tiệc nào cùng với đấng Thiêng liêng tham dự, duy nhất chỉ có Tôn Giáo Cao Đài mà thôi.

Đây cũng là một đặc ân của dân tộc Việt Nam, được

Đức Phật Mẫu, bà Mẹ Thiên liêng dành riêng cho dân tộc Việt Nam. Nếu sau này bất luận các dân tộc nào trên thế giới biết Đạo Cao Đài, nhập môn vào Đạo Cao Đài rồi thì nhất định phải giữ ý nghĩa đại lễ Hội Yến Diêu Trì, để tỏ lòng tôn kính công ơn Đức Phật Mẫu.

Thông cảm ước vọng của 3 ông Cư, Tắc, Sang, ông A.Ă.Ă. giảng cơ hé mở từ từ cho 3 ông biết thêm về huyền bí màu nhiệm của thế giới vô hình, nhất là vận mạng tương lai của dân tộc Việt Nam, để đáp ứng nguyện vọng thiết tha của quý ông bằng một lời hứa vô cùng đánh thép: «*Sẽ dùng huyền diệu vô tận, vô biên để giải ách nô lệ cho dân tộc Việt Nam...*» một lời hứa đầy đủ ý nghĩa ghi vào tâm trí 3 ông lúc bấy giờ

Những gì đến nhất định phải đến, vào đêm 27 tháng 10 năm Ất Sửu, Đức Diêu Trì Kim Mẫu giảng cơ chi dạy: 3 ông phải “*Vọng Thiên Cầu Đạo*”, vào ngày 1-11-Ất Sửu (18-12-1925) gây sự ngạc nhiên cho 3 ông, bởi trong thời gian qua 3 ông chỉ biết thích thú say sưa trong cảnh người tiên thượng giới, kẻ phàm tục thế gian được họa thi tiếp nối đêm này qua đêm khác để học hỏi về thế giới vô hình. Hôm nay nghe đến danh từ “*Vọng Thiên Cầu Đạo*”, cả 3 ông đều bần khoản, lo sợ vô cùng, bởi 3 ông chưa bao giờ nghĩ sau này sẽ có trách nhiệm đi truyền đạo. Nhưng do sự hướng dẫn của ông A.Ă.Ă. từ từ rèn luyện cho 3 ông thông suốt đạo đức để hữu dụng sau này.

Đêm 1-11-Ất Sửu (18-12-1925), tam vị mặc áo dài đen, khăn đóng đen, chỉnh tề trang nghiêm ra đứng giữa sân, cắm 9 cây nhang nguyện rằng ba chúng tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang vọng bái Đức Thượng Đế ban ân diễm phúc cho 3 anh em tôi cải tà

qui chánh, trước sự đông đảo đồng bào chung quanh đến xem. Khổ nỗi đến giờ phút lập thế như thế mà ông vẫn còn phân vân chưa nhận định được ông A.Ấ.Ấ. là ai? Chỉ biết tuân theo lời phán dạy của ông A.Ấ.Ấ. mà thi hành.

Đúng 12 giờ khuya, thời tỵ, 3 ông xông trâm cho tinh khiết, ngồi vào bàn cơ, Ngọc cơ rung chuyển, thanh thoát, rồi ông A.Ấ.Ấ. giảng cơ phán dạy: “*Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*”, muốn được ta truyền đạo kể từ bây giờ phải gọi ta bằng “*Thầy*” cho tiện bề đối đãi, và ta gọi lại các con.

“*Thầy muốn dùng các con mà hoằng khai nền Đại Đạo, các con dám lãnh trọng trách ấy không?*”. Ông Phạm Công Tắc bạch: Thầy dạy bảo thì chúng con tuân lệnh, nhưng trong các con từ bé chí trưởng chẳng ai thông đạo lý chi, duy nhờ Thầy dạy bảo bấy lâu, thì sự hiểu biết chứa đựng trong muôn một, e chẳng xứng đáng mà đảm nhận trọng trách lớn lao này.

Đức Cao Đài Thượng Đế phán: Chi chi có Thầy gần bên các con, miễn là các con khứng chịu để trọn tấm lòng thành thì chẳng hề chi. Cả 3 ông đều vâng chịu và xin đức Cao Đài chỉ bảo về phương thức thờ phượng.

Sau buổi lễ «*Vọng thiên cầu Đạo*», 3 ông Cư, Tác, Sang hết lòng tôn kính đức Cao Đài Thượng Đế, lo dưỡng tánh tu tâm, chuyên bề đạo đức rất ân cần.

Tiếng đồn vang dội khắp nơi là có đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng trần khai sáng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Sự kiện này đã ghi thêm một bước tiến tới, hướng về Tôn Giáo Cao Đài được khai sanh trên vùng đất Việt Nam, một vinh dự lớn lao cho dân tộc Việt Nam là được

nắm chủ quyền Tân Giáo Cao Đài, để thực hiện sự thương yêu và quyền công chánh mà đức Cao Đài đã phán dạy:

*Chẳng quân đông tông mới một nhà,
Cùng nhau một đạo tức một cha.
Nghĩa nhân đành gọi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau đặng chữ hòa.*

Trước những huyền diệu mà đức Cao Đài đã thể hiện, hướng dẫn ông Cư, Tắc, Sang trong thời gian qua, tạo thành một niềm tin tuyệt đối, tôn kính đức Cao Đài.

Thấm thoát đến ngày lễ Noel (24-12-1925), 3 ông thiết lập đàn cơ thì đức Cao Đài Thượng Đế về chỉ dạy:

*Muôn kiếp có ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân thiên.
Đạo mẫu rười khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

Hôm nay các con phải vui mừng, vì là ngày Thầy đã xuống trần dạy đạo bên Thái Tây (Europe). Thầy cũng rất vui mừng mà đặng thấy các chú đệ tử kính mến Thầy như vậy. Nhà này sẽ đầy ơn Thầy. Thầy sẽ làm cho các con thấy huyền diệu để các con kính mến Thầy hơn nữa. Bấy lâu nay Thầy vẫn tá danh A.Ă.Ă. là để dìu dắt các con vào đường đạo đức, hầu chẳng bao lâu nữa đây, các con phải ra giúp Thầy mà khai đạo. Các con thấy Thầy khiêm nhường đến dường nào chưa? Các con nên bắt chước Thầy.

Đêm 18-1-1926, đức Cao Đài Thượng Đế giảng cơ phán dạy: ông Phạm Công Tắc và ông Cao Quỳnh Cư phải đem Ngọc Cơ vào tận nhà ông Lê Văn Trung, (Hội Đồng thượng Nghị Viện nhà ở đường Testard, Chợ Lớn) để phò cơ cho đức Cao Đài Thượng Đế về chỉ dạy

cho ông Lê Văn Trung. Đây là một việc khó khăn cho 2 ông Cử, Tắc, bởi vì từ trước đến giờ 2 ông chưa từng quen biết với ông Lê Văn Trung, hơn nữa ông Trung là một công chức cao cấp, quyền thế, mà đức Cao Đài bảo phải đem đàn cơ vào tận nhà ông Trung. Đức tin mạnh, khiến 2 ông phải tuân mạng lệnh của đức Cao Đài. Hân hạnh thay! 2 ông vừa bước vào nhà ông Trung thì được gia nhân vào phúc báo cho ông Trung hay là có khách lạ đến viếng. Ông Trung liền ra tiếp, mời khách vào nhà và an tọa. 2 ông Cử, Tắc bắt đầu thuật lại về việc đức Cao Đài Thượng Đế phán dạy là đem đàn cơ đến tận nhà ông để chỉ bảo ông. Vừa được nghe 2 tiếng Cao Đài, ông vô cùng hân hoan chăm chú nghe từng lời thuật một cách thích thú và tôn kính, ông liền chấp thuận cho thiết lập đàn cơ tại nhà ông mà không chút do dự.

Sau lần gặp gỡ và hội đàm thân mật, cùng với sự ân cần của ông Lê Văn Trung, khiến cho ông Phạm công Tắc càng thêm tôn kính đức Cao Đài hơn. Thoạt đầu ông quá lo âu và hồi hộp trước khi bước vào nhà ông Trung, nhưng sau khi tiếp chuyện mới thấy rõ là ông Trung cũng rất sùng kính đức Cao Đài và còn rất thâm tình với 2 ông như tình huynh đệ với nhau.

Sau đó, ông Lê Văn Trung liền trang trí nhà cửa, thiết lập bàn hương án, mua sắm nhang đèn, hoa, quả, trà, rượu đầy đủ, để chờ ngày cung nghinh đức Cao Đài Thượng Đế giáng lâm. Đến ngày rằm tháng chạp năm Ất Sửu (1925), đàn cơ được thiết lập tại nhà ông Trung vô cùng trọng thể với sự tôn kính tuyệt đối của ông đã được ung đức từ bấy lâu, nên đức Cao Đài Thượng Đế liền giáng cơ chỉ dạy: “*Thấy đã cho Lý Thái Bạch đến dìu dắt các con ở đàn*

cơ Chợ Gạo bao lâu nay. Trung nhất tâm nghe con! Sống cũng nơi Thầy, thác cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy, con hãy lấy sự sáng của con mà suy lấy...”

KỆ RÀNG

*Một trời, một đất, một nhà riêng,
Dẫn độ như sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên cơ ra cứu chúng,
Đạo người vẹn vẻ mới là Tiên.*

Những lời phán dạy của đức Cao Đài Thượng Đế đã được ông Lê Văn Trung nghiêm chỉnh thi hành, và tạc dạ ghi lòng, không bao giờ xao lãng phạm sự. Nhất là sự huyền diệu của đức Cao Đài đã ban cho ông Trung được sáng mắt. Nên nhớ đôi mắt của ông Trung bị mờ lòa từ lâu; Các danh y, bác sĩ đều tận tình chữa trị nhưng không hết. Hôm nay được sự huyền diệu đặc ân của đức Cao Đài cho được sáng lại như xưa. Đó là một huyền diệu thiêng liêng, một khích lệ lớn lao mà suốt đời ông Trung hằng ghi nhớ, nên đức Cao Đài Thượng Đế cũng đã để lời phán dạy: “*Trung con hãy lấy sự sáng của con mà suy lấy...*”. Tin tưởng vào huyền diệu thiêng liêng của đức Cao Đài, ông Trung nhất định thu xếp việc nhà, đệ đơn xin từ chức hội đồng thượng nghị viện, tình nguyện phế đời hành đạo, một việc làm ít có xảy ra trong chốn quan trường, và cùng hợp tác với các ông: Phạm công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang đi khắp các tỉnh để phổ độ chúng sanh, và lần hồi ông Trung trở thành một chức sắc cao cấp đặc lực của Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh. Đồng thời, đức Cao Đài Thượng Đế còn phán dạy thêm: “*Trung con phải xúc tiến việc khai mở Đạo mới của Thầy giáng thế kỳ ba, mượn tên là Cao Đài, dùng biểu*

tượng Thiên Nhân tượng trưng Thượng Đế, danh xưng là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”.

Tháng 2 năm 1926, ông Phạm Công Tắc và quý ông Trung, Cư, Sang, Hậu, Đức đến nhà số: 110 đường Boudais Sài Gòn để nhờ ông Ngô Minh Chiêu hướng dẫn thêm về cách thờ Thiên Nhân mà đức Thượng Đế đã mặc khải cho ông Chiêu được nhìn thấy con mắt (Thiên Nhân), biểu tượng đức Thượng Đế vào năm 1921 và đã họa thành bức tượng Thiên Nhân để thờ và tôn kính. Do cơ bút hướng dẫn mà 2 nhóm môn đệ của đức Thượng Đế có dịp được gặp gỡ trong tình huynh đệ tại nhà ông Chiêu vô cùng thân mật, và cũng để phân chia trách nhiệm phổ biến nền Đại Đạo, đây cũng là ngày lịch sử của 12 môn đệ đầu tiên của đức Cao Đài Thượng Đế đã nhờ cơ bút hướng dẫn mới có dịp hội ngộ với nhau, tay bắt mặt mừng còn hơn anh, em ruột thịt cùng chung một nhà, để lo phương cách truyền bá nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đức Cao Đài Thượng Đế là chúa tể Càn khôn thế giới, yêu thương dân tộc Việt Nam là một dân tộc có đầy đủ đức tin vững chắc biết kính Trời, thờ Phật, bất cứ tôn giáo nào, từ đâu du nhập vào nước Việt Nam đều được dân tộc Việt Nam sùng kính thờ phượng. Do lòng hiếu đễ và ngưỡng mộ vô bờ bến đó, đức Cao Đài mới ưu ái, chiếu cố, chọn dân tộc Việt Nam mặc dù là một sắc dân nhỏ bé, hèn hạ, bị lệ thuộc ở hướng Á Đông mà giao nền chánh giáo trong tay, tự làm chủ. Đức Cao Đài dùng huyền diệu cơ bút giáng trần mà trực tiếp hoằng khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, còn được gọi là Đại Ân Xá Kỳ Ba, tức là Đạo Cao Đài trên đất nước Việt Nam vào năm 1926. Điều cốt yếu là tạo cho giống nòi Việt Nam văn hồi

quốc vận lấy đạo đức như nghĩa làm chuẩn, để gieo trồng nơi cửa Đạo Cao Đài hội giống trường sanh bất tử, phục sanh hồn nước đã điêu tàn, sau 80 năm bị đô hộ, trong sự thương yêu và công bằng của đức Thượng Đế là Qui Tam Giáo, Hiệp Ngũ Chi, hầu đưa nhân loại đến đại đồng thế giới, sớm biết nhìn nhau là con một cha.

Nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức Đạo Cao Đài được khai sáng trên đất nước Việt Nam không phải là một chuyện ngẫu nhiên, mà do thiên cơ tiền định có một căn nguyên nhiệm mầu vô cùng bí ẩn, trí phàm không thể xét đoán được, mà chính các Tôn Giáo trước kia đã có lời tiên tri chứng minh là Thượng Đế chúa tể càn khôn vũ trụ sẽ sáng lập Tân Tôn Giáo Cao Đài. Chỉ có lòng thương yêu vô biên của đức Cao Đài mới tạo được hoàn cảnh tốt đẹp cho 2 nhóm Cao Đài, cùng chung một sự ung đức, rèn luyện từ lâu, được dịp hoan hỉ ngổi chung lại và tuyệt đối tuân lời phán dạy của đức Cao Đài.

Đêm giao thừa Tết Nguyên Đán năm Bính Dần (18-2-1926) tuân lệnh đức Cao Đài Thượng Đế phán dạy, ông Ngô Minh Chiêu cùng 2 ông Cao Quỳnh Cư và ông Phạm Công Tắc phải mang Ngọc Cơ thân hành đến từng nhà của các môn đệ đầu tiên để đức Cao Đài giáng cơ cho mỗi môn đệ một bài thi chúc xuân, tiên đoán đức tánh hành đạo của mỗi người. Trước hết là đến nhà ông Võ Văn Sang. Sau khi chủ gia thắp nhang đèn khẩn nguyện xong thì ông Tắc và ông Cư phò loan, đức Cao Đài liền giáng cơ cho một bài thi:

*Tân dân hỉ kiến đắc tân niên,
Tam Kỳ Phổ Độ bá thế hiền.
Nhứt định chủ tâm chơn đạo lý,*

Thăng thiên hoạt địa chỉ như nhiên.

Sau khi đức Cao Đài Thượng Đế giảng cơ cho bài thi xong thì ông Ngô Minh Chiêu ngỡ lời chúc mừng năm mới đến gia đình ông Võ Văn Sang, rồi từ giả ông Sang để đi đến nhà môn đệ khác. Cứ thế 3 ông Chiêu, Cư, Tắc đến từng nhà các môn đệ để phò loan cho đức Cao Đài giảng cơ chỉ dạy cùng chúc xuân cho mỗi gia đình. Quý ông phải đi cho đủ 12 gia đình môn đệ của đức Cao Đài, mới được trở về nhà. Những gia đình môn đệ đều tiếp nhận những lời vàng tiếng ngọc của đức Cao Đài Thượng Đế phán dạy, và tiên đoán vận mạng tu hành của mỗi vị môn đệ ở buổi sau này, Bằng một bài thi ngắn gọn và đầy đủ ý nghĩa cao xa, thâm thúy.

Ngày 11 tháng 3 năm Bính Dần (24-4-1926), ông Phạm Công Tắc được đức Cao Đài Thượng Đế phong chức “*Hộ Giá Tiên Đông Tá Cơ Đạo Sĩ*”, cùng với quý ông Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang v.v... đều được thọ phong chức sắc. Cả quý ông Cư, Tắc, Sang, Diêu, Hậu, Đức v.v... đều phải tôn kính ông Lê Văn Trung là anh và phải tôn kính ông Ngô Minh Chiêu là anh cả. Và đức Cao Đài Thượng Đế có phán dạy:

“Chư đệ tử nghe!

Chiêu hôm trước hứa truyền đạo, cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ, dẫn dắt các môn đệ Ta vào đường đạo đức, đến buổi chúng nó lập thành. Chẳng nên thối thác! Thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó, nghe và tuân lệnh.

Trung, Kỳ, Hoài 3 con phải thay mặt cho Chiêu mà đi độ người, nghe và tuân lệnh!

Bằng, Sang, Giảng, Quý lo dọn mình đạo đức để truyền bá cho chúng sanh, nghe và tuân lệnh!

Đạo con phải hợp mặt vào đây để giúp đỡ Trung, nghe và tuân lệnh!

Ông Đáo bạch: Bạch Thầy, con mắc lo vun tròn hội Minh Lý.

Đức Cao Đài Thượng Đế phán: Cũng một gốc, tùy ý con định, sau chớ có trách Thầy!

Đức tập cơ, Hậu tập cơ, sau theo mấy anh đặng độ người, nghe và tuân lệnh!”

Phải chăng những lời phán dạy của đức Cao Đài Thượng Đế là một Thiên lệnh bổ nhiệm những vị đầu tiên, phân công cho từng môn đệ, 2 đoàn thể Cao Đài được đức Thượng Đế đào tạo từ lâu, hiệp nhứt lại để cùng chung một trách nhiệm, truyền bá nền Đại Đạo hầu làm sáng tỏ thanh danh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Thật là một Thiên lệnh thuyên bố hi hữu của đức Cao Đài Thượng Đế. Các môn đệ đầu tiên không một lời thối thác, suy bì, mà chỉ biết tuyệt đối tuân hành theo huyền diệu Thiêng liêng ban bố. Số người vào Đạo Cao Đài lên gấp mấy lần, gây nhiều lo âu cho quý ông vì chưa có nơi thờ phượng, và cũng cần phải được hợp pháp trong việc truyền đạo ở các tỉnh cho được dễ dàng. Do đó quý ông mới thiết lập đàn cơ cầu xin sự chỉ giáo của đức Cao Đài Thượng Đế. Đức Cao Đài Thượng Đế phán dạy: “*Các con vào chùa Giác Hải gặp hòa thượng Như Nhân thì sẽ toại nguyện*”. Tiếp nhận lời dạy của đức Cao Đài, một phái đoàn Chức sắc Cao Đài được đề cử đến kiến diện Hòa Thượng Như Nhân và được tiếp đón rất nồng hậu. Sau khi được trình

bày cận kê, Hoà Thượng Như Nhân đồng ý chấp thuận cho mượn ngôi chùa Gò Kén (Từ Lâm Tự tại tỉnh Tây Ninh đang xây cất gần xong, chỉ còn tô vách, lót gạch, và sơn phết là sử dụng được). Trưởng huynh Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh đứng ra đảm nhiệm trọng trách tu bổ ngôi chùa Gò Kén do Hoà Thượng Như Nhân cho tạm mượn để làm ngôi Thánh Thất Cao Đài. Đồng thời, các môn đệ đầu tiên của đức Cao Đài hợp nhau thảo luận viết đơn xin khai đạo để trình lên đức Cao Đài xem xét trước. Đức Cao Đài có phán dạy: *“Thầy là chúa tể Càn Khôn thì còn đi xin phép ai? Nhưng vì các con quá sợ nên Thầy phải chiều lòng”*.

Ngày 29-9-1926, ông Phạm Công Tắc cùng các môn đệ đầu tiên gồm 27 vị đồng ký tên (thay mặt cho 247 vị hiện diện trong buổi họp) trong tờ khai Đại Đạo gửi lên ông Le Foy, Phó Soái Nam Kỳ. Thật ra thì tờ khai đạo đã được ông Lê Văn Trung và ông Lê Văn Lịch soạn thảo trước rồi, và đức Cao Đài đã duyệt lãm.

Thiết tưởng nền Đại Đạo lúc bấy giờ đang bị chánh quyền Pháp nghi kỵ. Mọi sự di chuyển của các chức sắc, khó lọt qua mắt của mật thám bủa vây khắp nơi. Ông Lê Văn Trung dám đương đầu, đứng mũi chịu sào đệ đơn xin khai Đạo lên chính phủ Pháp là một việc làm không đơn giản và không kém phần nguy hiểm. Nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tuy mới phôi thai, nhưng 2 tiếng Cao Đài luôn luôn được đồng bào nhắc nhở tôn kính, nên mỗi khi có thiết lập bàn cơ bất luận nơi nào, dù xa xôi cách trở mấy đi nữa, đồng bào cũng nhiệt tình kéo đến tham dự rất đông đảo. Trước là tiếp thu, ghi nhận những chỉ dẫn về đạo đức, tu hành của các đấng Thiêng liêng, sau là xin

toa thuốc trị bệnh và xin nhập môn cầu Đạo.

Chùa Gò Kén (Tây Ninh), bốn đạo ngày đêm lo tu sửa, sơn phết rất trang nghiêm cho kịp ngày lễ Khánh Thành Thánh Thất Cao Đài vào ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần (16-11-1926). Kể từ ngày mừng 1 tháng 10 năm Bính Dần, Hội Thánh Cao Đài ban lệnh cho tất cả Chức Sắc ở các tỉnh tạm ngưng việc truyền bá để qui tụ về Thánh Thất Cao Đài Gò Kén (Tây Ninh) để chung lo cho ngày đại lễ khánh thành Thánh Thất và kỷ niệm ngày hoằng khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Về việc kỷ niệm này đức Cao Đài Thượng Đế Giáng Cơ phán dạy:

“Các con! Thầy đã lập thành Thánh Thất, nơi ấy là nhà chung của các con! Hiểu à!”

Thầy lại qui Tam giáo, lập Tân luật, trong Rằm tháng 10 có đại hội cả Tam Giáo Thánh Thất! Các con hay à!

Sự tế tự sửa theo Tam Kỳ Phổ Độ, cũng nơi ấy xuất hiện mà ra! Rõ à!

Thầy nhập 5 Chi lại làm một là có ý qui tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà, Thầy là Cha chưởng quản! Hiểu à!

Từ đây trong nước Nam duy có một Đạo nhà chân thật là Đạo Thầy, Thầy đã đến lập cho các con gọi là Quốc Đạo! Hiểu à!

Thầy phải buộc các con hiệp chung trí mà lo việc đó! Nghe à! Từ đây các con sẽ cực nhọc hơn, vì Thầy phân phát phận sự cho mỗi đứa, chẳng vì vậy mà các con sanh nạnh nhau, tựa hồ chia phe, phân phái là đại tội trước mặt Thầy! Nghe à!

Các con phải ngưng mọi việc mà chung lo cho đại hội”

Tiếp được những lời vàng, tiếng ngọc của đức Cao Đài Thượng Đế dạy và hướng dẫn từng sự việc, người tín hữu Cao Đài muôn người như một, đồng nhận thức tầm quan trọng của ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần là ngày đại lễ kỷ niệm Đệ Nhất Chu Niên Hoàng Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên quê hương Việt Nam. Đây là một danh dự lớn lao cho dân tộc Việt Nam ta, chánh thức có được mỗi đạo nhà, và cũng là ngày đại hội tôn giáo đầu tiên trên đất nước Việt Nam. Thật ra, trước nguồn dư luận của bàn quan thiên hạ bán tin, bán nghi đủ mọi mặt về những biến cố đã xảy ra trong ngày đại lễ, sự mâu nhiệm thiêng liêng của đức Cao Đài vẫn tỏ rạng trong việc giáng cơ thành lập xong bộ Pháp Chánh Truyền và bộ Tân Luật làm giềng mối căn bản cho tôn giáo Cao Đài. Cũng vì vậy mà hằng ngày tại Thánh Thất Gò Kén có trên 200 vị nhập môn cầu đạo.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thường nhắc nhở với bốn đạo: Đạo Cao Đài được khai mở cho dân tộc Việt Nam, cho đất nước Việt Nam, tức là ách nạn của đất nước ta được mãn. Phải giữ lòng trong sạch, lấy sự nhẫn nhịn làm gương, hướng dẫn nhưn loại đến đại đồng, trong tình thương yêu công bằng, giúp đỡ lẫn nhau như con một nhà. Một dân tộc như thế, lẽ dĩ nhiên phải có đủ đạo hạnh, đủ năng lực để đảm nhiệm việc hướng dẫn nền văn minh của nhưn loại sau này. Đức Cao Đài Thượng Đế đã phán dạy: *«Từ đây trong nước Nam duy có một đạo nhà chân thật là đạo Thầy, Thầy đã đến lập cho các con gọi là Quốc Đạo! Hiếu à!»*. Cũng vì danh xưng “Quốc Đạo” mà Đức Hộ Pháp đã long trọng xác nhận:

“Nghe tới 2 chữ Quốc Đạo, thật là vô giá, mà Bản Đạo tìm tòi rồi mới hiểu. Khởi điểm biết thương nòi giống, biết thương tổ quốc, đeo đuổi mãi còn với cái điều khao khát từ buổi thanh xuân đó vậy. Bản Đạo tưởng đâu Phạm Công Tắc đã chết đi hồi 35 tuổi, tức là lúc Bản Đạo tự nguyện hiến cả thể xác cho Đức Chí Tôn, tức Đức Cao Đài Thượng Đế, làm con tế vật phụng sự cho nhân loại sau này”.

Huyền diệu thay! Lời thệ nguyện đã ứng nghiệm rõ rệt cho cuộc đời hành đạo của Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc. Ngày 17-5-1959, Đức Ngài Qui Thiên trên giường bệnh tại bệnh viện Carmette Phnom Pênh, trong lúc đang lưu vong trên đất nước Cao Miên. Một tuần lễ trước khi rời khỏi cõi đời, Đức Ngài di ngôn:

«xin tạm gởi thi hài (thể xác) tại nước Cao Miên, để cùng chung chịu cảnh chia đôi của đồng bào 2 miền Nam-Bắc Việt Nam».

Đức Hộ Pháp đã trả lời một câu hỏi của đức Cao Đài Thượng Đế:

«Thầy bảo con làm Lão Tử, hay Jesus con làm cũng không đặng, làm Thích Ca Mâu Ni cũng không đặng, con chỉ làm đặng Phạm Công Tắc mà thôi. Con nghĩ rằng bất tài vô đạo đức này, chỉ quyết theo Thầy không bỏ, những tưởng cũng chẳng ích chi cho Thầy».

Đức Cao Đài Thượng Đế phán dạy:

“Tắc, thoảng như Thầy lấy tính đức Phạm Công Tắc lập giáo, con nghĩ sao?»

Đức Hộ Pháp bạch: «Nếu đặng vậy...»

Đức Cao Đài Thượng Đế phán dạy tiếp:

«*Thầy đến lập cho nước Việt Nam một nền Quốc Đạo*».

Nghe xong, tâm tư Đức Hộ Pháp như phiêu lưu lên giữa không trung, nghe nói điều mà mình từng ước mong, Đức Ngài không thể từ chối đặng, bởi 2 chữ Quốc Đạo có nhiều mãnh lực là tôn giáo Cao Đài thật sự của dân tộc Việt Nam và chính người Việt Nam làm chủ. Đồng thời đức Cao Đài Thượng Đế có ban cho một bài thi:

Từ đây nòi giống chằng chia ba,⁽¹⁾

Thầy hiệp các con lại một nhà.⁽²⁾

Nam, Bắc cùng rời ra ngoại quốc,⁽³⁾

Chủ quyền chơn đạo một mình Ta.⁽⁴⁾

(1) – Chẳng phải chia nước Việt Nam: Nam, Trung, Bắc mà chia 3 đạo là: Nho Giáo, Lão Giáo và Phật Giáo.

(2) – Thầy nắm chủ quyền, hiệp Tam Giáo tức nhiên nền Chơn Giáo Quốc Đạo, chẳng những của Việt Nam mà thôi, mà cả nhân loại thế giới.

(3) – Nền Đại Đạo được truyền bá Nam, Trung, Bắc thành tướng rồi mới truyền ra ngoại quốc.

(4) – Đức Cao Đài Thượng Đế vi chủ Đại Đạo, tín ngưỡng qui nhất.

Hội Thánh Cao Đài dự trừ khánh thành Thánh Thất Gò Kén trong vòng 3 ngày, vì khả năng tài chánh có hạn, không dám mời nhiều khách. Hơn nữa, thực dân Pháp theo dõi cản ngăn lắm chuyện, nhưng Đại Lễ Khánh Thành mặc nhiên kéo dài trên 3 tháng. Đồng bào, nhân sĩ, trí thức, báo chí, đủ mọi giai cấp, mọi tín ngưỡng, mọi quan niệm lần hồi kéo về Thánh Thất Gò Kén để chiêm

ngưỡng lễ bái đức Cao Đài Thượng Đế, cùng chào mừng nền tôn giáo vừa được khai sáng trên đất nước Việt Nam. Giới nhân sĩ trí thức nhập môn trên 100.000 người, đã lôi cuốn một số đông đảo đồng bào ở các tỉnh qui tụ về làm công quả khiến cho thực dân Pháp đâm ra lo sợ về sự phát triển quá nhanh chóng của Đạo Cao Đài. Do đó vị Chánh Tham Biện Tỉnh Tây Ninh tìm cách gây áp lực bắt buộc Hòa Thượng Như Nhân phải dời chùa Gò Kén lại.

Đồng thời, thực dân Pháp xúi giục Phật Tử đệ đơn xin cấp bách trục xuất Hội Thánh Cao Đài ra khỏi chùa Gò Kén, cố tình đẩy số tín đồ này vô tận rừng sâu nước độc, đây sơn lam chướng khí, tiêu hao lần hồi với ý đồ thâm độc, triệt hạ các mầm phản loạn có thể xảy ra sau này. Trước áp lực trục xuất khỏi chùa Gò Kén, Hội Thánh Cao Đài còn đang băng khoăn, không biết phải dời đi đâu thì đức Cao Đài Thượng Đế và đức Lý Thái Bạch giảng cơ phán dạy:

«Hội Thánh đến Bàu Cà Na, xã Long Thành (Tây Ninh) tìm mua một vùng đất để xây cất Đền Thánh Cao Đài».

Được sự hướng dẫn quá rõ ràng của Quyền Thiêng Liêng, Đức Hộ Pháp cùng Trưởng Huỳnh Chánh Phối sư Thái Thơ Thanh và một số chức sắc ngồi xe đến thẳng Bàu Cà Na, thì được hướng-dẫn để mua phần đất 96 mẫu rừng cấm hoang vu của ông Aspar bán lại với giá 25.000 đồng.

Đức Lý Thái Bạch giảng cơ phán dạy:

«Ngày nay Lão nhứt định bỏ chùa Gò Kén, vậy thì các con phải trả lại chùa này, song trước khi trả phải cất Thánh Thất cho xong y như lời dạy. Chư Đạo Hữu

phải hiệp nhau lập cho thành Tòa Thánh. Chi chi cũng tại Tây Ninh này mà thôi, bởi vì nơi đây rộng rãi, đó là nơi tiếp giao với ngoại quốc».

Hội Thánh liền đề cử Đại Huynh Cao Thượng Phẩm đứng ra huy động số công thợ và công quả, tình nguyện chung tâm hiệp trí để cất chòi, đồn cây, bứng gốc khu rừng cấm 96 mẫu ngày đêm không nghỉ. Với 2 bàn tay trắng, không một cơ giới, chỉ một quyết tâm cùng nhiệt tình, vồn vện trong vòng 3 tháng, người Tín Hữu Cao Đài đã san bằng khu rừng cấm 96 mẫu hoang vu, nhường cho ngôi Tòa Thánh tạm từ từ mọc lên. Tuy bằng gỗ, tranh, lá, nhưng ngôi Đền Thánh có đủ lầu chuông, lầu trống, có Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, có Bát Quái Đài cao vòi vọi gần bên khu rừng thiên nhiên với lối kiến trúc phi thường và rất thẩm mỹ, làm cho khách viễn du kinh ngạc trước những công trình do Quyền Thiêng Liêng hướng dẫn cho đến ngày hoàn thành. Ngôi Đền Thánh Cao Đài tạm được kiến tạo khang trang cho nhân sanh thờ phượng đức Ngọc Hoàng Thượng Đế trong một thời gian ngắn ngủi. Đó là do công lao của đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, cùng các công thợ, công quả nhiệt tình, ngày đêm dầm sương, trải nắng để hoàn thành đáp ứng nguyện vọng thiết tha của toàn thể Bốn đạo.

Nền Đại Đạo vẫn tiếp tục truyền bá ở các Tỉnh, và Đức Hộ Pháp hướng dẫn, giáo hóa thêm một số chức sắc có đủ khả năng và tài đức để đi hành đạo các Quận, Tỉnh, luôn cả ở Lào và Cao Miên. Hân hạnh thay cho dân tộc Việt Nam, vào đêm 16 tháng 10 năm Mậu Thìn (27-11-1928), Bát Nương Điều Trì Cung giáng đàn cho Đức Hộ Pháp biết là: vào năm 1914, Trung Quốc có cho

Thầy Địa Lý Lỗ Ban, người Triều Châu bí mật đột nhập vào nước Việt Nam mang theo cây Long Tuyền Kiếm đến tận núi Lan để dùng phép trừ ếm dân tộc Việt Nam, làm cho Nhân Tài Việt Nam không xuất hiện được. Vì Trung Quốc lo ngại hòn núi Lan nổi lên thì có Trạng, Tướng, Nhân Tài sẽ xuất hiện ở nước Việt Nam. Đồng thời, Bát Nương Diêu Trì Cung hướng dẫn và chỉ bảo cho Đức Hộ Pháp biết rõ phương cách “*Hóa giải phép trừ ếm*” của Trạng Trung Quốc. Cho đến ngày 27-2-Kỷ Tỵ (26-4-1929), Đức Hộ Pháp và một số chức sắc gồm có: Đại Huynh Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Trịnh Phong Cương ngồi xe xuống tận Thánh Thất Khổ Hiên Trang, xã Phú Mỹ, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là Tỉnh Tiền Giang), hiệp với chức sắc và bốn đạo tại Khổ Hiên Trang để đi tìm Long Tuyền Kiếm.

Buổi hội thảo về phương thức đi tìm Long Tuyền Kiếm do sự chỉ dẫn của Bát Nương Diêu Trì Cung, đi đến kết luận là: Thành lập một phái đoàn gồm 36 vị chức sắc, chức việc và bốn đạo khỏe mạnh, tình nguyện sử dụng 12 chiếc xuồng ba lá. Đoàn tùy tùng có nhị vị Hiên Huynh Lê Văn Trung và Nguyễn Văn Chưởng (sau này là trưởng ban kinh tài châu đạo Mỹ Tho, còn ông Lê Văn Trung là Chưởng Quản Phước Thiện nam phái). Đúng 6 giờ sáng Đức Hộ Pháp hướng dẫn cả phái đoàn vào Thánh Thất Khổ Hiên Trang, bái lễ đức Chí Tôn để trọn tâm khẩn nguyện sự ra đi tìm Long Tuyền Kiếm được kết quả tốt đẹp. Sau khi dùng điểm tâm xong, đúng 8 giờ sáng ngày 28-2-Kỷ Tỵ (27-4-1929), Đức Hộ Pháp và phái đoàn xuống 12 chiếc xuồng ba lá trực chỉ theo con sông đi thẳng xuống chợ Thầy Yến rồi đến Láng Cát mới dừng lại. Cả

phái đoàn cùng lên bờ, tự vạch các cây lau, cây sậy, cây bàng tạo thành một con đường để tiến tới hòn núi Lan vừa mới nổi lên khỏi mặt đất. Người hướng dẫn đi trước phải cầm một sợi dây luộc dài, để đoàn người đi sau bám lấy lần mò bước theo chân người đi trước, vì cỏ năng, bàng mọc khỏi đầu người nên không thấy nhau được. với một khoảng đường độ 700 thước (đường chim bay), mà phái đoàn phải vất vả vượt qua rất chậm chạp, phải lội qua một con bưng sinh lầy, nước phèn trong vắt, mất cả tiếng đồng hồ phái đoàn mới đi đến gò đất hòn núi Lan. Đức Hộ Pháp ra lệnh tạm dừng chân nghỉ dưỡng sức, rồi bắt đầu chấp bút, còn cả phái đoàn thì thành tâm cầu nguyện Thần Linh phù trợ cho phái đoàn sớm tìm được nơi chôn dấu Long Tuyên Kiếm.

Suốt cả giờ đồng hồ, đoàn tùy tùng vô cùng vất vả, tận lực đào sâu xuống đất, cho đến khi đụng phải phần đá cứng, vẫn quyết tâm đào thủng đá thì thu lượm được một cái Ghè, như cái bình vôi của mấy người ăn trâu, một lưỡi dao phai rĩ sét, 6 con cờ tướng làm bằng ngà, và 6 đồng tiền kẽm thuộc đời vua Minh Mạng, cả phái đoàn hết sức hân hoan phấn khởi, nhất định sẽ tìm cho được Long Tuyên Kiếm, nên không ai bảo ai, mọi người đều nỗ lực đào sâu xuống thêm, sau cùng thì đụng phải một cái hòm bao chì, bề dài độ 9 tấc. Nổi vui mừng không kể xiết, khi cái hòm được đem lên khỏi mặt đất, lau chùi sạch sẽ và Đức Hộ Pháp phán dạy: Long Tuyên Kiếm trong đó, Đức Hộ Pháp ra lệnh gói kỹ lại Bằng vải đỏ để đưa về Tòa Thánh. Đồng thời, Đức Hộ Pháp chỉ định cho đoàn tùy tùng phải cố gắng đào một con kinh từ ngọn Tràm Sập băng ngang chót mũi Long Tuyên Kiếm cho bút,

đặng trừ tuyệt phép ếm của Thầy Lỗ Ban Trung Quốc. Trong lúc đoàn tùy tùng đang đào kinh, Đức Hộ Pháp phán dạy: «*Nay là kỷ niệm nước Việt Nam, dòng giống Lạc Hồng được hữu phúc nhờ Đạo Trời khai mở, gỡ nạn ách cho nhân loại và từ từ sẽ gỡ ách nô lệ cho dân tộc Việt Nam ta. Dòng dõi ta sẽ phục nghiệp, dân tộc sẽ xuất hiện nhân tài, phá tan xiềng xích chẳng còn bị lệ thuộc nữa, nếu chậm trễ là do nhân dân Việt Nam ta không biết tôn thờ đức Chí Tôn, không đủ thương yêu nhau, cứ tranh giành quyền lợi cá nhân. Lại nữa, tổ phụ ta đã gây ra nợ máu là Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn, nay vẫn còn dính dòng máu ấy, khi nào nợ máu ấy trả dứt rồi thì mới vãn hồi hoà bình, độc lập thật sự được*». (Trích bài hóa giải Long Tuyên Kiếm của chơn Nhơn Lê Văn Trung).

Thiết nghĩ trong vòng lệ thuộc Pháp năm 1929, mà Đức Hộ Pháp đã làm một việc phi thường, thể gian hi hữu, là hướng dẫn một phái đoàn Cao Đài đi tìm Long Tuyên Kiếm tại núi Lan và long trọng cho biết trước rằng: Dân tộc Việt Nam sẽ có nhiều nhân tài xuất hiện, từ từ sẽ gỡ ách nô lệ, phá tan xiềng xích, chẳng còn bị lệ thuộc nữa. Lời tuyên bố của Đức Hộ Pháp lúc bấy giờ đã bộc lộ tinh thần ái quốc nồng nàn trước mũi thực dân Pháp mà không ngần ngại hiểm nguy.

Tháng 6 năm 1927, Đức Hộ Pháp lên đường sang Phnom penh để trợ lực cho hiền huynh Thượng Bảy Thanh thành lập văn phòng Hội Thánh Ngoại Giao trên đường Lalande De Callan Thủ Đô Phnom Penh. Chỉ trong vòng 7 tháng hành đạo tại Phnom Penh, Đức Hộ Pháp đã nhiều lần phổ loan cho ông Victor Hugo tự xưng là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn. Sau này Hội Thánh Ngoại Giao được dẫn

dắt dưới quyền điều khiển của đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, và chính Ngài đã độ dẫn được một số trí thức tên tuổi trên đất nước Cao Miên nhập môn vào Đạo Cao Đài, gây nhiều sự chú ý của chính phủ Cao Miên hiện hữu.

Ngày 6-6-1928 tờ nhật báo Pháp ngữ Les Annales Coloniales có đăng bài của nghị sĩ Edward Neron, hạt Nauteloire nói về những biến chuyển như sau: “*Gần đây các Chức sắc Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh loan tin rằng: Sẽ có một ông vua mới cho người Cao Miên xuất hiện tại Tây Ninh*”. Tin theo lời đồn đãi, người Cao Miên kéo đến Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh rất đông đảo, trên 10.000 người.

Ông De La Brosse, Thống Đốc Nam Kỳ và ông đại diện cho vua Monivong nước Cao Miên, cùng các viên chức chỉ huy ngành an ninh Nam Kỳ và ngành công an phối hợp đến tận Tòa Thánh Tây Ninh, ông Thống Đốc mời vị Chức sắc cao cấp nhất là đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật (Lê văn Trung), buộc Ngài phải đính chánh tin đồn về việc một nhà vua Cao Miên mới sẽ xuất hiện tại Tây Ninh, và Ngài phải chịu trách nhiệm về những việc lộn xộn có thể xảy ra. Lệnh truyền được thi hành và không có việc gì đáng tiếc xảy ra làm rối trật tự.

Đây là thủ đoạn của thực dân Pháp tại Cao Miên, được biết Đức Hộ Pháp mới tới hành đạo, Phổ biến nền Đại Đạo chỉ trong một thời gian ngắn mà đã được một số đông trí thức, nhân sĩ tại thủ đô Phnom Pênh nhập môn vào Đạo Cao Đài trên lãnh thổ Cao Miên.

Ngày 1-7-1931, tờ báo Midi Colonial loan tin: Một nỗi nguy cơ thật sự cho nền trị an ở cõi Đông Dương (Un Véritable danger pour la sécurité de L>Indochine). Sau đó, ông Emey Oustrey Nghị Sĩ (nguyên Thống Đốc Nam Kỳ),

đã viết bài đăng trên báo Midi Colonial ngày 18-7-1931 như sau: «*Không ưa thích gì Đạo Cao Đài, tôi đã đề nghị đủ mọi cách, nhưng đến hôm nay thì tôi có thể nói rằng: Những tài liệu sai lạc cũng quá đáng cho họ... đó là điều khiến tôi có thái độ khoan hồng để Tôn Giáo Cao Đài được tự do tín ngưỡng*» (nguyên văn Pháp Ngữ: C'est ce qui m'a déterminé à leur déclarer que j'étais décidé à réclamer en leur faveur un régime de liberté pour la Religion qu'ils pratiquent). Một vị Nghị Sĩ Nam Kỳ của thực dân Pháp lúc bấy giờ như ông Emey Oustrey mà còn đủ can đảm nhìn nhận việc làm sai lầm của mình trong buổi ban đầu gây nhiều khó khăn cho Tôn Giáo Cao Đài.

Ngày 25-2-1932, Đức Hộ Pháp đề cử một phái đoàn Chức Sắc Cao Đài lên gặp ông Emey Oustrey nhờ can thiệp với chính phủ Pháp cho Đạo Cao Đài được tự do tín ngưỡng đúng theo bài viết của ông đăng trên báo Midi Colonial ngày 18-7-1931.

Thậm chí lúc bấy giờ thực dân Pháp còn mưu đồ đàn dựng lên các chi phái khác như: Thông Thiên Đài, Thánh Thất Đồng Sen, Hòa Đông Thượng, Tỉnh Gò Công gồm những vị: Nguyễn Trung Thắng, Lê Quang Hộ, Quách văn Nghĩa, Nguyễn Văn Nhã v.v... Họ đã được thực dân Pháp ngầm ngầm yểm trợ đem về chiếm Tòa Thánh Tây Ninh, cố tình thay thế một ít Chức sắc Hiệp Thiên Đài, nhưng âm mưu bị chặn đứng, kế hoạch bất thành trước sự phản ứng của Bốn Đạo trong vùng Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh. Hơn nữa, Đức Hộ Pháp có đủ quyền năng bảo thủ Chơn Truyền Luật Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, không để cho tà quyền lấn áp, xâm nhập Tòa Thánh Tây Ninh được; bởi có bàn tay Thiêng liêng ngăn chặn,

những kẻ tham quyền cố vị, và thù hận đều ra ngoài hết. Đức Hộ Pháp có đủ can đảm san bằng sự thù hận đang bảo tồn hình thể đức Chí Tôn cho trọn thương yêu và đủ uy quyền phá tan mọi mưu đồ đưa chi phái về chiếm Tòa Thánh để phá rối, gây hoang man trong hàng Chức Sắc vùng Thánh Địa Tây Ninh. Ngoài ra, thực dân Pháp còn ngấm ngấm yểm trợ cho Giáo Sư Nguyễn Phan Long lãnh đạo chi phái Liên Hòa Tổng Hội về Tòa Thánh Tây Ninh liên hệ với một số chức sắc có thẩm quyền để triệu tập Hội Vạn Linh vào ngày 11-6-1933 chất vấn và hỏi tội đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật và Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc trước sự hiện diện của những vị:

- Ông Bonvicini, báo Opinion.
- Ông Vabols, báo Courrier De Saigon.
- Phóng viên báo Đuốc Nhà Nam.
- Ông Trạng Sư Diệp Văn Kỳ và Nguyễn Thế Phương.

Những mưu đồ đen tối ấy chưa kịp xung đột đến chánh giáo của đức Cao Đài Thượng Đế, thì nó đã bị bại trận bởi Thánh Thể của Ngài có người cầm luật oai nghiêm như Đức Hộ Pháp gìn giữ nên hình được.

Ngày 9-10-Quý Dậu (26-11-1933), lại thêm một màn màn kịch xuất hiện, được sự yểm trợ từ bên ngoài, giáo hữu Thượng Bộ Thanh tiếp tay vận động cho 800 đại biểu «*ma*» lập thành Đại Hội Nhân Sinh Bất Thường, với mưu đồ xin vào Đền Thánh lễ bái đức Chí Tôn để gây rối. Bốn Đạo đã ngăn chặn không cho vào Đền Thánh, nên 800 vị đại biểu «*ma*» này đành cam chịu quì ngoài sân lễ bái, mặc dù nhị vị Lễ Sanh Thượng Thích Thanh và Chánh Trị Sự Nguyễn Văn Hội hết sức nhiệt tình giúp đỡ

mà cánh cửa Đền Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh vẫn khép kín, không cho «*ma hồn*» xâm nhập vào có phải chăng do Thánh Lịnh đề ngày 28-7-1933 của Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh ban hành ngưng quyền chức nhậm vị Đâu Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh nên mới có mưu đồ nảy sinh ra việc khuấy động ngày 26-11-1933 của Giáo Hữu Thượng Bộ Thanh. Lễ Sinh Thượng Thích Thanh và Chánh Trị Sự Nguyễn Văn Hội, là những nạn nhân đáng thương hại, bị bàn tay phù thủy xúi giục mà toàn cả chức sắc và bốn đạo nơi Thánh Địa Tây Ninh đều am hiểu sâu sắc và tường tận. Đồng thời, lại thêm một ít chức sắc Hiệp Thiên Đài tự rút lui khỏi Tòa Thánh Tây Ninh trở về Sài Gòn, trong lúc nền Đại Đạo gặp hồi thử thách khó khăn với thực dân Pháp, và nội bộ chức sắc đang bị phân tán. Nhưng Đức Hộ Pháp vẫn điềm nhiên can đảm chịu đựng, lèo lái thuyền đạo vượt qua sóng gió bão bùng. Đông xung, tây đột, bảo thủ ngọn cờ Đại Đạo, uy quyền Hội Thánh không hề hấn gì trước mọi áp lực của các chi phái và thực dân Pháp, đang thẳng tay tiêu trừ Tòa Thánh Tây Ninh bằng mọi giá. Đức Hộ Pháp xem thường mọi thử thách, điềm nhiên như không có việc gì xảy ra, trọn tuân hành lịnh của đức Cao Đài, lo kiến tạo ngôi Đền Thánh cho sớm hoàn thành. Đền Thánh trước kia đã 3 lần tiếp nối xây cất, song đều bị đình trệ công tác, và đây là lần thứ 4 Đức Hộ Pháp tiếp tục kiến tạo.

Trước tiên, Đức Hộ Pháp ra lịnh kêu gọi 500 công thợ và công quả tình nguyện, đặc biệt là gợi ý cho mọi vị phải lập tờ «*Hồng Thệ*» dâng lên Hội Thánh, dù cho thợ mộc, thợ sơn, thợ hồ và công quả, đồng tình nguyện

không lập gia đình “*thủ trinh*” hầu được tinh khiết suốt thời gian kiến tạo Đền Thánh. Đức Hộ Pháp cho lệnh khởi công kiến tạo ngôi Đền Thánh trước sự vui mừng của Hội Thánh và toàn thể Bốn Đạo Nam Nữ vào ngày 1-11-Bính Tý (14-12-1936). Điểm đáng lưu ý trong công tác xây cất Đền Thánh là không có ngân khoản dự trù, không có sơ đồ thiết kế, không kiến trúc sư mà chỉ nhờ đức Lý Thái Bạch giảng bút chỉ dẫn cho Đức Hộ Pháp từng bộ phận, rồi Đức Hộ Pháp hướng dẫn lại cho số công thợ và công Quả, lần hồi xây cất cho đến ngày hoàn thành. Thật là một việc hi hữu trong công tác xây cất lớn lao như thế mà chưa chuẩn bị tiền bạc trước, chưa có vật liệu, chỉ có khối đức tin vững chắc nơi đức Cao Đài Thượng Đế, nên Đức Hộ Pháp và Hội Thánh lúc bấy giờ vấp phải nhiều khó khăn. Hội Thánh cho lệnh Hộ Viện mở tủ xem lại ngân quỹ của đạo còn được bao nhiêu để lo mua vật liệu. Tuân lệnh, Hộ Viện mở tủ ra kiểm soát lại thì chỉ còn vồn vẹn có một đồng sáu cắc bốn xu (1đ 64). Hội Thánh phải làm sao đây với số tiền quá nhỏ nhoi này? Chẳng còn biết phương cách nào hơn Đức Hộ Pháp phải thân hành đi xuống tận nhà đại tử Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh ở quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long để nhờ giúp đỡ cho tạm mượn số tiền về xây cất Đền Thánh. Đại tử Lâm Hương Thanh vui mừng niềm nở tiếp đón Đức Hộ Pháp, Đức Hộ Pháp trình bày nguyên nhân việc đến thăm đột ngột này không ngoài mục đích tạm mượn một số tiền về tiếp tục kiến tạo Đền Thánh. Đại tử hướng dẫn Đức Hộ Pháp đi xem những vựa lúa đầy ắp chưa bán được, vì bị khủng hoảng kinh tế trầm trọng, giá lúa xuống quá thấp, giá một giạ trước kia là hai đồng hai (2đ 20), hiện giờ chỉ bán có hai cắc một giạ (0đ 20), thì làm sao bán được, nên lúa

vẫn còn đầy bổ. Đại Tỷ Lâm Hương Thanh nói với Đức Hộ Pháp: *«Qua nói thiệt với em trong mình qua hiện giờ không còn gì hết!»*. Sau một lúc suy nghĩ, Đại Tỷ đi thẳng vào phòng, mang ra một cái hòm sắt nhỏ, bên trong hòm đựng đầy vàng và hột xoàn (đồ nữ trang từ bà cụ cho đến cả thân quyến để chung trong hòm sắt đó), đưa cho Đức Hộ Pháp với lời lẽ nhiệt tình: *«Em đem về cầm đồ để lấy tiền kiến tạo ngôi Đền Thánh»*. Nếu đem số đồ nữ trang vàng và hột xoàn đi cầm thế một nơi nào đó, thì nhất định sẽ có số tiền một trăm ngàn đồng, Đức Hộ Pháp suy nghĩ, đem số nữ trang này đi cầm thì được rồi, nhưng đến khi chuộc thì biết lấy đâu ra tiền? Biết có chuộc nổi hay không? Nói vậy rồi 2 người cười xòa với nhau, Đại Tỷ để lời khích lệ Đức Hộ Pháp: *«Trên có huyền linh đức Chí Tôn, dưới có cả đức tin con cái của Ngài, Nam cũng thế, Nữ cũng thế, đâu em về cất buồng coi, không cần lấy số đồ nữ trang này, cứ tin tưởng nơi đức Chí Tôn, em cứ tiếp tục xây cất coi có được hay không?»*

Đức Hộ Pháp đành từ giã ra về với hai bàn tay trắng, song vẫn giữ vững niềm tin nơi đức Chí Tôn, tiếp tục chỉ bảo công thợ kiến tạo từng bộ phận và không quên nhắc nhở cả Chức Sắc, công Thợ phải chất chịu từng đồng, từng cắt, tận dụng từng viên gạch. Nhờ sự cần kiệm vật liệu, gây thêm niềm tin của Bốn đạo. Nhất là ở các địa phương nhiệt tình hảo tâm đóng góp công, của, và đồng tâm hiệp trí chung lo kiến tạo ngôi Đền Thánh, nói lên tinh thần đại đoàn kết, hy sinh tuyệt đối vì Thầy vì Đạo. Cả Chức sắc và Công Thợ chẳng ngại gian lao, thiếu thốn, cơm chẳng đủ no, phải cháo rau qua ngày, không một lời than trách, quyết tâm hoàn thành ngôi Đền Thánh cho

nhanh chóng, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của nhân sanh đang chờ đợi.

Thăm thoát 3 năm trôi qua, công trình kiến tạo Đền Thánh gần xong, thì toàn quyền Pierre Pasquier ra lệnh hạn chế mọi sự đi lại của người Tín Hữu Cao Đài, không cho cúng kiến, gây bế tắc việc truyền giáo và khó khăn trong việc xây cất Đền Thánh. Trước những áp bức bất công của nhà cầm quyền Pháp tại Đông Dương, Đức Hộ Pháp và Hội Thánh gửi đơn khiếu nại thẳng lên ông Georges Mandel, Tổng Trưởng bộ thuộc địa, trình bày về vấn đề Tôn Giáo Cao Đài bị đàn áp, khủng bố, và yêu cầu ông Tổng Trưởng quan tâm đến, cho phép Đạo Cao Đài được tự do truyền bá, tự do xây cất Đền Thánh, và tự do cúng kiến với danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đơn khiếu nại của Đức Hộ Pháp có trọng lượng đáng kể, được ông Tổng Trưởng Georges Mandel chuẩn phê, chỉ thị cho Toàn Quyền Đông Dương tại Việt Nam cho Tôn Giáo Cao Đài được tự do tín ngưỡng. Tuân lệnh của thượng cấp, Toàn Quyền Pierre Pasquier buộc lòng phải để cho Đạo Cao Đài được tự do tín ngưỡng. Song thâm tâm sâu sắc rất nguy hiểm “*thua keo này bày keo khác*”, cố tâm diệt Đạo Cao Đài cho thỏa lòng tự ái, vì đã bị Tổng Trưởng thuộc địa Georges Mandel quở trách vì hành động áp chế Đạo Cao Đài. Toàn quyền Pierre Pasquier đã dùng thủ đoạn bí hiểm là tung tiền mua chuộc một ít Nhà Văn bán rẽ lương tâm, chạy theo danh lợi, không ngần ngại viết láo, vu khống, mạ lỵ, nói xấu Tôn Giáo Cao Đài, gây luồn dư luận hoàn toàn bất lợi cho Chức Sắc và Bốn Đạo trên toàn quốc, cố tình làm xáo trộn nội bộ Hội Thánh Cao Đài Toà Thánh Tây Ninh. Ngoài ra, Toàn Quyền còn bí

mật ra lệnh cho thuộc hạ tung tin xuyên tạc, nhằm bôi lọ thanh danh Chức Sắc Tòa Thánh Tây Ninh một cách quyết liệt, cùng mua chuộc một ít Chức sắc non lòng nhẹ dạ, vì danh lợi riêng tư và muốn cầu an. Họ đã vu khống một số Chức sắc làm chánh trị chống Pháp bằng hình thức gom góp một số tài liệu gọi là liên hệ đến chánh trị, phóng đại lên làm hồ sơ hội kín, và kèm theo bản phúc trình tố cáo là phản động, hầu xin chánh phủ Pháp Quốc triệt hạ Tôn Giáo Cao Đài để tránh mọi hiểm họa sau này. Số tài liệu vu khống ấy đã được Toàn Quyền Pierre Pasquier mang theo mình để đem về tâu trình với chính phủ Pháp. Chẳng may, chiếc phi cơ chở vợ chồng Toàn Quyền chưa kịp đáp xuống phi trường Pháp Quốc thì đã bị cháy trên không, cả 2 vợ chồng Toàn Quyền đều bị chết cháy trên phi cơ cùng với số tài liệu đó. *“Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên”* thật là một linh ứng nhân tiên, hại người Trời hại lẽ nào hơn.

Thiết nghĩ, Tôn Giáo Cao Đài làm gì nên tội, mà Toàn Quyền Pierre Pasquier lại cố tình trừ dập, tiêu diệt để gánh lấy thảm họa đau thương như thế. Ấu cũng là định mệnh, gieo giống nào nhất định phải gặt giống nấy. Định luật tự nhiên của tạo hóa đã an bày, không tài nào tránh khỏi. Thực dân Pháp nhìn vào vụ chết của Toàn Quyền làm bài học kinh nghiệm xử dụng uy quyền.

Ảnh hưởng của 2 thế lực, bắt buộc người Tín Hữu Cao Đài xa lẩn Tôn Giáo để khỏi bị khó khăn trong cuộc mưu sinh hằng ngày, còn Hội Thánh thì không được trọn vẹn liên hệ chặt chẽ với Bản Đạo như trước kia, đó là thâm ý của thực dân Pháp áp dụng để phân hóa nền Đại Đạo, gây xáo trộn nội bộ Chức Sắc Tòa Thánh Tây

Ninh. Nhưng thực dân Pháp đã lắm, lắm một cách chua cay. Người Tín Hữu Cao Đài cam chịu ẩn nhẫn sống yên lặng, bởi họ thừa biết Đạo Cao Đài là đạo do Thượng Đế đặt để ra, nhất định không có một quyền lực nào tiêu diệt được. Nếu khôn ngoan sớm cởi mở những sai lầm may ra chiếm lại được tình cảm của họ, bằng không thì việc gì đến thì định sẽ đến.

Đức Hộ Pháp đã can đảm gánh lấy cả thù hận đặng bảo thủ hình thể đức Chí Tôn tại thế này, thực hiện trọn vẹn sự thương yêu. Ai lấp lửng chạm đến Ngự Mã Thiên Quân thì rước lấy hậu quả không sao tránh khỏi.

Ngày 19-12-1931, Nhật báo “*Progrès Civique*” đã khôn khéo nêu lên trang thứ nhất: «*Sau nước Pháp là nước Đức đã tiếp đón Đạo Cao Đài một cách nồng hậu và vì những lý lẽ đó ta không nên đá động họ*». Không phải hành động như thế chỉ là theo nguyên tắc vì lòng nhân đạo và sự tôn trọng luật pháp nước Pháp, mà cũng vì một lối chánh trị khôn ngoan, bởi vì sự tàn sát giết hại họ chỉ làm nảy sanh ra một phong trào khác, không kém phần nguy hiểm hơn.

Nguyễn văn Pháp Ngự: «*Après la France, L'Allemagne a été la première à faire un bon accueil au CAODAISME. Par conséquent, il faut les laisser tranquilles, non pas settlement pour le principe par humanité et par le respect des lois françaises mais aussi par sagesse pilitique, parce que leur persécution ne pourrait que faire naitre un autre mouvement qui, lui, risquerait d'être dangereux*».

Đức Hộ Pháp thường nhắc nhở Bổn Đạo: «*Tôn Giáo Cao Đài không thể làm công cụ, không làm con cờ của bất cứ một ai. Cái thế của Tôn Giáo Cao Đài phải là cái thế*

trường tôn, trường cứu, đứng trên và đứng trước để hướng dẫn đời, hướng dẫn nhân sanh theo 3 tiêu chuẩn: Từ Bi, Bác Ái và Công Bằng.”

Biết trước nguy cơ sẽ đến cho Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh một ngày gần đây, ngày 12-6-Canh Thìn (16-7-1940), Đức Hộ Pháp cho lệnh gọi Huynh Giáo sư Thái Khí Thanh (Lâm Tài Khí) gốc người Trung Hoa đến tận văn phòng Hộ Pháp Đường để Ngài huấn giáo về mặt đạo đức và thăng trầm tôn vong của nền Đại Đạo trong tương lai, nhất là phải ghi nhớ những lời chỉ dẫn quan trọng:

«Nếu chẳng may Hội Thánh gặp phải sự biến động, Hiền Đệ nhớ thượng cờ Đạo và cờ Trung Quốc lên các văn phòng, cùng dinh thự trong Nội ở Tòa Thánh. Trong lúc Bản Đạo vắng mặt tại Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh, Hiền Đệ hãy thay mặt Bản Đạo mà gìn giữ, bảo thủ sản nghiệp của Đạo».

Đồng thời, Đức Hộ Pháp còn trao cho Hiền Huynh Giáo Sư một Thánh Lệnh với lời ân cần phán dạy:

«Khi nào hữu sự thì Hiền Đệ xuất trình Thánh Lệnh này».

Vì biết trước Hội Thánh sẽ phải gặp nhiều khó khăn, thử thách của nhà đương quyền thực dân Pháp, nên Ngài mới chọn Giáo sư Thái Khí Thanh là một chức sắc có đủ tánh nhần nhục, chịu đựng được để vượt qua mọi thử thách, áp đặt của họ. Thật ra lúc bấy giờ Hội Thánh còn nhiều Chức Sắc cao cấp Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, nhất là trong hàng phẩm Giáo Sư còn nhiều vị có khả năng, đạo đức, nhưng Đức Hộ Pháp lại chọn Hiền

Huynh Giáo Sư Thái Khí Thanh, một chức sắc gốc người Trung Quốc để bổ nhiệm làm đại diện cho Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh, và lại không nhìn nhận Giáo sư Thượng Vinh Thanh. Âu cũng một sự “*tiên đoán*” biết trước việc xảy trong nền Đại Đạo.

Ngày 16-6-1940, Toàn Quyền Đông Dương Decoux chỉ thị cho thực dân Pháp đóng cửa Tòa Thánh Tây Ninh và các Thánh Thất Cao Đài trên toàn quốc. Đồng thời tung tin là lính mật thám Pháp sẽ bắt Đức Hộ Pháp, dụng ý của họ lúc bấy giờ là: «*dụ hổ ly sơn*», cố tình gây chấn động hoang man cho Bản Đạo, để thỉnh cầu Đức Hộ Pháp lánh mặt khỏi Tòa Thánh, đi ẩn tránh nơi khác, làm mất đi hậu thuẫn của Bản Đạo để dễ dàng xuyên tạc. Vì cảm mến và tôn kính Đức Hộ Pháp, có một số thân hữu trước kia ở Sài Gòn và một số Chức sắc đến ngõ lời yêu cầu Ngài nên tạm lánh mặt một thời gian cho qua cơn sóng gió. Đức Hộ Pháp vui vẻ đáp lời:

«Bản Đạo cảm ơn các bạn lo lắng cho Bản Đạo, nhưng Bản Đạo không thể lánh mặt được. Bản Đạo là kẻ đứng mũi chịu sào, lãnh đạo Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh, Bản Đạo đủ can đảm chấp nhận và chờ đợi thái độ lẫn hành động của cường quyền Pháp đối với Bản Đạo như thế nào cho biết. Đức Chí Tôn bảo Bản Đạo ngồi nơi đây, ở nơi đây, sống chết vẫn nơi đây, ôm chân Ngài dẫu cho mảnh thân này có phải bị tiêu diệt để bảo trọng nền Quốc Đạo, thì Bản Đạo cũng không bước ra khỏi đây một bước».

Cao quý thay! Với đức tin vững chắc, tinh thần bất khuất, trong sáng, xem thường mọi hiểm nguy bất luận từ đâu đến, Đức Hộ Pháp vẫn bình tĩnh và thản nhiên

như không có chuyện gì xảy ra vậy.

Sau khi đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt Qui Thiên ngày 19-11-1934, biết bao nhiêu chuyện rối rắm liên tiếp diễn ra trong nội bộ Hội Thánh. Các chi phái dưới sự yểm trợ của thực dân Pháp, kéo về Tòa Thánh áp đảo Hội Thánh đủ mọi mặt, song Đức Hộ Pháp vẫn bình tĩnh lèo lái con thuyền Đại Đạo vượt qua mọi thử thách cho đến ngày Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hội Vạn Linh đồng yêu cầu Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc nắm quyền Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài, Hiệp Thiên và Cửu Trùng ngày mùng 6-11-Giáp Tuất (12-12-1934), trong thời kỳ nền Đại Đạo đang gặp hồi khó khăn, chức sắc Hội Thánh bị phân hoá trầm trọng do thực dân Pháp xúi giục và yểm trợ các chi phái.

Ngày 14-5-Tân Tỵ (4-6-1941) lính mật thám Pháp xâm nhập nội ô Tòa Thánh Tây Ninh bắt Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đưa đi an trí tại Djiring. Ngày 17-6-Tân Tỵ (11-7-1941) lính mật thám Pháp đột nhập nội ô Tòa Thánh lần thứ hai bắt thêm 5 vị Chức sắc cao cấp: Đại Huynh Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Phối Sư Thái Phấn Thanh, Giáo Sư Thái Gấm Thanh, và Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến, cả 5 vị Chức Sắc đều bị dẫn giải về giam tại Sài Gòn. Cho đến ngày 27-7-1941, Đức Hộ Pháp và 5 vị Chức Sắc được đưa xuống tàu cùng 12 Chánh Trị Phạm tại bến cảng Nhà Rồng Sài Gòn để đày sang Madagascar (Phi Châu).

Sau bao ngày đêm trôi nổi trên biển cả, 18 vị Chánh Trị Phạm Việt Nam được đưa thẳng tới trại giam Noay Leva Comores thuộc miền bắc Madagascar, khi đến nơi thì gặp thêm 11 vị Chánh Trị Phạm Việt Nam khác đã bị

Pháp đưa đến đây trước một tháng, nâng tổng số tù Chánh Trị Việt Nam tại Noay Leva Ccoores là 29 vị. Ngoài 6 vị Chức Sắc Cao Đài, hầu hết thuộc Đảng Viên Cộng sản, trong đó có 2 vị thành phần đệ tứ quốc tế là Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Thế Song.

Vị Toàn Quyền Đông Dương lúc bấy giờ hóng hách tuyên bố: *«Chẳng lẽ tôi đưa họ vào hàng Thánh Tử Đạo, thừa cơ hội có chuyến tàu sang Quân Cảng Diogo Saurez của nước Madagascar, tôi gọi ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc cùng đoàn tùy tùng của ông ta qua tạm nghỉ suốt đời tại đó»*. Lời biếm nhẽ ngạo nghễ của người cầm quyền đã trắng trợn bộc lộ chân tướng chánh sách tiêu diệt những Chức Sắc Cao Đài quá ư rõ rệt.

Cuộc sinh sống hàng ngày của 29 vị Chánh Trị Phạm Việt Nam tại trại giam Noay Leva Comores thể hiện tình người, không phân biệt Đảng Phái, Tôn Giáo, mà chỉ biết nhìn nhau là nạn nhân của cường quyền Pháp. Tuy nhiên trong hoàn cảnh tù tội mất tự do, tinh thần bị căng thẳng, nên không sao tránh khỏi những cuộc tranh luận lẫn nhau về Quốc Gia và Cộng Sản, nhưng mọi sự đều được kết thúc trong tình tương nhượng hoà nhã với nhau.

Đến cuối năm 1942, tình hình thế giới biến chuyển, số tù Chánh Trị Việt Nam được lệnh di chuyển về miền nam Madagascar. Ông Freydier, Trưởng Trại Noay Leva Comores truyền lệnh cho 27 vị Chánh Trị Phạm lên 2 chiếc xe vận tải, có lính hộ tống đưa thẳng về miền nam Madagascar (tổng số 29 vị Chánh Trị Phạm, chết 2 vị, còn lại 27 vị). Cuộc di chuyển 27 vị Chánh Trị Phạm từ trại miền bắc về miền nam Madagascar vô cùng vất vả, ròng rã suốt 5 ngày đêm không nghỉ. Mãi đến ngày thứ 6, sau

khi qua một con phà, 2 chiếc xe chở 27 Chánh Trị Phạm và lính hộ tống mới tới một thung lũng đồn điền trồng mía và cà phê của một người Pháp, và đoàn xe được dừng lại trước trại giam Voutrouzou. Trại trưởng Freydier cho lệnh 27 Chánh Trị Phạm Việt Nam vào trại giam sau bao ngày mệt nhọc di chuyển từ bắc chí nam Madagascar.

Tháng giêng năm 1943, Trưởng Trại Freydier hướng dẫn đưa một phái đoàn sĩ quan Anh Quốc vào tận trại giam, thăm hỏi các Chánh Trị Phạm, tiếp xúc với các đảng viên cộng sản rất thân mật. Kế tiếp được tin một vị Tướng Pháp De Gaulie thành lập chính phủ lưu vong và chính quyền Pháp tại Madagascar chuyển giao cho chính quyền Anh Quốc đến thay thế cai trị Madagascar. Ông Freydier Trưởng Trại Voutrouzou bàn giao trách nhiệm cai quản trại giam cho một Sĩ Quan Anh Quốc, và sự sinh sống của 27 Chánh Trị Phạm Việt Nam được phần dễ dàng thoải mái hơn những năm về trước.

Sau khi nghe tin quân đội Liên xô đánh bại Đức Quốc Xã ra khỏi Leningrad, thì chỉ trong vòng 5 tuần lễ sau, có phái đoàn quân đội đồng minh, do một Sĩ Quan Anh Quốc làm trưởng đoàn vào trại giam Voutrouzou ân cần tiếp xúc với các Chánh Trị Phạm Việt Nam, Đảng Viên Cộng Sản anh Lê Giang, Hoàng Hữu Nam, Nguyễn Văn Ngọc, Đinh Công Hoạt, Hoàng Đình Rõng, và sau cuộc tiếp xúc thân mật này, 4 anh đảng viên cộng sản được viên sĩ Quan Anh Quốc rước ra khỏi trại giam, để đi học khóa quân sự tại Calcutta (Ấn Độ). Được nghe lại, sau khi tốt nghiệp khóa quân sự tại Calcutta, 4 anh Đảng viên cộng sản: Lê Giang, Hoàng Hữu Nam, Nguyễn Văn Ngọc và Đinh Công Hoạt được quân đội đồng minh đưa

về Đông Dương vào tháng 9 năm 1944, cả 4 anh này được cho nhảy dù đột nhập xuống chiến khu thuộc tỉnh Cao Bằng (Miền Bắc Việt Nam) để liên lạc với nhóm kháng chiến chống Phát Xít Nhật Bản tại vùng Cao Bằng để giải thoát số tù binh Pháp còn bị Nhật Bản giam giữ trong rừng.

Sau này ông Lê Giang được cử làm Giám Đốc Công An Nhân Dân đầu tiên của chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tại Hà Nội năm 1945, và nghe đầu đến năm 1980, ông Lê Giang được vinh thăng lên tối cao Pháp Viện nước VNDCCH. Riêng phần số Chánh Trị Phạm Việt Nam còn lại tại trại giam miền nam Madagascar, mãi đến năm 1945, nước Madagascar được Anh Quốc trao trả chủ quyền độc lập tự do, chính phủ Madagascar thông cảm hoàn cảnh tù đầy của số Chánh Trị Phạm Việt Nam, nên khoan hồng phóng thích cho 23 người còn lại được tự do tạm trú sinh sống trên lãnh thổ Madagascar để chờ ngày hồi hương về cố Quốc. Trong số Chánh Trị Phạm Việt Nam còn tạm sống trên đất nước Madagascar, Đức Hộ Pháp là người chánh quyền Madagascar chiếu cố và ưu ái nhất, bởi vì trong thời gian còn bị giam tại trại Voutrouzou, Đức Hộ Pháp có sáng kiến giúp đỡ dân bản xứ ở chung quanh trại giam biết sử dụng cối xay lúa và cối giã gạo, vì dân tộc Madagascar lúc bấy giờ còn lạc hậu, chỉ biết giột lúa, chớ chưa biết xay lúa theo phương pháp của người Việt Nam đã sử dụng từ lâu. Được sự hướng dẫn sử dụng cối xay lúa, đồng bào Madagascar vô cùng mừng rỡ, và cảm ơn Đức Hộ Pháp đã nhiệt tình giúp đỡ chỉ dẫn cho họ biết sử dụng cối giã gạo, làm cho hạt gạo càng trắng thêm, và còn được thêm một số cám nhuyễn để làm bánh in ăn hàng ngày. Hơn nữa, có một năm bị hạn

hán, các giếng nước đều bị khô cạn, đồng bào Madagascar đang lâm nguy lo lắng, thì Đức Hộ Pháp hướng dẫn lấy nước từ trong khe suối đưa về bằng những ống tre nối tiếp từ sườn núi chạy về tận thung lũng cho đồng bào có nước dùng, như thế đồng bào Madagascar được thoát qua cơn hạn hán.

Đồng bào Madagascar từng sống dưới cảnh lệ thuộc Pháp, rồi Anh Quốc cai trị, nên rất thông cảm cho 23 vị Chánh Trị Phạm Việt Nam đang tạm sống trên lãnh thổ Madagascar chờ ngày trở về quê hương. Sau khi chánh phủ Pháp lập bang giao với Madagascar, ông Bộ Trưởng Ngoại Giao Madagascar liền đề cập với ông Đại Sứ Pháp tại Madagascar về vấn đề giao trả tự do cho 23 Chánh Trị Phạm Việt Nam mà chánh phủ Pháp đã đưa đến giam cầm Madagascar vào năm 1941 về Việt Nam càng sớm càng tốt. Nhờ sự nhiệt tình của ông Bộ Trưởng Ngoại Giao Madagascar, nên ông Đại Sứ Pháp tại đây phải phúc trình về chánh phủ Pháp tại Paris lo phương tiện di chuyển 23 vị Chánh Trị Phạm về Việt Nam. Mãi đến giữa năm 1946, mới có một chuyến tàu buôn của Pháp cập bến Quân Cảng Diego Suarez để rước 23 chánh trị phạm do Đại Sứ Pháp đôn đốc sự chuyển vận, cùng chào tạm biệt, 23 Chánh Trị Phạm đều xuống tàu trở về Việt Nam bình yên. Nỗi khổ tâm của Đức Hộ Pháp lúc bấy giờ là trong 6 vị Chức sắc bị thực dân Pháp bắt đày qua Madagascar, hôm nay được trở về quê hương xứ sở đoàn tụ gia đình, mà lại vắng bóng 2 vị Chức sắc là Giáo Sư Thái Gấm Thanh và Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến, đã gởi nắm xương tàn trên lãnh thổ Madagascar, chỉ còn 4 vị Chức Sắc già nua, ốm yếu, tóc bạc phơ. Khi chiếc tàu buôn vừa cập bến Cap Saint

Jacques Việt Nam (nay là Vũng Tàu), thì chánh quyền Pháp tại tỉnh này cho lệnh rước Đức Hộ Pháp lên bờ, còn lại 22 Chánh Trị Phạm thì cho di chuyển qua một chiếc tàu nhỏ hơn, rồi đưa thẳng vào bến Nhà Rồng Sài Gòn.

Sau khi được đưa lên đất liền, tỉnh lỵ Cap Saint Jacques, Đức Hộ Pháp được nhà cầm quyền Pháp lưu giữ lại 3 ngày, chờ có chuyến phi cơ để đưa về Sài Gòn một cách âm thầm, không thông báo cho Hội Thánh, hoặc người trong gia đình biết. Đến khi chiếc xe hơi chở Đức Hộ Pháp đến tận nhà ông Sĩ Tải Nguyễn Văn Hợi, đường Colonel GriMaud (nay là đường Cống Quỳnh), Đức Hộ Pháp đi thẳng vào nhà thì gặp Hiền Huynh Giáo Sư Thượng Sách Thanh đang ngồi trong nhà, thỉnh linh nhìn thấy Đức Hộ Pháp bước vào nhà, Giáo Sư Thượng Sách Thanh liền chạy đến ôm chồm lấy Đức Hộ Pháp, xúc động, nghẹn ngào, đổ lụy, không nói ra lời, sau 5 năm 3 tháng 2 ngày xa cách. Được nghe có tiếng vang động ở nhà trên, ông Sĩ Tải Hợi cùng một số chức sắc ở nhà dưới liền chạy lên thì gặp ngay Đức Hộ Pháp, hết sức vui mừng không sao tả xiết. Đức Hộ Pháp phải tạm ở lại nhà ông Sĩ Tải Hợi 3 ngày để lo thủ tục trình báo tại Sài Gòn, và sau đó được ông Sĩ Tải Hợi và Giáo sư Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh) đưa về Tòa Thánh Tây Ninh. Đức Hộ Pháp ngồi trên xe của Giáo sư Thượng Vinh Thanh, còn xe của ông Sĩ Tải Nguyễn Văn Hợi thì chở một số chức sắc tháp tùng chạy theo đoàn xe hộ tống của quân đội Pháp vừa chạy mở đường, vì lúc bấy giờ đường lưu thông Sài Gòn-Tây Ninh rất khó khăn, thường bị Việt Minh ngăn chặn, nên bắt buộc các loại xe tư nhân phải chờ đến ngày có xe quân đội Pháp chạy mở đường thì mới chạy theo. Một tuần lễ

chỉ có 2 chuyến xe quân đội Pháp mở đường hộ tống, nên mãi đến ngày 22-6-1946, Đức Hộ Pháp mới được đưa về tới Tòa Thánh Tây Ninh, trước hàng vạn Tín Hữu và Chức Sắc nam nữ, cùng binh sĩ Cao Đài ngưỡng vọng nghinh tiếp vô cùng trọng thể. Vừa bước chân tới Tòa Thánh thì đã có sẵn binh sĩ Cao Đài là nổi bâng khuâng của Đức Hộ Pháp trước làn tên mũi đạn của Việt Minh kháng chiến và quân đội Pháp, và nhất là đồng bào, cũng như Bổn Đạo Cao Đài đang sống bơ vợ không nơi nương tựa. Đức Hộ Pháp ngâm ngùi than rằng:

«Còn thiếu 1 năm 10 tháng mới may ra giải khổ nạn ách cho dân tộc Việt Nam chấm dứt được, lẽ dĩ nhiên luật công bình Thiêng liêng của tạo hóa, ta đâu muốn cũng không thể sửa cải được».

Cả Hội Thánh, Chức sắc và Bổn Đạo làm sao thấu rõ lời «*tiên đoán*» vận mạng của nước nhà sau 5 năm 3 tháng 2 ngày bị tù đầy ở Madagascar (Phi Châu), mới trở về cố quốc đã trở thành hiện thực buổi sau này. Có phải chăng Đức Hộ Pháp đã «*tiên đoán báo hiệu*» cho Hội Thánh, Chức Sắc và toàn thể Bổn Đạo nam nữ biết trước rằng: Đức Ngài còn phải chịu thêm một lần khổ hạnh nữa, phải lưu vong, rồi bỏ xác nơi đất khách quê người, cũng như Văn Vương phải chịu thọ nạn khổ hạnh 7 năm nơi Vũ Lý, đã gây dựng sự nghiệp nhà Châu buổi nọ. Vào ngày 16-2-1956, Đức Hộ Pháp một lần khổ hạnh nữa, tự nguyện lạng lẽ rời khỏi Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh cùng với một số Chức Sắc thân tín lưu vong qua nước Cao Miên, nơi đây Ngài đã đề xướng Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống, dung hòa 2 khối Cộng Sản và Tư Bản, cả hai đều là con cái của Thượng Đế, phải sớm biết nhau và

tương nhượng nhau trong tình huynh đệ, để rồi Đức Hộ Pháp thoát xác Qui Thiên ngày 17-5-1959 với lời di ngôn:

«Bản Đạo cùng chung chịu cảnh chia đôi của đồng bào 2 miền Nam Bắc Việt Nam, Bản Đạo đã tiên liệu rồi, việc phải đến sẽ đến, nước nhà chưa thống nhất thì gấp gì mà hồi loạn. Vậy phải bình tâm chờ một thời gian nữa sẽ thấy thiên cơ xoay chuyển có lợi cho Việt Thường về mặt tinh thần».

Đức Hộ Pháp thường nhắc nhở và phán dạy Bản Đạo:

Ngày nay đức Chí Tôn, đức Thượng Đế tối cao, tối trọng đến hoằng khai Đạo Cao Đài. Nghĩa là đem đến đến thờ cao và đức tin lớn tại thế này để gây dựng nên nền Đại Đạo, mượn một sắc dân hèn hạ, nhỏ bé ở hướng Á Đông là Việt Nam cho lời tiên tri «Đạo Xuất Ứ Đông», đúng với Thánh ý chịu lụy, hạ mình của Thầy, lập thành Hội Thánh Cao Đài làm hình thể của Thầy hầu cầm cho đặng dùi trống lôi âm dục vọng truy hôn, nắm cho chắc chày chuông Bạch Ngọc đặng trời hơi định tánh, làm cho con cái Ngài thức tỉnh nhìn thấy nhau mà trở về quê cũ. Tuy Thầy hạ mình chịu lụy để làm gương cho Hội Thánh, xét ra quả nhiên thấy rõ ràng Thầy tránh khỏi mang xác thân hèn hạ của kiếp sanh làm người, đến thế với một thể thống vinh diệu Thiêng liêng không hình mà làm cho chúng ta thấy, không nói mà chúng ta nghe, giao cho chúng ta giữ trọn quyền hành của Ngài nơi tay mà điều đình mỗi Đạo. Cái oai quyền ấy có ảnh hưởng cho nền Đạo biết là bao, Thầy dùng phép lương tâm, quyền tình ái làm cho cả nhân loại thấy rõ mặt Thầy,

hầu nhìn lẫn nhau trong Thánh Đức của Thầy mà cộng yêu hòa ái: «Cộng Hòa! Cộng Hòa!» ấy là hai lời Châu Ngọc của Thầy để vào lòng của mọi người, mình biết cộng hòa mới làm cho cả xã hội quốc dân cộng hòa, rồi làm gương cho rục rờ quang minh, mà truyền bá cả tư tưởng cao thượng ấy cho ra khắp toàn cầu, cho cả nhân loại đặng cộng hòa đại đồng thế giới. Ấy là phận sự tối cao tối trọng của Thầy đã phú thác cho chúng ta, nếu chúng ta không xem phận sự ấy trọng hệ, lại vì công danh, quyền lợi mà thù nghịch lẫn nhau, từ Thầy phản bạn, thì chúng ta có đáng làm con cái, tôi tớ của Thầy chăng?

Thầy thì sợ phạm tâm, tục tánh nên lập luật pháp rất nghiêm để buộc cả Hội Thánh kết hợp lại với nhau thành một đại gia đình. Luật thì có Tân Luật, pháp thì có Pháp Chánh Truyền, Quyền thì có Tòa Tam Giáo, ấy là cái còi, cây gậy, hàng rào Thiêng liêng đang lùa cả đàn chiên của Thầy hợp chung lại với nhau làm một. Nhưng tiếc thay! Kẻ chăn chiên chẳng biết lóng tiếng còi, đoàn chiên không kiên ghê cây gậy, hàng rào thưa rịch thưa rang, để đến nỗi bấy sói lủ hùm bắt chiên Thầy phân thây xé thịt!

Tại Hội Thánh cũng chưa nên Hội Thánh, chức sắc thiên phong có cũng như không, có bóng không hình, làm cho thân Thầy không đủ quyền hành mà xoay chuyển thiên thơ (Plan Divin) hầu đối địch quyết thắng tà mưu nhiều hại. Cả Thánh Ngôn của Thầy dạy dỗ chúng ta từ buổi khai đạo đến chừ đã hiện thành chơn pháp, tân pháp, mà ngày nay chúng sanh còn chưa hiểu thấu. Phần nhiều người lạm dụng vào

bạc thiên phong, lấy tà tâm bẻ bai biếm nhẽ, chớ chẳng chịu truyền bá lời lành làm cho kẻ đạo tâm xiêu đường lạc ngõ. Nếu cơ đạo đường này thì chúng ta mong chi tận độ chúng sanh và thành lập thế đạo cho được. Đạo có Thể pháp làm ngoại dung, và Bí pháp làm nội dung, mà Thể pháp tác thành 10 điều chẳng đặng 3, còn Bí pháp thì chưa ai hiểu thấu. Điều này làm cho Đạo mất giá trị trước mặt chúng sanh, đức tin càng ngày càng khuyết giảm, để cho các Tôn Giáo khác công kích chánh truyền mà hại cho người hết lòng vì Đạo phải ngại ngại lo lo về điều hư thiệt. Bởi cơ nên biết bao Tiên, Phật đã giáng trần cùng khắp Thái Tây cho tiên tri về nền chánh giáo, những người bền vững cần tu mới mong giữ vẹn đức tin nhập vào cửa Đạo. Cơ khảo Đạo ngày nay xem quả vậy.

Bản Đạo tưởng chúng ta đã nặng mang trách nhiệm nơi mình, mà nếu chúng ta không có dõm tâm liệu mình tự xử, thì mong mình đoán cùng ai? Bản Đạo nói thẳng rằng, tại nơi lòng thành yếu ớt của chúng ta không dụng cả công tâm mà điều đình chánh giáo, lại để nể nể vì vì, làm gương xấu cho kẻ khác, tiếng bua danh, gây phe đảng, lập tư riêng làm nên thế lực, ngày nay đã có độc lập tự quyền cũng do bởi đó. Trong mình chúng ta có 2 người: một là Ta, hai là chức sắc thiên phong, nghĩa là tôi tớ của Thầy, với chúng ta dẫu cho tan xương, nát thịt với một kiếp sống thừa này không chi rằng hại, duy hại là hại cho phận sự thiêng liêng. Nếu chúng ta không biết cao trọng mà giữ tròn trách nhiệm đặng bảo thủ cái cơ nghiệp chung của cả nhân sanh, là Đạo ngày nay đây thì cái tội tình trước

mắt Thấy tính coi bao lớn?

Vậy thì chúng ta nên chung công hiệp sức cùng nhau kể từ đây nhất định chẳng cho ai phạm quyền mình, vì quyền mình là quyền Thấy, dầu cho còn một mặt tín đồ đi nữa thì Hội Thánh cũng phải giữ quyền Hội Thánh, xúm xích nhau, mạnh yếu, tùy phương bảo thủ, cây Cờ Đạo của Thấy là Tòa Thánh. Gắng tạc thành sừng sừng tại miền cực Đông nơi Nam Việt này một cái Cao Đài, dựng làm ngọn đèn soi sáng đến cảnh cộng hòa của toàn thế giới.

Thiết nghĩ đã trên 50 năm qua, Đức Hộ Pháp đã để lời phán dạy: Nhắc nhở toàn cả chức sắc và bốn đạo nam nữ phải đoàn kết thương yêu, công bằng đối xử lẫn nhau để dành giữ bảo thủ cơ nghiệp Đại Đạo hôm nay trở thành hiện thực, và lời tiên đoán của Ngài mãi mãi ghi sâu vào tâm não của mỗi Tín Hữu đời đời kiếp kiếp... Mục tiêu chánh yếu của Đạo Cao Đài là lo cho toàn thiên hạ được tự do, hạnh phúc, vì lý do cao cả ấy mà Đức Hộ Pháp phải trọn hy sinh. Vì lẽ bất công đương nhiên mà đức Chí Tôn đã giảng cơ phán dạy: “Ngày nào còn tồn tại một lẽ bất công trên mặt thế này thì Đạo chưa thành».

Đức Hộ Pháp hằng hướng dẫn và huấn giáo chức sắc cùng cả Bốn đạo:

I – PHƯƠNG LUYỆN KỶ ĐĂNG VÀO CON ĐƯỜNG THỨ BA ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

- Phải biết thân thích cùng cả nhân vật, tức là tìm nguyên do của vạ linh cùng Chí linh.
- Phải ân hậu và khoan hồng.

- ◻ Phải thanh nhàn đừng vị kỷ.
- ◻ Phải bình tĩnh, nghĩa là đừng chịu ảnh hưởng của họa phúc buồn vui. Tập tánh không không, điểm nhiên, vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nỗi buồn vui xâm nhập vào chơn tánh.
- ◻ Phải độ lượng khoan dung tha thứ.
- ◻ Phải vui vẻ điều hòa, tự chủ và quyết đoán.
- ◻ Phải giữ linh tâm làm văn bản, hiếu hạnh với Chí Tôn và Phật Mẫu.

II – PHƯƠNG PHÁP TRỊ TÂM VÌ TÂM LÀ HÌNH ANH THIÊN LƯƠNG:

- ◻ Đức tin và khôn ngoan là kho chí bửu.
- ◻ Ai đã cố oán kẻ thù mình thì khó giữ thanh tâm công chánh cho đặng.
- ◻ Ai chẳng oán hận mới thắng được kẻ thù nghịch cùng mình.
- ◻ Sự cừu hận là khối thảm khổ đệ nhất của nhân sanh, nên người hiền thì không biết đến hay là từ bỏ cừu hận oán ghét.
- ◻ Thắng đặng khí nộ mình thì không chọc ai giận dữ.
- ◻ Lấy thiện mà trừ ác.
- ◻ Lấy nhân nghĩa trừ bạo tàn.
- ◻ Lấy lòng quảng đại mà cởi mở tâm lý hẹp hòi.
- ◻ Lấy chánh trừ tà.
- ◻ Ấy là đường thương huệ kiếm.

III – LUYỆN THÂN LUYỆN TRÍ:

- Âm thực tinh khiết.
- Tư tưởng tinh khiết.
- Tin tưởng mạnh mẽ nơi Chí Tôn và Phật Mẫu.
- Thượng yêu vô tận.
- Ấy là chìa khóa mở cửa Bát Quái Đài tại thế này.

Đức Hộ Pháp vì hạnh phúc của nhân loại mà quyết tâm thực hiện cho kỳ được bác ái, công bằng, vị tha và đại đồng thế giới. Người Tín Hữu Cao Đài đã trọn hy sinh xương máu từ thuở khai sinh Đạo cho đến bây giờ cũng chỉ vì mục đích ấy. Muốn cho Đạo Cao Đài có giá trị nơi mặt thế này mà đi chưa tới mục tiêu ấy, tức là công trình cấy lúa trên đá vậy! Trước hoàn cảnh hỗn loạn của đất nước Việt Nam lúc bấy giờ, đồng bào đang tranh tối, tranh sáng, người Tín Hữu Cao Đài đang sống dưới 2 làn tên mũi đạn của quân đội Pháp và Việt Minh. Với trọng trách là Hộ Pháp, Chương quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng, Đức Hộ Pháp triệu tập đại hội Nhân Sanh, hầu chấn hưng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và phục quyền Vạn Linh.

Nhân ngày đại lễ vía Đức Chí Tôn, mừng 9 tháng Giêng năm Đinh Hợi (1947) Đức Hộ Pháp long trọng nhắc nhở Chức sắc và phán dạy Bốn đạo:

“Đừng để ngoại bang xâm nhập vào nội quyền Việt Nam đưa đến cảnh tương tàn, tương sát, và làm một món hàng cho các cường quốc đối chác”.

Thể hiện tấm lòng ưu ái trước bao áp lực, Đức Hộ Pháp để lời phán dạy: *“Hồ Chủ Tịch đánh, Bản Đạo đòi,*

kẻ đánh người đòi, nhất định nước Việt Nam sẽ độc lập, tự do”, với chủ trương bất bạo động “*Bất chiến tự nhiên thành*” Đức Hộ Pháp hằng giải thích cho Chức Sắc và Bốn Đạo biết rõ đường lối bất bạo động chủ trương có điểm đặc biệt là không chọc tức một ai! (Đường lối bất bạo động của Thánh Gandhi trước kia, đôi khi còn gây bức tức cho người Anh.) Người Tín Hữu Cao Đài mãi ghi nhớ lời phán dạy của Đức Hộ Pháp:

“Bốn Đạo lúc nào cũng không muốn giải quyết vận mạng nước nhà bằng quân lực, mà phải dùng phương pháp đạo đức đem hòa bình hạnh phúc lại cho giống nòi”.

Xét thấy sơ ước 6-3-1946 ký kết giữa Hồ Chủ Tịch và Sainteny thì chánh phủ Pháp không thật tâm giải quyết vấn đề Việt Nam trên bàn Hội Nghị, thay vì chánh phủ Pháp phải hội đàm với phái đoàn chánh phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do Hồ Chí Minh dẫn đầu diễn ra tại Paris, nhưng chánh phủ Pháp lại né tránh đưa Hội Nghị về Foutainebleau để thảo luận, và hiệp định Foutainebleau được ký kết ngày 14-9-1946 giữa Tổng Trưởng bộ ngoại giao M. Marius Noutet và Hồ Chí Minh Chánh Phủ Việt Nam Dân Chủ cộng Hòa. Tiếp theo là chánh phủ Pháp chỉ thị cho quân đội Pháp tại Việt Nam tấn công “*đánh chiếm*» Hải Phòng ngày 20-11-1946, gây cảnh tang tóc cho đồng bào Việt Nam. Mãi đến ngày 19-12-1946, đúng 8 giờ sáng, tiếng súng tổng tấn công của Việt Minh mới bắt đầu nổ trên toàn quốc. Bao thảm trạng thương tâm đã đến với đồng bào và bốn Đạo Cao Đài, gánh lấy sự trả quả vô cùng tàn bạo của quân Pháp lúc bấy giờ, và lệnh «*tiêu thổ kháng chiến*» đã ban hành.

Không thể ngồi yên trước làn tên mũi đạn của Pháp và Việt Minh kháng chiến, Đức Hộ Pháp có văn thư gửi đến cụ Chủ Tịch Hồ Chí Minh xin cứu xét lại lệnh “*tiêu thổ kháng chiến*” bởi bên Trung Quốc người đông đất rộng có thể áp dụng được, còn nước Việt Nam quá nhỏ bé! Ngày 12-8-Đình Hối (1947) Đức Hộ Pháp đến viếng thăm trường Quy Thiện (Trí Giác Cung) do Hiền Huỳnh Đình Công Trứ làm chủ trường, nhìn thấy trường Quy Thiện thượng lá cờ trắng (bạch kỳ) Đức Hộ Pháp liền giải thích cho Hiền Huỳnh Đình Công Trứ biết rõ ý nghĩa cờ bạch kỳ “*về ý nghĩa của lá cờ trắng là biểu tượng cho Hòa Bình, nhưng lá cờ trắng chỉ dùng khi nòi giống trong nước xô xác nhau, cốt nhục tương tàn khốc liệt, vô phương cứu chữa, thì ngày ấy mới đúng ý nghĩa của nó*”.

Đức Hộ Pháp nhắc lại lịch sử thuyết Nhan Hồi, tức ông Nhan Uyên, học trò của đức Khổng Phu Tử trước kia, để cho Hiền Huỳnh chủ trường trường Quy Thiện hiểu rõ thêm giá trị của lá cờ trắng, (và lá cờ trắng tại trường Quy Thiện được hạ xuống). Cầm bạch kỳ xông pha ra giữa chiến trường để giải thích cho đôi bên nghe, và hiểu điều hơn lẽ thiệt, giúp cho đôi bên thấu triệt đạo nghĩa, hầu lui binh, tránh cho nhân sanh khỏi thảm họa tiêu diệt lẫn nhau. Đó là chủ thuyết của Thầy Nhan Hồi mà Đức Hộ Pháp vừa sơ lược «*sử tích*» để chỉ dẫn cho Hiền Huỳnh Đình Công Trứ, chủ trường trường Quy Thiện, và cũng là một sự tiên ứng sau này. Đó là sau khi Hiệp Định Genève 20-7-1954 không được tôn trọng, Đức Hộ Pháp để xướng Bản Cương Lĩnh Chính sách Hòa Bình Chung sống ngày 26-3-1956. Chỉ định cho Trung Tá Lê Văn Thoại (nay là Hữu Phan Quân HTĐ) hướng đưa một

phái đoàn mang bạch kỳ (cờ trắng) ra tận nhịp cầu thứ 2 của cây cầu Hiền Lương (Bến Hải) thuộc vĩ tuyến 17, là nơi ranh giới chia đôi Nam-Bắc Việt Nam, để thượng bạch Kỳ lên, hầu kêu gọi chánh phủ 2 miền Nam-Bắc đừng “*tuân lệnh*” ngoại bang xúi giục, mà gây cuộc tương tàn, nổi da xáo thịt, như thảm họa Chúa Nguyễn – Trịnh phân tranh trước kia vậy. Ngày 17-1-1949, Đức Hộ Pháp có văn thư số: 115/HP-TTVP, gửi cho Thượng Sứ Pháp tại Đông Dương và Đại Tướng Blaizot, Tổng Tư Lệnh Quân Đội Pháp tại Viễn Đông biết rõ về đường lối trung lập của Tôn Giáo Cao Đài. Nội dung văn thư viết..... *sự hiện diện những tổ chức Quân Bị Cao Đài chúng tôi đã đến giai đoạn không cần thiết nữa, chúng tôi sẽ đứng Trung Lập, và đó là lập trường sau này của chúng tôi. Chúng tôi để cho nhà binh Pháp tự do định liệu ngày giờ chúng tôi giao hồi khí giới, ước mong được sớm ngày nào tốt ngày nấy. Còn đối với Việt Minh kháng chiến thì thuộc về nội bộ người Việt Nam chúng tôi tự giải quyết cùng nhau.....*

Vì lòng ái quốc thương sanh, vì sự tồn vong của tổ quốc và giống nòi, Đức Hộ Pháp không thể điềm nhiên để cho ngoại bang mưu đồ áp đặt dày xéo đồng bào, nên sau khi nghe tin Pháp và Việt Minh ký hiệp ước chia đôi Hoàng Đố Việt Nam tại bàn hội nghị Genève 1954, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới. Đức Hộ Pháp liền gửi một bức thư không niêm cho cụ Chủ Tịch Hồ Chí Minh, trình bày ý kiến và cho biết giống nòi Việt Nam không thể chia đôi, toàn cả Quốc Dân không chịu cuộc nội chiến do Ngoại Bang áp đặt, như nội chiến giữa Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn thuở trước. Với trọng trách của đức Cao Đài Thượng Đế giao phó, Đức Hộ Pháp có sứ mạng đặc

biệt là làm thế nào giải ách lệ thuộc cho nòi giống, và bảo thủ Hoàng Đờ Việt Nam.

Đức Hộ Pháp biết trước mưu đồ của Ngoại Bang muốn áp đặt chia đôi đất nước Việt Nam nên vào đêm rằm tháng 4 năm Giáp Ngọ (17-5-1954) đứng trước Giảng Đài Đền Thánh, Đức Hộ Pháp can đảm nhận lãnh trách nhiệm hướng dẫn cả Chức Sắc và Bồn Đạo làm một Giáo Sư hòa giải 2 khối Cộng sản và Tư Bản đang tranh giành quyền bá chủ, thể không đội trời chung, kẻ mất người còn. Đức Hộ Pháp có điện văn «*phản kháng*» gửi cho Tứ Cường tại Hội Nghị Genève đủ chứng tỏ lòng thiết tha yêu nước, yêu chủng tộc của một vị lãnh đạo Tôn Giáo, một đấng cứu thế kỳ ba đây lòng bác ái, nhiệt tình lo phương cứu khổ cho nhân loại nói chung, cho nòi giống Việt Nam nói riêng. Kể ra chủ thuyết Trung Lập Việt Nam lúc bấy giờ do Tôn Giáo Cao Đài đề xướng không phải là một việc đơn giản đối với chánh quyền Pháp đang triệt để chống Cộng Sản.

Thiết nghĩ vào đầu năm 1949, Đức Hộ Pháp đã có văn thư chánh thức bày tỏ cho Thống Sứ Pháp và Đại Tướng Blazot biết rõ đường lối Trung Lập của Đạo Cao Đài sau này, cùng giao trả vũ khí của Binh Sĩ Cao Đài sớm ngày nào tốt ngày nấy. Chứng tỏ lập trường Trung Lập cố hữu của Tôn Giáo Cao Đài, cũng là một hành động không kém phần nguy hiểm.

Được tin Pháp và Việt Minh bị áp lực phải tuân lệnh của Ngoại Bang chia đôi nước Việt Nam tại bàn hội nghị Genève, Đức Hộ Pháp liền gửi cho Tứ Cường tại hội nghị Genève 1954 một bức điện văn «*phản kháng*» Ngoại Bang xâm nhập chủ quyền Việt Nam, cố tình áp

đặt chia đôi nước Việt Nam. Trước khi gửi bức điện văn «*phản kháng*» tới Tứ Cường, Đức Hộ Pháp có nhã ý yêu cầu Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đồng ký tên trong bản điện văn, nhưng Thủ Tướng Ngô Đình Diệm hồi đáp Đức Hộ Pháp bằng một văn thư, là xin Đức Hộ Pháp tự ký tên đăng gởi đi, chứ người không thể ký tên chung vào một điện văn với Đức Hộ Pháp được.

Người tín hữu Cao Đài làm sao quên được lời tiên đoán phán dạy của Đức Hộ Pháp:

“Đức Chí Tôn đến lập một nền Chánh Đạo này tại cõi Đông Dương là cốt làm cho kẻ bị hiếp đáp được mạnh mẽ, kẻ hiền lương sẽ làm Thấy kẻ hung dữ, ấy là công bằng thiêng liêng của tạo hóa. Phải giữ đạo đức cho bền, còn sự chi nghịch với chơn đạo là mưu chước của Tà Quái. Hết phạt đến thưởng là thường lệ. Đức Chí Tôn đã cho họ hưởng cái quả mà họ đã có công gieo trồng và vun xới, khi hiểu rồi thì phạt là thưởng, thưởng là phạt. Tóm lại, chỉ là định luật, có công gieo cái gì thì được hưởng cái nấy”.

Xã hội đại đồng không phải là ảo tưởng, chắc chắn phải được hình thành, được xây dựng nên bằng ý chí của Thượng Đế, không phải bằng vũ khí, bạo lực, sắc máu, mà nhờ sự hiểu biết, nhờ trình độ tiến hóa, đạo đức và tinh thần đại đồng của con người. Tất cả từ cội nguồn Phật, Chúa, Lão, Khổng, hay các Giáo Chủ khác đều được Thượng Đế giao sứ mạng xuống thế vào những thời kỳ khác nhau, ở những địa phương khác nhau để hoằng hóa mỗi đạo, mở trí khai tâm cho các sắc dân trên mặt địa cầu biết điều thiện lành, đạo đức, hầu tiến hóa trở về với Thượng Đế, bởi các đấng đã giáng trần khắp cả hoàn cầu.

Hơn nữa là vào năm 1926, đức Chí Tôn đã giảng cơ chỉ dạy:

“Chẳng những ngày hôm nay Thầy mới đến với các con, dân tộc Việt Nam nhỏ bé, mà Thầy đã cho nhiều chơn linh xuống thế, ngày nào được nghe tiếng còi thì các Chơn linh ấy sẽ về qui hiệp cùng Thầy”.

Kỷ Nguyên Thánh Đức là gương của thế giới đại đồng, xã hội này được dựng lên bởi con người biết yêu thương kính trọng nhau, xem nhau như huynh đệ, không còn phân biệt màu da, chủng tộc, tôn giáo, giai cấp. Con người của xã hội này phải có trình độ cao về đạo đức tinh thần và lòng từ bi bác ái.

Với Tôn Giáo Cao Đài, hòa là tôn chỉ, chiến là mục tiêu phải sang bằng, nên Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thường nhắc nhở Chức Sắc và Bần Đạo nam nữ phải nêu cao ngọn cờ cứu khổ *“bất chiến tự nhiên thành”*. Ngày nào Hội Thánh nam nữ còn tưởng nhớ đến Bần Đạo, thì Bần Đạo chỉ xin một điều là hợp sức với nhau chung lo gìn giữ tất cả các cơ quan chánh trị đạo để cùng nhau chuyển thế. Lời phán dạy đó phải chăng là một sự tiên đoán vận mạng nên Đại Đạo sau này? Nhưng than ôi! Hội Thánh không ra Hội Thánh! Vài chiếc áo Cửu Trùng làm sao cứu nổi đại nạn này.

Ngày 18 tháng 4 năm Giáp Ngọ (20-5-1954) Đức Hộ Pháp hướng dẫn một phái đoàn chức sắc Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh rời khỏi phi trường Tân Sơn Nhất (Sài Gòn) vào lúc 9 giờ sáng lên đường đi Paris để hội kiến với Tổng Thống Pháp René Coty tại điện Elysées. Phái đoàn Hội Thánh Cao Đài đến Paris tạm nghỉ tại Hotel Georges V., nơi đây Đức Hộ Pháp đã tiếp kiến với nhiều chánh khách Việt, Pháp đến vấn an trong

tình thân mật thông cảm lẫn nhau. Vào lúc 14 giờ ngày 24-5-1954, Thủ Tướng Laniel tiếp kiến và hội đàm thân mật với Đức Hộ Pháp tại điện Matignon (Paris).

Vào lúc 15 giờ ngày 27-5-1954, ông Bộ Trưởng Mecheri thay mặt Tổng Thống Pháp René Coty đến tận Hotel Georges V. chào mừng xā giao Đức Hộ Pháp và chuyển đệ lời mời của Tổng Thống là: đúng 18 giờ 30' ngày 28-5-1954 Tổng Thống René Coty sẽ tiếp kiến Đức Hộ Pháp tại điện Elysées.

Chiều đến, Đức Hộ Pháp và phái đoàn tùy tùng rời Hotel Georges V., lên xe đến thẳng điện Elysées, được ông Bộ Trưởng Mecheri tiếp đón (theo nghi lễ Quốc Khách) nồng hậu và mời Đức Hộ Pháp cùng phái đoàn vào sảnh đường điện Elysées.

Đồng hồ trên tường vừa thánh thót đồ báo hiệu 18 giờ 30' thì Tổng Thống René Coty bước ra phòng khách bắt tay chào mừng Đức Hộ Pháp và phái đoàn tùy tùng. Đồng thời Tổng Thống cho mời các cộng sự viên tại Tổng Thống Phủ đến chào mừng Đức Hộ Pháp và tự giới thiệu từng cộng sự viên với phái đoàn Chức Sắc.

Cuộc hội đàm rất thân mật, Tổng Thống René Coty có hứa lời với Đức Hộ Pháp là sẽ hội kiến với Thủ Tướng Laniel để sớm ký kết hiệp ước Pháp-Việt, trao trả chủ quyền Độc Lập cho Quốc Gia Việt Nam.

Sau buổi hội kiến và đàm đạo trong tình thân mật, Tổng Thống mời Đức Hộ Pháp và phái đoàn bước sang phòng tiệc tiếp tân dùng bữa cơm chay. Buổi cơm chay tại Tổng Thống Phủ rất đậm đà thân thiết Pháp-Việt kéo dài trên một tiếng đồng hồ, và cũng là cơ hội duy nhất để

Tổng Thống René Coty biết rõ thêm về Tôn Giáo Cao Đài, một Tôn Giáo được khai sáng trên đất nước Việt Nam vào năm 1926.

Mặc dầu đã được Tổng Thống nhắc nhở, nhưng Thủ Tướng Laniel vô cùng tế nhị, khéo léo trì hoãn, chờ cho đến ngày mừng 5 tháng 5 năm giáp Ngọ (4-6-1954) là ngày sinh nhật Đức Hộ Pháp, Thủ Tướng Laniel mới ký kết 2 hiệp ước trao trả chủ quyền độc lập cho quốc gia Việt Nam với Thủ Tướng Bửu Lộc, chánh phủ Cộng Hòa Việt Nam.

Đúng 19 giờ đêm 4-6-1954, các quan khách Pháp, Việt lần lượt đến dự lễ sinh nhật Đức Hộ Pháp được tổ chức tại Hotel Georges V. Thủ Tướng Laniel trình bày cho Đức Hộ Pháp rõ là ông ta đã ký kết xong 2 bản hiệp ước trao trả chủ quyền cho quốc gia Việt Nam, đúng như lời Tổng Thống René Coty đã hứa hẹn với Đức Hộ Pháp tại điện Elysées 28-5-1954. Và bày tỏ với Đức Hộ Pháp: sở dĩ việc ký hiệp ước trao trả chủ quyền cho quốc gia Việt Nam có phần chậm trễ đến hôm nay là vì chánh phủ Pháp muốn làm món “*quà kỷ niệm*” chào mừng ngày sinh nhật của Đức Hộ Pháp, một phương cách ngoại giao của chánh phủ Pháp vô cùng tế nhị đối với vị lãnh đạo Tôn Giáo Cao Đài, một đối tượng đáng ngại với chủ thuyết “*Bất chiến tự nhiên thành*”.

Trước bối cảnh chánh trị của nước Việt Nam lúc bấy giờ vô cùng đen tối, ngoại bang định chia đôi nước Việt Nam trên bàn hội nghị Genève, Đức Hộ Pháp biết rõ là Mỹ sẽ thay chân Pháp và đang còn thương lượng dàn xếp cho Ngô Đình Diệm thay thế Thủ Tướng Bửu Lộc, mà Đại Tá Edward Lansdale (Mỹ sẽ là cố vấn cho

Ngô Đình Diệm sau này) đã nhận được chỉ thị mật, cần nhanh chóng chặn đứng mọi ý đồ của Pháp tại Việt Nam, Ngô Đình Diệm sẽ về Sài Gòn ngày 25-6-1954. Còn đang viếng thăm các cung điện tại Thủ Đô Paris, được tin ngoại bang định áp đặt chia đôi nước Việt Nam. trên bàn hội nghị Genève 1954, Đức Hộ Pháp lo âu về nổi thống khổ của một dân tộc đã từng bị chia đôi lãnh thổ Nam-Bắc giữa Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn, nên Đức Hộ Pháp và phái đoàn tùy tùng lên 2 chiếc xe Simca rời khỏi Paris, trực chỉ Genève để biết rõ thiệt hư. Khi xe của phái đoàn vừa tới ranh giới địa phận nước Thụy Sĩ, thì đã có sẵn anh Nguyễn An Mỹ (con trai cụ Nguyễn An Ninh) túc trực tiếp đón Đức Hộ Pháp và phái đoàn, cùng hướng dẫn đưa về Hotel Régina. Riêng anh Nguyễn An Mỹ thì từ giả phái đoàn trở về trụ sở Versoix báo cáo.

Chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ thì anh Nguyễn An Mỹ hướng dẫn ông Trần Thanh Hà, Tổng Thư ký liên lạc của phái đoàn chánh phủ VNDCCH đến Hotel Régina chào mừng Đức Hộ Pháp, và chuyển lời kính mời Đức Hộ Pháp và phái đoàn đến trụ sở Versoix.

Theo lời mời của ông Trần Thanh Hà, Đại huynh Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa đến trụ sở Versoix được sự tiếp đón của Thiếu Tướng Thanh Sơn (tức Nguyễn Văn Tây, một thành viên quân sự trong phái đoàn chánh phủ VNDCCH.) trước sự hiện diện của Luật Sư Phan Anh, Bác Sĩ Lê Văn Chánh. Một cuộc gặp gỡ hi hữu của Thiếu Tướng Thanh Sơn và Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa sau bao năm xa cách từ năm 1945 tại chiến khu Châu Đốc, Miền Tây Nam Bộ, hôm nay tình cờ lại được hội ngộ với nhau trên đất khách quê người, Thiếu Tướng Thanh Sơn và Đại Huynh Bảo

Đạo vô cùng xúc động, ôm choàng lấy nhau thắm thiết và không cầm được hai hàng giọt lệ tự nhiên lãng chảy...

Không phải ngẫu nhiên mà đã có nhiều phiên họp thảo luận tiếp xúc giữa 2 phái đoàn: Chánh Phủ VNDCCH và phái đoàn Cao Đài từ đêm 28-6-1954, do Luật sư Phan Anh và Đại Huynh Bảo Đạo làm trưởng phái đoàn, những phiên họp này do ông Trần Thanh Hà và Nguyễn An Mỹ khéo léo cho xe trực đón phái đoàn Cao Đài tại công viên La Perle Du Lac để đưa đến trụ sở Versoix dự các phiên họp, tránh sự theo dõi của Công An ngầm Thụy sĩ.

Phái đoàn Cao Đài và phái đoàn VNDCCH đã trải qua nhiều buổi họp sôi nổi kể từ ngày 28-6-1954 liên tiếp cho đến ngày 5-7-1954, tuy nhiên vẫn chưa hé mở điểm then chốt là việc phái đoàn VNDCCH, Hà Nội chỉ thảo luận với chủ nhân ông của Miền Nam lúc bấy giờ là Pháp, chớ không biết tới sự hiện diện của Bác sĩ Trần Văn Độ, Trưởng phái đoàn Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa, Sài Gòn. vì thế mà suốt một tuần lễ liên tiếp “*hội đàm*” giữa 2 phái đoàn VNDCCH và phái đoàn Cao Đài không đạt được kết quả mong muốn. Đức Hộ Pháp chỉ định cho Luật sư Trần Văn Tuyển và Đại Tá Phạm Xuân Thái tìm chọn một nhà hàng sang trọng, để mời phái đoàn VNDCCH dùng một buổi cơm thân mật để đáp lễ lại phái đoàn Hà Nội trong những phiên họp vừa qua tại trụ sở Versoix đã đài thọ cho phái đoàn Cao Đài.

Ông Trần Thanh Hà Tổng Thư Ký liên lạc của phái đoàn VNDCCH đến Hotel Régina xin diện kiến Đức Hộ Pháp, trình bày cho biết là Thủ Tướng Phạm Văn Đồng và phái đoàn VNDCCH không thuận tiện đến dự buổi cơm ngoài trụ sở Versoix xin Đức Hộ Pháp thông cảm và

xin chuyển đệ lời của Thủ Tướng Phạm Văn Đồng mời Đức Hộ Pháp đến dự buổi cơm thân mật với Thủ Tướng tại trụ sở Versoix. Đức Hộ Pháp tỏ lời cảm ơn, và xin từ khước dùng cơm, nhưng chấp nhận đến hội kiến với Thủ Tướng Phạm Văn Đồng vào lúc 19 giờ đêm 5-7-1954 tại trụ sở Versoix (Hotel Le cèdre, do chánh phủ Thụy sĩ dành riêng cho phái đoàn Hà Nội).

Để tránh sự dòm ngó và theo dõi của công An đặc biệt Thụy Sĩ, Đức Hộ Pháp và đoàn tùy tùng lên xe song mã tại Hotel Régina đến công viên La Perle Du Lac, thì đã sẵn có 2 chiếc xe du lịch của anh Trần Thanh Hà và cậu Nguyễn An Mỹ túc trực đón tiếp lên xe trực chỉ đến trụ sở Versoix. Hai chiếc xe vừa ngừng trước trụ sở Versoix vào lúc 21 giờ đêm 5-7-1954, thì mưa bắt đầu rơi hột, nhưng từ bên trong trụ sở Thủ Tướng Phạm Văn Đồng và phái đoàn Chánh Phủ Hà Nội ra tận xe chào mừng thân mật. Thủ Tướng Phạm Văn Đồng ôm choàng Đức Hộ Pháp và hướng dẫn cả phái đoàn vào phòng khách trụ sở Versoix. Thủ Tướng Phạm Văn Đồng ngồi chung với Đức Hộ Pháp trên một cái ghế dài, ngay bức chân dung của Chủ Tịch Hồ Chí Minh. Ông luật sư Phan Anh ngồi bên cạnh phía tay mặt của Đức Hộ Pháp, ông Việt Phương ngồi lấy tốc ký và biên bản sau lưng luật sư Phan Anh. Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước, ngồi bên cạnh tay trái của Thủ Tướng Phạm Văn Đồng. Ngồi vòng quanh đối diện ghế của Thủ Tướng và Đức Hộ Pháp gồm có quý ông: Trần Công Tường, Bộ Trưởng công thương, Bác sĩ Lê Văn Chánh, Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa, ông Trần Thanh Hà, Nguyễn An Mỹ, Đại Tá Phạm Xuân Thái, Luật Sư Trần Văn Tuyên (sau này là phó Thủ Tướng Miền Nam).

Mở đầu buổi họp, Đức Hộ Pháp nói: “*Đồng bào rất biết ơn công kháng chiến của Việt Minh, nhưng vấn đề giải phóng Việt Nam phải cho trọn vẹn, không thể đuổi Pháp đi, rồi rước Tàu, Nga vào cũng như tháo bỏ cái gông, rồi mang cái cùm vào. Toàn dân sẽ phán đoán!*” Thủ Tướng Phạm Văn Đồng đáp lời: «*Chúng tôi biết rất rõ điều ấy và không bao giờ có thể xảy ra được*» và Đức Hộ Pháp cũng trình bày rõ với Thủ Tướng Phạm Văn Đồng rằng: «*người Pháp không thể ở mãi tại Việt Nam để thi hành hiệp định Genève được, người Mỹ sẽ thay chân người Pháp, thì dù sao chánh phủ Miền Nam do Bác sĩ Trần Văn Độ làm trưởng đoàn, cũng là một thực thể của chánh quyền Miền Nam lúc bấy giờ, vấn đề Việt Nam phải do người Việt Nam quyết định. Hai chánh phủ Nam-Bắc Việt Nam cần bàn bạc thảo luận cùng nhau tốt hơn là trực tiếp hội đàm với phái đoàn Pháp*». Đó là lời Đức Hộ Pháp ân cần trình bày lẽ thiệt hư, bất lợi cho đồng bào, chủng tộc với Thủ Tướng Phạm Văn Đồng và phái đoàn chánh phủ Miền Bắc tại Genève đêm 5-7-1954.

Buổi hội thảo tiếp diễn trong bầu không khí cởi mở. Trước khi bế mạc, Thủ Tướng Phạm Văn Đồng mời Đức Hộ Pháp và phái đoàn Hội Thánh Cao Đài sang phòng kế bên dùng tiệc cháo chay và bánh ngọt. Trong buổi tiệc thân mật Đức Hộ Pháp có nói với Thủ Tướng: “*Bần Đạo đã cho xây cất xong một phủ thờ Tổng Đường họ Phạm ở Tòa Thánh Tây Ninh, chứng yên rồi ông nhớ về đó!*” Thủ Tướng tươi cười đáp lời: «*Đạ, chừng đó tôi sẽ về*».

Trước khi Đức Hộ Pháp và phái đoàn kiếu từ ra về, Thủ Tướng Phạm Văn Đồng còn ôm hôn Đức Hộ Pháp đầy tình thân mật đậm đà. Phái đoàn chào từ biệt lên xe

rời khỏi trụ sở Versoix về tới Hotel Régina gần 24 giờ.

Đúng 9 giờ sáng ngày 6-7-1954, ông phó phái đoàn Pháp tại hội nghị Genève đến viếng thăm Đức Hộ Pháp tại Hotel Régina, suốt một tiếng đồng hồ đàm đạo, và chuyển lời của ông Cheval Trưởng phái đoàn Pháp kính mời Đức Hộ Pháp và phái đoàn Cao Đài vào lúc 12 giờ cùng ngày đến dùng buổi cơm chay. Theo lời mời, Đức Hộ Pháp và phái đoàn được ông Cheval tiếp đón vô cùng thân mật, nên Đức Hộ Pháp thổ lộ cho ông Cheval biết: «*Hồi đêm hôm tôi có hội kiến với Thủ Tướng Phạm văn Đồng trong tinh thần hiểu biết và cởi mở tốt đẹp*». Đồng thời, Đức Hộ Pháp còn khéo nhắc nhở ông Cheval một câu: «*NE METTEZ PAS VOS DOIGIS DANS LE PANIER DES CRABES*». Và chú giải rất thâm thúy: «*Vấn đề Việt Nam chúng tôi rất khó khăn, tế nhị lắm, người Pháp các ông không nên nhún tay vào nội bộ Việt Nam của chúng tôi. Nếu các ông nhún tay vào, chẳng khác nào các ông thợ tay vào giỏ đựng cua, nhất định sẽ bị cua kẹp, thì không thể nào rút tay ra được*». Ông Cheval rất chú ý, và có lời cảm ơn Đức Hộ Pháp, và hứa sẽ chuyển đệ những lời khuyến cáo về chánh phủ Pháp (Paris) rút thêm kinh nghiệm về vấn đề Việt Nam.

Thêm một việc hi hữu xảy ra tại buổi tái họp hội nghị Genève lúc 15 giờ ngày 6-7-1954, Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước được Đức Hộ Pháp chỉ định đến tham dự buổi họp để biết thêm về sự diễn biến tại bàn hội nghị như thế nào. Thay vì đi dự họp theo thông lệ thường thì Ngài Bảo Thế phải mặc đạo phục Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, như những buổi họp thảo tại trụ sở Versoix, song đặc biệt hôm nay, đến tham dự hội nghị Genève Đức Hộ Pháp lại cho phép

Ngài Bảo Thế mặc âu phục. Lần đầu tiên có một vị chức sắc Cao Đài đến tham dự hội nghị Genève với tư cách là tham dự viên, mà lại mặc âu phục, nên ban tổ chức mới sắp xếp cho Ngài Bảo Thế ngồi bên cạnh phái đoàn chánh phủ Miền Nam Việt Nam. Thiết nghĩ, từ ngày khai mạc hội nghị Genève, đã trải qua nhiều buổi họp, mà cả hai phái đoàn chánh phủ Miền Bắc và Miền Nam chưa bao giờ chào hỏi nhau, coi nhau như người xa lạ, chưa bao giờ quen biết nhau. Hôm nay có Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước, một Chức sắc cao cấp của Đạo Cao Đài đến tham dự buổi họp, ngồi cạnh bên Bác sĩ Trần Văn Đò, Trưởng phái đoàn Chánh Phủ Miền Nam Việt Nam. Khi phái đoàn Miền Bắc do Thủ Tướng Phạm Văn Đồng hướng dẫn đến hội trường Genève, Thủ Tướng Phạm Văn Đồng vừa bước vào phòng họp thì nhìn thấy Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước mặc âu phục mà lại ngồi cạnh bên Bác sĩ Trần Văn Đò. Ngài Bảo Thế nhìn thấy Thủ Tướng thì gật đầu chào, Thủ Tướng gật đầu đáp lễ lại, cả phái đoàn Miền Nam nhìn thấy Thủ Tướng Phạm Văn Đồng gật đầu chào, liền gật đầu đáp lễ lại, và cả 2 phái đoàn Miền Nam, Miền Bắc đồng vui vẻ Cười với nhau.

Liên tiếp bao nhiêu buổi họp tại hội trường Genève, lần đầu tiên 2 phái đoàn Chánh Phủ Miền Nam-Bắc Việt Nam vui vẻ chào hỏi nhau, gây xôn xao chấn động cho các phóng viên, ký giả quốc tế hiện diện đang thi hành nhiệm vụ thông tin, bởi vì từ khi khai mạc hội nghị Genève cho đến bây giờ mới được vinh hạnh chứng kiến được một việc hi hữu này vào lúc 15 giờ ngày 6-7-1954. Đây cũng là một kỷ niệm khó quên được, do phái đoàn Cao Đài làm mở giới cho 2 phái đoàn Miền Nam và Miền Bắc Việt Nam

có cơ hội tiếp xúc lẫn nhau sau này.

Luồng gió mát thổi mở chào mừng của 2 phái đoàn Nam Bắc Việt Nam thổi vào phòng họp, xua tan bầu không khí tẻ lạnh nặng nề của các buổi họp trước đây, gây ngạc nhiên cho toàn thể những người hiện đang có mặt trong phòng họp. Nhất là ông Chevaul, trưởng phái đoàn Pháp hết sức ngạc nhiên và chú ý, là vì vừa mới được nghe Đức Hộ Pháp thuật cho biết việc tiếp xúc thân mật với phái đoàn VNDCCH hồi đêm hôm mà hiện giờ 2 phái đoàn Nam Bắc lại chào hỏi nhau.

Được biết ngoại bang mưu đồ bán đứng Việt Nam trên bàn hội nghị Genève, Đức Hộ Pháp liền mở cuộc họp báo tại Genève vào lúc 17 giờ ngày 18-7-1954 trước sự hiện diện của các phóng viên ký giả quốc tế để báo động trước về việc ngoại bang áp đặt chia đôi lãnh thổ Việt Nam. Tại buổi họp báo này, Đức Hộ Pháp đã tuyên bố: «*Nếu Việt Minh và Pháp tuân lệnh Ngoại Bang chia nước Việt Nam làm hai mà không có sự chấp thuận của toàn dân Việt Nam thì Bản Đạo chống cả hai hết*». Lời tuyên bố của Đức Hộ Pháp có một trọng lượng nhất định, tỏ rõ tinh thần ái quốc, yêu đồng bào vô bờ bến của Đức Hộ Pháp đã bộc lộ trong lời tuyên bố, cương quyết giải thoát cho dân tộc Việt Nam khỏi nạn phân chia lãnh thổ, một thảm họa vô phương cứu chữa như thời Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn.

Sau khi phái đoàn Cao Đài rời khỏi Genève trở về Miền Nam Việt Nam, tại Sài Gòn lúc bấy giờ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm được cố vấn Mỹ là Đại Tá Lansdale hướng dẫn mưu lược triệt hạ các Tôn Giáo, Đảng phái đã từng cộng tác với Pháp gây mất tình dân tộc và làm suy yếu lực lượng quốc gia.

Muốn cứu vãn tình thế nước nhà khỏi bị áp đặt của ngoại bang, Đức Hộ Pháp không ngần ngại đứng ra kêu gọi các Tôn Giáo, Đảng phái thống nhất lại thành một khối, đủ trọn thẩm quyền trực tiếp thương lượng thẳng với Chánh Phủ VNDCCH tại Hà Nội do hiệp định Genève tạo thành 20-7-1954.

Biết rõ thảm họa đưa đến cho dân tộc Việt Nam là Thủ Tướng Chu Ân Lai (Trung Quốc) và Thủ Tướng Pháp Pierre Mendes (Pháp) bí mật hội kín với nhau, bán đứng nước Việt Nam trên bàn hội nghị Genève, bất chấp lời khuyến cáo của Thủ Tướng Anh Quốc Churchill và Tổng Thống Mỹ Quốc là Eisenhower đã họp nhau tại Tòa Bạch Ốc ngày 10-7-1954 kêu gọi Pháp: *“Đừng nên chấp nhận việc ngưng bắn ở Đông Dương với giá quá cao”*.

Không thể khoan tay ngồi chờ nạn tương tàn, tương sát đưa đến, bắt buộc vị lãnh đạo Tôn Giáo Cao Đài, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc phải lên tiếng kêu gọi các Tôn Giáo và Đảng phái hiệp nhất lại thành lập: *“MẬT TRẬN THỐNG NHẤT TOÀN LỰC QUỐC GIA”* được gọi là mật trận Cao Thiên Hòa Bình (Cao Đài, Thiên Chúa, Hòa Hảo, Bình Xuyên), tạo thành một khối duy nhất, để trực tiếp thương lượng thẳng với chánh phủ VNDCCH Hà Nội, hầu tránh mưu đồ áp đặt của ngoại bang đang xâm nhập nặng nề vào nội quyền Việt Nam.

«*Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên*» ngoại bang đã xúi giục Thủ Tướng Ngô Đình Diệm thẳng tay phá vỡ Mật Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia, và thẳng tay triệt hạ các Tôn Giáo, đảng phái, gây mất tình đoàn kết dân tộc trầm trọng.

PHẢI CHỌN MỘT CON ĐƯỜNG

Gần bước sang năm Ất Mùi, nhân danh đảng tạo hóa Cao Đài bất diệt Bản Đạo gọi cùng toàn thể nhân loại bức thông điệp này để thiết tha kêu gọi những vị cầm quyền chánh phủ, lãnh đạo các dân tộc, nhận định nhiệm vụ một cách khôn khéo hơn. Bao giờ cũng vậy, nhân loại cố kiếm một con đường để tạo một đời sống hòa bình, hạnh phúc, mà không đạt được như ý muốn, chỉ vì không biết nghe theo mệnh trời... Ngày nay nhân loại đang trải qua một cơn khủng hoảng tinh thần ghê gớm mà vẫn còn phải hỏi đầu là con đường sống? Ở trên thế gian này không có chi là bất di bất dịch cả. Theo luật Trời mọi việc đều tiến triển. Lẽ dĩ nhiên xã hội loài người cũng phải theo định luật ấy.

“Hai chủ thuyết đang đối chọi nhau:”

Thuyết thứ nhất mệnh danh là Dân Chủ thì tán dương sự Quốc Gia tương trợ và tôn trọng giá trị con người, càng bảo tồn cái gì hay và đẹp. Thuyết ấy cao cả biết bao, nhưng lại thiếu thành thật mà những điều khoản ghi trong tập nhân quyền đã được Liên Hiệp Quốc tán dương gần đây vẫn chưa thực hiện.

Thuyết thứ hai mệnh danh là Cộng Sản, xúi giục giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư bản, chủ trương tiêu diệt, những việc bất công xã hội, và hứa hẹn quân phân lại tài sản, nhưng vì có tính vô thần và độc tài, nên đã trở thành quá khắc khe.

Nay 2 bên Cộng Sản và Tư Bản đã thực hiện tranh chấp, vì 2 Chủ thuyết đều hứa hẹn tạo cho nhân loại một đời sống tốt hơn xưa, có một điều mà chúng ta nhận xét thấy rõ rệt là cả hai không đạt tới đích xác hòa bình và hạnh phúc.

Trái lại nhân loại vẫn cứ bị phân hóa, vì cuộc xung đột vẫn kéo dài không lối thoát, cả nhân loại đều lo lắng hỏi rằng: Thế giới sẽ đi đến đâu. Khi cả hai khối đều chuẩn bị những chiến cụ có sức phá hoại mãnh liệt, nếu không phải đi đến chỗ diệt vong? Sự cộng tồn được đem ra thí nghiệm ở các nước Á Châu như Trung Hoa, Đại Hàn, Việt Nam không được như ý muốn, mà chỉ tạo được một nền hoà bình phù phiếm làm cho tình hình thế giới thêm căng thẳng, và các nước nói trên phải chịu gian khổ nhiều nhất. Do đó tất cả trách nhiệm đều trút vào những ông cầm đầu các Chánh Phủ lãnh đạo quần chúng nếu các ông cứ tiếp tục dẫn dắt nhân loại đến cảnh diệt vong, vậy thì mọi người chúng ta phải nghe theo tiếng gọi của Đấng Thiêng liêng, áp ủ ở bản thân ta, và nên hiểu rằng: Chỉ có lòng yêu thương trong bác ái, đoàn kết trong hòa khí và công bằng mới có thể có hòa bình và hạnh phúc.

Bản Đạo xin ngõ lời cùng nhân dân Pháp và đồng bào Việt Nam vốn có những liên hệ trực tiếp với nhau. Đối với người Pháp, Bản Đạo có thể nói và tuyên bố trước thế giới rằng: “Trong 80 năm chung sống, hai dân tộc Pháp và Việt Nam đã từng trải qua nhiều nỗi thống khổ trong 2 cuộc chiến 1914-1918 và 1939-1945. Hỏi các người Pháp! Các ông chắc cũng hiểu hơn ai hết, dân tộc Việt Nam với nền văn minh cổ cựu cương quyết theo đuổi nguyện vọng được độc lập của họ, các ông hẳn không lạ gì người Việt Nam, có một đức tính không biết phụ bạc, và biết phân biệt bạn và thù. Các ông không thể phủ nhận một đức tính sẵn có của nhân dân Việt Nam. Các ông có đủ tư cách để chứng tỏ rằng trong giờ phút này, sau khi hủy bỏ nền thống trị của các ông, nước Việt Nam cũng không công nhận một uy quyền nào

khác thay thế. Trước, sau như một, người dân Việt Nam luôn thiết tha một nguyện vọng là: Được quyền tự định đoạt lấy số phận mình. Đồng thời, các ông có thể tuyên bố với:... Trước hết với dân tộc Mỹ vốn có thiện chí tỏ tình giúp đỡ Việt Nam, rằng các dân tộc vẫn được coi như... nhưng phải coi chừng, đừng phạm vào những lầm lỗi đã đi từ chánh sách thực dân đến chánh sách can thiệp, bất cứ dưới hình thức nào trong công việc riêng của Việt Nam để tránh khỏi phải chịu hậu quả về cuộc thí nghiệm của họ.

Đối với nhân dân Việt Nam và riêng đối với các vị lãnh đạo Miền Nam cũng như Miền Bắc, Bản Đạo xin các ông cố gắng cho nhân loại ở trong tình trạng nguy vong, một tấm gương sáng lạng về sự đoàn kết vì mọi người đều biết rằng đoàn kết là sống. Trong những giờ phút này trách nhiệm của các ông thật nặng nề, nếu các ông cứ cố chấp theo đuổi một cuộc đấu tranh lý tưởng quốc tế đầy dẫy những dục vọng và phe đảng thì các ông sẽ là những người có tội với tổ quốc và nhân dân Việt Nam.

Các ông không thể quên rằng hạnh phúc của dân tộc Việt Nam là kết tinh của tình đoàn kết và tình thương yêu, hoà khí và công bằng. Đó là lý tưởng quốc gia mà tổ tiên từ ngàn xưa lưu truyền lại chớ không phải là sản phẩm của cuộc đấu tranh chánh trị và bè phái. Phải nên mạnh bạo và thẳng thắn, như thế thì các ông sẽ được toàn dân ủng hộ. Người Việt Nam phải đau khổ ê chề, vì sự chia rẽ nội bộ và cuộc tuyển cử riêng rẽ do 2 chánh phủ đối lập tổ chức, không thể nào tránh khỏi được những dục vọng bè phái.

Các ông cầm đầu chánh phủ Miền Bắc và Miền Nam, các ông còn ngại gì mà không nêu gương đoàn kết, thành lập một chánh phủ lâm thời duy nhất, thoát ly khỏi ảnh

hưởng ngoại quốc, với sự tham dự của các phần tử thuộc mọi khuynh hướng chánh trị, Tôn Giáo hầu tiến tới cuộc tổng tuyển cử Toàn Quốc Việt Nam. Toàn dân sẽ ghi công các ông. Do đó bằng tấm gương quý báu ấy, các ông sẽ là những người được tiếng là đã cứu vãn nước Việt Nam trước hết và sau là toàn cả thế giới.

Trước khi ngừng bút, Bản Đạo xin thành khẩn cầu nguyện Chí Tôn Cao Đài của chúng ta, để cho nhân loại sang năm mới sẽ thoát qua giấc triền miên, hưởng thẳng vào ánh hào quang chói lọi và chân lý của Thượng Đế đặng lựa chọn lấy con đường hạnh phúc. Cuộc đấu tranh để sinh tồn sẽ đưa đến cuộc binh đao, gây nên khổ não, tàn phế và chết chóc. Trái lại sự hổ tương để sinh tồn bằng cách thương yêu trong tình huynh đệ, đoàn kết trước hòa khí và công bằng, đó là điều kiện tạo nên sự hợp tác hòa bình, sáng tạo hạnh phúc và tự do. Mỗi người chúng ta đều có thể tự do Chọn Lấy Một Con Đường”

Người tín hữu Cao Đài làm sao quên được vụ án cựu Trung Tướng Trần Quang Vinh, nguyên Tổng Tư Lệnh quân đội Cao Đài, nguyên Tổng Trưởng Quốc Phòng Chánh Phủ Miền Nam, đã bị quân đội liên minh của Thiếu Tướng Trình Minh Thế chặn đường bắt cóc, đốt xe, lên án tử hình và bắt đưa về giam ở núi Bà Đen (Tây Ninh). Đức Hộ Pháp liền chỉ định Thừa Sứ Phan Hữu Phước và Sĩ Tải Lê Quang Tấn vào mật khu của Quân đội Liên Minh trên núi Bà Đen để “*phân điều tra*” vụ án Trần Quang Vinh (Cố vấn hành chánh đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh). Được mật lệnh của Đức Hộ Pháp, Thánh Vệ Trưởng Tòa Thánh Tây Ninh chuẩn bị cho một phái đoàn Cơ Thánh Vệ hộ tống đưa Thừa Sứ Phan Hữu

Phước và Sĩ Tải Lê Quang Tấn vào mặt khu của quân đội Liên Minh trên núi Bà Đen để phản điều tra vụ án Trần Quang Vinh, cùng đi có Luật sư Phan Thanh Liêm (em ruột Thừa Sử Phước) lên đường tại Hòa Viện Tòa Thánh Tây Ninh, trực chỉ vào chân núi Bà.

Thiếu Tướng Trình Minh Thế cho lệnh Thiếu Tá Đồn hướng dẫn một tiểu đoàn Liên Minh túc trực tại chân núi Bà tiếp đón phái đoàn chức sắc của Hội Thánh vào chiến khu để phản điều tra vụ án ông Trần Quang Vinh. Đoàn hộ tống của Cơ Thánh Vệ thấy được khẩu hiệu của quân đội Liên Minh ở chân núi Bà chờ đợi. Đồi bên giao lãnh cùng nhau, và Thiếu Tá Đồn mời Thừa Sử Phan Hữu Phước và Sĩ Tải Lê Quang Tấn lên đường về tư lệnh bộ hội kiến với Thiếu Tướng Trình Minh Thế. Mãi đến 16 giờ phái đoàn mới đến chót núi Bà Đen thì được Thiếu Tướng Trình Minh Thế và các Sĩ Quan trong bộ Tham Mưu ân cần tiếp đón, cùng trao đổi thân mật. Phái đoàn phản điều tra vụ án phải tạm nghỉ nơi tư lệnh bộ 2 ngày đêm mới gặp ông Trần Quang Vinh, do Trung Úy Trưởng, sĩ Quan bốn bộ áp giải đến một hang đá rất kiên cố và rộng rãi. Sau này mới được biết là nơi trú ẩn đặc biệt của Thiếu Tướng Trình Minh Thế khi có cuộc oanh tạc, hoặc biến động. Sĩ Tải Lê Quang Tấn bắt đầu thẩm vấn, lấy khẩu cung ông Trần Quang Vinh, phản điều tra vụ án đã bị quân đội Liên Minh lên án tử hình. Tiếp nhận được phúc trình kết quả cuộc phản điều tra vụ án ông Trần Quang Vinh, Đức Hộ Pháp chỉ thị cho Thiếu Tướng Trình Minh Thế phải đưa vụ án ra xét xử lại (trong 6 tháng bị giam giữ mới đưa ra xét xử).

Tuân lệnh Đức Hộ Pháp một tòa án quân sự Liên

Minh được thiết lập ngay tại chân núi Bà Đen, có mấy ngàn đồng bào và Tín Hữu đến tham dự rất đông đảo. dịp này Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh đề cử Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa đại diện cho Hội Thánh với tư cách biện hộ trong phiên tòa án quân sự xét xử vụ án ông Trần Quang Vinh. Được biết Ngài Bảo Đạo trước kia là một đốc phủ sứ thượng hạng, xuất thân trường luật tại Hà Nội, và là cựu tỉnh trưởng tỉnh Châu Đốc. Thật là một việc hi hữu, một chức sắc Hiệp Thiên Đài phải vào tận chân núi Bà để biện hộ cho một chức sắc Cửu Trùng Đài là Phối Sư Thượng Vinh Thanh. Trước những lời biện hộ vững chắc của Ngài Bảo Đạo suốt cả buổi sáng và buổi chiều, Tòa Án Quân Sự Liên Minh tuyên án: Miễn truy tố, nhưng bắt buộc ông Trần Quang Vinh không được tham gia chánh trị nữa. Ông Phối Sư Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh) sau 2 ngày làm thủ tục được tự do trở về Tòa Thánh Tây Ninh trình diện Đức Hộ Pháp và trọng ân Đức Ngài đã kịp thời cứu giúp để tiếp tục lập công với Hội Thánh. Một thời gian sau, Hội Thánh sắp xếp cho ông Thượng Vinh Thanh sang Pháp để điều trị bệnh sốt rét rừng.

Sau ngày Hiệp Định Genève kết 20-7-1954, lệnh ngưng bắn ban hành khắp cả Miền Nam Việt Nam, vào ngày 11-8-1954, quân đội Việt Minh tập hợp vào 3 khu: Xuyên Mộc, Đồng Tháp Mười và Cà Mau đúng theo kế hoạch của hội nghị trung giá và Genève bắt đầu trao đổi tù binh tại Việt Trì, 3 sĩ quan Pháp được về trước nhất là: Trung Úy Boder, Jego và Morin bị bắt tại Cao Bằng.

Đức Hộ Pháp phán dạy: Thiếu Tướng Trình Minh Thế hãy hướng dẫn quân đội Liên Minh đến thay thế

những căn cứ quân đội Việt Minh đã rút đi tập kết. Tuân theo lời Đức Hộ Pháp quân đội Liên Minh đã đóng quân ở các tỉnh Miền Đông, đến Đồng Tháp Mười, và các tỉnh Miền Tây Nam Bộ, thì gặp phải sự đụng chạm với lực lượng Phật Giáo Hòa Hảo của Thiếu Tướng Lê Quang Vinh tức bộ đội của Ba Cụt tại tỉnh Châu Đốc, nhưng nhờ sự khéo léo tương nhượng và dàn xếp, nên đôi bên tránh được nổ súng với nhau.

Sau đó, Đại Tá Lansdale, cố vấn của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm thân hành vào tận tư lệnh bộ quân đội liên minh tại núi bà Đen hội đàm cùng Thiếu Tướng Trình Minh Thế và thuyết phục ông Trình Minh Thế đem quân ra cộng tác với ông Ngô Đình Diệm, lãnh đạo chánh phủ Cộng Hòa Việt Nam. Đại tá Lansdale khôn khéo hứa hẹn, khiến ông Trình Minh Thế chấp nhận tiếp đón Bác Sĩ Chương, Tổng Trưởng bộ y tế chánh phủ Miền Nam vào thăm chiến khu Liên Minh để đặt điều kiện cho quân đội Liên Minh ra hợp tác với chánh quyền Ngô Đình Diệm. Trước ngày ra hợp tác với Thủ Tướng Diệm, Thiếu Tướng Trình Minh Thế hướng dẫn một số sĩ quan trong bộ tham mưu đến tận Trí Huệ Cung xin diện kiến Đức Hộ Pháp, với trọng tâm thỉnh cầu Đức Hộ Pháp đi Sài Gòn làm chủ tọa buổi lễ quân đội Liên Minh ra hợp tác với chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa. Đức Hộ Pháp phán dạy: *“Bản Đạo không thể đi chứng kiến cái chết của các con! Các con không nghe lời Bản Đạo thì tự các con lo liệu!”*

Buổi lễ tiếp nhận quân đội Liên Minh sáp nhập vào quân đội quốc gia được tổ chức tại Sài Gòn rất trọng thể, và ông Trình Minh Thế được Thủ Tướng Diệm chánh thức găng quân hàm Thiếu Tướng quân đội Quốc Gia

Việt Nam trước sự hiện diện của Đại Sứ các nước, cùng các Tổng Trưởng trong nội các Chánh Phủ Ngô Đình Diệm đều có mặt.

Còn nhớ rõ, một hôm Đức Hộ Pháp đến thăm các chức sắc thời quân tại văn phòng Hiệp Thiên Đài, Đức Hộ Pháp ân cần luận đàm với Quý Ngài: Bảo Thế Lê Thiện Phước, Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa, Hiến Pháp Trương Hữu Đức, Khai Đạo Phạm Tấn Đãi, Tiếp Pháp Trương Văn Tràng v.v... và một số đông chức sắc Hiệp Thiên Đài gồm có Thừa sử, Truyền Trạng, Sĩ Tải, Luật Sư (trên 30 vị). Đức Hộ Pháp nói: *“Thiếu Tướng Trình Minh Thế, nó làm tướng rằng nó đã đủ lông, đủ cánh rồi, nó có thể bay nhảy với đời, nhưng chánh trị nó còn quá non kém, nhất định sẽ bị người ta hại chết! Nếu không các bạn cứ vanh 2 bàn tay của Bản Đạo”*. Đức Hộ Pháp vừa nói vừa đưa 2 bàn tay lên trước mặt các chức sắc hiện diện. Một tháng sau được tin Thiếu Tướng Trình Minh Thế bị chết trong lúc đang đi thị sát mặt trận tại cầu Tân Thuận Sài Gòn, một cái chết vô cùng oan uổng mà không thể ngăn chặn được.

Hồi tưởng lại vào ngày 22-8-1946, vừa bước chân trở về đến Tòa Thánh Tây Ninh sau 5 năm 2 tháng bị lưu đày ở hải đảo Madagascar, Đức Hộ Pháp vô cùng băng khoăn về sự hiện diện của quân đội Cao Đài trong Nội ô Tòa Thánh. Trước một sự việc đã rồi, chẳng biết phương cách nào hơn nữa, giữa lần tên mũi đạn của Việt Minh kháng chiến và quân đội Pháp, lại có thêm quân đội Cao Đài hiện đang đóng trong nội ô Tòa Thánh Tây Ninh. Đức Hộ Pháp từ từ đưa quân đội Cao Đài ra khỏi Nội ô Tòa Thánh, là một quyết định không đơn giản vì vận nước ngửa nghiêng tan tành trong khói lửa, đảng phái phân

tranh, cốt nhục tương tàn, huynh đệ phân chia, tình thế còn nhiều gay gắt. Đức Hộ Pháp ngõ lời khuyến cáo các cấp chỉ huy quân đội tự vệ Cao Đài rằng: *“Các con là lửa Tam Muội, lửa dữ trừ được bọn ma vương, nhưng cũng có thể đốt thiêu luôn Tòa Thánh, nên Thầy không cho các con ở trong Nội ô Tòa Thánh Địa, hãy ra ngoại vi đồn trú”*. Vì thế mà quân đội Cao Đài phải rời khỏi Giáo Tông Đường Nội ô Tòa Thánh, dời về đồn trú tại Giang Tân, cách xa Đền Thánh độ 8 cây số. Có một vài vị chức sắc vì quá lo ngại cho sự an ninh cùng tài sản của bốn đạo khi quân đội Cao Đài đã rút ra khỏi Nội ô Tòa Thánh, nên đến yêu cầu Đức Hộ Pháp cho phép quân đội đóng trong Thánh Địa để bảo vệ cơ sở hữu hiệu hơn, và an lòng chúng sanh. Đức Hộ Pháp tươi cười đáp: *“Bản Đạo đã đuổi chúng nó đi, ở đâu đó được rồi! Ở đây có Bản Đạo, chúng nó là lửa dữ, chớ nèn để gần”*.

Lời tiên đoán khuyến cáo của Đức Hộ Pháp được ứng nghiệm vào 8 năm sau, là vào năm 1955 quân đội Cao Đài được Quốc Gia hóa vô quân đội Quốc Gia Việt Nam. Đức Hộ Pháp chỉnh đốn lại guồng máy Đạo, lo quảng bá chơn truyền bằng các buổi thuyết đạo, tại Giảng Đài Đền Thánh, thuyết minh giáo lý Cao Đài cho toàn cả chức sắc và bốn đạo thấu rõ Bí pháp của Đạo, nêu cao gương Thánh Đức, thắt chặt tình đồng Đạo, làm sáng danh Đại Đạo Kỳ Ba.

Đức Hộ Pháp biết rõ hoàn cảnh của dân tộc Việt Nam, một nước nhược tiểu đang bị ngoại bang tranh giành quyền lợi, đối chác lẫn nhau trên bàn hội nghị Genève 1954, người Mỹ muốn thay chân người Pháp, nên vị cố vấn Đại Tá Lansdale đưa ra kế hoạch thúc đẩy Thủ Tướng Ngô

Đình Diệm phải sớm thẳng tay triệt hạ các tôn giáo, đảng phái từng cộng tác với Pháp trước kia, càng sớm càng tốt. Chính Thiếu Tá Lucien Comein, cùng 2 vị Trung Úy tin cậy là Joe Henrick và R. Philip có trọng trách thực hiện cho kỳ được khẩu lệnh: «*Phân hóa các lực lượng võ trang Giáo Phái, đạt hiệu quả cao, có thể chuyển một phần ba (1/3) lực lượng của Pháp thành lực lượng của Ngô Đình Diệm*». Mưu kế được thực hiện, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm mua chuộc và xúi giục Trung Tướng Nguyễn Thành Phương nguyên là Tổng Tư Lệnh quân đội Cao Đài đem quân về bao vây Hộ Pháp Đường, thanh trừng nội bộ gây khó khăn cho Đức Hộ Pháp. Tiên đoán thủ đoạn của ông Diệm, Đức Hộ Pháp liền phán dạy một chức sắc Hiệp Thiên Đài đi Sài Gòn gặp Trung Tướng Nguyễn Thành Phương tại biệt thự số 13 đường Yên Đỗ, Sài Gòn, báo cho ông Phương biết rõ rằng: Đừng nghe lời đố kỵ của ông Diệm mà đem quân đội về bao vây Tòa Thánh Tây Ninh, gây việc khó xử trí cho Đức Hộ Pháp, đó là mưu kế “trò phản thủy”. Báo ông Diệm tự cho Quân đội Quốc Gia về chiếm Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh đi, Đức Hộ Pháp sẽ có biện pháp đối phó rất dễ dàng. Đồng thời, Đức Hộ Pháp còn bảo một vị chức sắc Hiệp Thiên Đài đến tận nhà Đại Tá Nguyễn Văn Kiệt nguyên là Thánh Vệ Trưởng Tòa Thánh Tây Ninh để thông báo cho Đại Tá Kiệt biết rằng: «*Đại Tá phải thận trọng, để phòng cho chính bản thân mình, vì Trung Tướng Nguyễn Thành Phương định bắt Đại Tá trước để tiện bề tiến quân vào chiếm Nội ô Toà Thánh, đó là mưu đồ của Trung Tướng Nguyễn Thành Phương được lệnh của ông Diệm đem quân về bao vây Tòa Thánh Tây Ninh một ngày gần đây*». (Và sau này Đại Tá Kiệt vẫn bị Trung Tướng Phương bắt), cùng đi đến nhà Đại Tá Kiệt

có ông Sĩ Tải Nguyễn Hữu Khoẻ là người hướng đưa vị chức sắc Hiệp Thiên Đài đến tư gia Đại Tá Kiệt.

Vào dịp Tết Nguyên Đán năm Ất Mùi (1955), Đức Hộ Pháp có lời nhắc nhở các chức sắc và toàn thể bốn đạo nam nữ:

“Đạo Cao Đài vốn là một Đại Đạo của những Tôn Giáo do đức Chí Tôn sáng lập trên đất nước Việt Nam mấy chục năm nay để thống hợp các Tôn Giáo, mà trước đây các bậc đại huynh, các bậc đại Thánh đã tùy thời, tùy thế dựng lên rải rác khắp các phương trời để phổ độ chúng sanh”.

“Nói đến Tôn Giáo là nói đến nhân nghĩa, đã là nhân nghĩa thì nhân nghĩa của nhà Phật không thể khác với nhân nghĩa của Cơ Đốc, mọi con đường nhân nghĩa đều giống nhau, nhân nghĩa chỉ có kẻ thù là bất nhân, bất nghĩa và vô Tôn Giáo mà thôi.

Vậy thì các con đừng nên hẹp hòi câu chấp ở cái “Ta” mà lấy làm lạ khi thấy Bản Đạo ra lệnh giúp đỡ đồng bào công Giáo xây dựng nhà thờ, hoặc khi thấy các tín đồ công Giáo, Phật Giáo đi lễ ở Đền Thánh.

Đại Đạo bao giờ cũng bao la như biển cả, sẵn sàng tiếp đón mọi dòng sông. Các con nên nhớ rằng trong nhân loại ngày nay chỉ trừ những người vô đạo, tất cả mọi người đều là anh, em của các con, tất cả đều có Đạo Cao Đài, vì Đạo Cao Đài gồm có Phật Giáo, Công Giáo, Lão Giáo, Nho Giáo v.v... Sở dĩ đức Chí Tôn chọn đất nước Việt Nam này làm Thánh Địa để phổ độ chúng sanh kỳ ba, chỉ vì Việt Nam là nơi kết hợp được tinh hoa của tất cả các nguồn văn minh trên thế giới, Việt Nam là nơi tổng hợp các ngành đạo đức: Nho, Lão, Thích và cũng là nơi gặp gỡ của hai nền văn

minh Đông Tây.

Dân tộc Việt Nam với sức cần cù đã chịu đựng nổi mấy ngàn năm ngoại thuộc mà vẫn quật cường đấu tranh để tồn tại, để đồng hóa cả tàn tích ngoại lai mà xây dựng cho mình một nền văn minh, một ngôn ngữ riêng, một quan niệm sống riêng. Một dân tộc như thế lẽ dĩ nhiên phải có đủ đạo hạnh, đủ năng lực để đảm nhiệm việc hướng dẫn văn minh nhân loại sau này.

Các con hãy thành kính tạ ơn đức Chí Tôn và vui vẻ nhận thấy Thiên mạng bảo sanh, bằng con đường nhân nghĩa để đưa nhân loại tới đại đồng vậy. Các con hãy luôn luôn gắng sức, đức Chí Tôn bao giờ cũng phù hộ những kẻ có lòng đạo đức hiền lương. Nhưng muốn làm tròn sứ mạng mà đức Chí Tôn giao phó, các con phải bảo vệ sự tồn vong của dân tộc Việt Nam, chống lại bọn Ma Vương, bọn Sa Tăng của thời đại, đang cố tiêu diệt dân tộc Việt Nam để phá hoại nền Đại Đạo.

Bản Đạo nhắc lại, các con phải thương yêu giúp đỡ đồng bào miền Bắc, cũng như đồng bào miền Nam, các con ở trong miền Nam này được may mắn hơn họ, vì 8 năm qua Việt Minh ở đây còn yếu, họ đối xử tử tế với các con. Còn ở ngoài Bắc chánh sách của Tàu (Trung Quốc) đưa sang, Việt Minh đối xử gay gắt hơn. Dân một nước phải coi như anh em ruột thịt một nhà. Các con phải lo việc an cư lạc nghiệp, nhường cơm xẻ áo cho đồng bào, đừng chia rẽ Bắc Nam mà mắc mưu ly gián của Ngoại Bang.

Hiệp định Genève 1954 đã giúp cho nước Trung Cộng chiếm mất của các con gần một nửa nước. Họ đang đồng hóa và cai trị những anh, em các con còn đang bị kẹt ngoài Bắc.

Bản Đạo hơi tiếc cho ông Hồ Chí Minh vì sai lầm đường lối, muốn phụng sự dân tộc, mà thành ra phụng sự Nga, Tàu.

Nếu Việt Minh cứ mãi mãi là Việt Minh, đừng biến đổi thành Việt cộng hay Việt Tàu, thì chúng ta được an hưởng độc lập từ lâu rồi!

Bản Đạo ái ngại cho ông Hồ Chí Minh, vì nếu cái đường lối sai lầm này cứ kéo dài mãi, thì dân chúng Việt Nam phải nổi dậy hết để chống lại ông ta. Vì nếu không, cả dân tộc sẽ bị tiêu diệt bởi chánh sách đồng hóa và thống trị của nước Tàu cộng kia!

Bốn phận của các con chiến sĩ trong quân đội, lại càng nặng nề hơn, vì các con phải lo phục quốc để giữ nước và giữ Đạo. Bản Đạo mong các con càng ngày càng bỏ được nhiều điều dở, học thêm những điều hay, gắng chắc mỗi tình huynh đệ để cứu dân, cứu nước.

Ngày xưa tham vọng xâm lăng của Hốt Tất Liệt, của Càn Long đã bị đại bại, vì những danh thần Nguyễn Trãi, Ngô Thời Nhiệm, những chiến tướng Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Bản Đạo tin rồi đây những tướng, tá Tàu cộng như Trần Canh, Chu Đức cũng sẽ biết tay của các con, vì các con là con cháu của những kẻ chiến thắng, mà họ là con cháu của những kẻ xâm lăng đã bị chiến bại.

Bản Đạo cũng cần nhắc lại cho các tín đồ trong Đạo biết, các con sở dĩ được sống yên ổn làm ăn là nhờ có sức chiến đấu của quân đội, những kẻ đã đem xương máu làm thành tri bảo vệ các con. Các con có bốn phận biết ơn và cứu giúp họ, hãy coi họ là tình ruột thịt «Máu chảy ruột mềm, môi hở răng lạnh».

Bản Đạo hứa sẽ tìm mọi dịp để bày tỏ nguyện vọng của các con cho các dân tộc bạn như Pháp và Mỹ biết rằng: Các con chỉ muốn được các nước bạn giúp đỡ các con đương đầu với phe Tàu Cộng để bảo vệ độc lập Việt Nam mà thôi, chứ các con không muốn bị các nước bạn dùng các con chống cộng, để duy trì quyền lợi bất chính đáng. Bản Đạo sẽ nói cho người Pháp và người Mỹ biết rằng: Các nước bạn viện trợ cho nước Việt Nam để chống cộng, tức là bỏ tiền ra để xây bức thành rào giữ ngôi vườn Đông Nam Á, các nước bạn sẽ tìm lợi tức ở trong ngôi vườn sau này, chứ không phải tìm lợi tức ở trong số tiền đã bỏ ra xây thành, nếu Việt Nam này mất thì Đông Nam Á cũng phải mất, thế giới Âu Mỹ cũng không còn, khi kho người, kho lúa ở đây bị rơi vào vòng kiểm soát của Nga, Tàu cộng.»

Thiết nghĩ trong đêm Giao thừa 30 tháng Chạp năm Giáp Ngọ (1955) chào mừng xuân Ất Mùi, Đức Hộ Pháp đã để lời huấn giáo căn dặn cả chức sắc và bốn đạo nam nữ trên toàn quốc vài vấn đề đạo lý và thế sự, mà người tín hữu Cao Đài hằng ghi nhớ, những lời vàng tiếng ngọc của Đức Ngài. Nhất định lời vàng tiếng ngọc này mãi mãi in sâu trong tâm trí của mỗi tín đồ ngoan Đạo, và lưu truyền cho hậu thế đời đời kiếp kiếp.

Công việc của Đạo càng ngày càng chống chất chẳng hạn như lo cho đồng bào có nơi sinh cư, có cơm ăn áo mặc, xúc tiến công tác huấn luyện: công dân, giáo dục, vệ sinh, nuôi cô nhi, giúp quả phụ, an ủi kẻ già yếu, trợ giúp người khó khăn, cùng chăm lo việc xây chợ, cất trường học, lập nhà dưỡng lão, bệnh viện, nhà bảo sanh cùng khắp vùng Thánh địa.

Đặc biệt một đại hội nhân sanh, đại diện chức việc

và bốn đạo trên toàn quốc được khai mạc với lời kêu gọi thống thiết của Đức Ngài;

“Con hạc đã hồi qui, nhìn không gian nhớ tổ, xem nước hoa đổi vẻ thay màu, thăm thiết thay nỗi lòng tuồng châu, đổ ngọc, rắp kêu cuối cùng một tiếng nữ non, giục kẻ tri âm hồi đáp. Ôi! Bức tranh thê lương này, ai là kẻ tri kỷ, tri âm cùng Bản Đạo, ngoài chú hiền huynh, hiền muội đã kiếm đặng ai.”

Tuy nhiên Đức Hộ Pháp không hề lãng quên bốn phạm một công dân yêu nước nồng nàn, với đường lối bất di, bất dịch là thống nhất lãnh thổ Việt Nam, thu hồi trọn vẹn chủ quyền dân tộc và cương quyết giải phóng quốc gia khỏi lệ thuộc trực tiếp hay gián tiếp giữa 2 khối Cộng Sản và Tư Bản, nên chế độ Ngô Đình Diệm thúc đẩy Trung Tướng Nguyễn Thành Phương đem quân lính về thanh trừng Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh nhằm hạ uy thế Đức Hộ Pháp. Nhưng ông Phương không dám trực tiếp xúc phạm đến uy danh của Đức Ngài. Ăn cơm chúa phải múa tối ngày, ông Phương tránh né, bèn ủy nhiệm cho Thiếu Tướng Lê Văn Tấn, phó Tổng Tư Lệnh, đem quân đội về bao vây Hộ Pháp Đường, Nội ô Tòa Thánh ngày 20 tháng 8 năm Ất Mùi (1955) gọi là thanh trừng Hội Thánh.

Thiếu Tướng Lê Văn Tấn tuân lệnh Trung Tướng Nguyễn Thành Phương đem quân lính thân chinh đến Hộ Pháp Đường, đe dọa cho lính đặt địa lôi giệt xập Hộ Pháp Đường, đã bị Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa lên tiếng phản đối bằng một lời nói danh thếp: *“Hãy bước qua xác chết tôi, rồi mới vào Hộ Pháp Đường được.”*

Một vết như tui nhục của tình *“Trò phản Thầy”*

nhưng Đức Hộ Pháp bình thân “*bóa giải*” cuộc khủng bố bao vây Hộ Pháp Đường và Nội ô Tòa Thánh vô cùng độc đáo tế nhị. Không một tiếng súng nổ, mà mưu đồ nhúng tay vào nội bộ Hội Thánh Cao Đài của Ông Diệm hoàn toàn bị phá hỏng trước tinh thần cương quyết phản đối của chức sắc và bốn đạo nam nữ vì Thầy, vì Đạo nơi vùng Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh, bắt buộc quân đội phải tự rút lui có trật tự khỏi khuôn viên Tòa Thánh một cách êm thấm.

Tiếp theo, bao nhiêu trò hề vu khống hết sức thâm độc bôi lọ thanh danh Đức Hộ Pháp, đều bị bốn đạo vạch trần phơi bày trước ánh sáng công lý kẻ phản Thầy, phản Đạo đã hiện nguyên hình, tạ tội cùng Hội Thánh. Thánh Địa Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh trở lại yên ấm như không có việc gì xảy ra cả.

Hội Thánh tiếp tục mở thêm khóa Hạnh Đường đào tạo chức sắc nam nữ đủ khả năng và đạo đức truyền bổ đi các tỉnh, quận, cùng rèn luyện một số chức sắc ưu tú hướng dẫn các phái đoàn Cao Đài tham dự đại hội Tôn Giáo Quốc Tế khắp cả năm châu:

- ▣ Đại Hội Quốc Tế Thần Linh Học tại Londres (Anh Quốc) ngày 7/9/1928 – 11/9/1928 (có 26 nước đến tham dự Congrès Spirite International).
- ▣ Đại Hội Thần Học tại Tây Ban Nha (Barcelone).
- ▣ Đại Hội Tôn Giáo Quốc Tế tại Anh Quốc (Landres).
- ▣ Đại Hội Thần Ni Triết Học tại Đức Quốc (Eglise Gnostiques D Alemagne).
- ▣ Đại Hội Tôn Giáo Quốc Tế tại Anh Quốc

(Londres).

- Đại Hội Tôn Giáo Quốc Tế tại Pháp Quốc (Paris).
- Đại Hội Tôn Giáo Quốc Tế tại Lausanne.
- Đại Hội Thần Học tại Haywards Henth.
- Đại Hội Tôn Giáo Quốc Tế tại Thụy Điển (Stockholm)
- Đại Hội Tôn Giáo Quốc Tế tại Bỉ Quốc (Bruxelles).
- Đại Hội Tôn Giáo Quốc Tế tại Maroc (Casablanca).
- Đại Hội Tôn Giáo Quốc Tế tại Thụy sĩ (Montreux)
- Đại Hội Tôn Giáo Quốc Tế tại Nhật Bản (Baguio)
- Đại Hội Thần Linh Học Thế Giới tại Bỉ (Bruxelles)
- Đại Hội Đại Học Los Banos tại Phi Luật Tân (Bagio)
- Đại Hội Tôn Giáo Quốc Tế tại Ấn Độ (New Delhi)

Hiệp định Genève ngày 20-7-1954 không được tôn trọng, hoàn cảnh nước Việt Nam lúc bấy giờ rất đen tối, cả hai chính phủ Miền Nam và Miền Bắc Việt Nam đều do Ngoại Bang yểm trợ. Chính phủ Việt Nam Dân Chủ cộng Hòa Miền Bắc do cụ Chủ Tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, được sự yểm trợ của khối cộng sản Quốc Tế mà Cường Quốc trực tiếp là Nga và Trung Quốc. Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa Miền Nam do Tổng Thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo, được sự yểm trợ của khối thế giới tự do mà Cường Quốc trực tiếp là Tư Bản Mỹ.

Kể từ ngày Pháp và Việt Minh ký kết hiệp định Genève 20-7-1954 tại Thụy sĩ có 9 Cường Quốc (9 nước) ký tên tham dự chia đôi đất nước Việt Nam làm 2 miền Nam-Bắc chọn con sông Bến Hải, vĩ tuyến 17 làm ranh giới,

cũng như trước kia thời Trịnh – Nguyễn phân tranh, lấy con sông Gianh làm ranh giới (vào thế kỷ thứ 17 – 1627).

Không thể khoanh tay ngồi nhìn cảnh đồng bào bị Ngoại Bang áp đặt, gây cảnh nổi da, xáo thịt, nên Đức Hộ Pháp phải tìm phương gỡ rối cho thế cuộc phải tự lưu đầy thể xác một lần nữa, là tự nguyện qua sống lưu vong tại nước Cao Miên, một nước Trung Lập, và là thành viên của 5 điểm SỐNG CHUNG HÒA BÌNH của Thủ Tướng Nneru (Ấn Độ) chủ xướng.

Sáng ngày mừng 5 tết năm Bính Thân (16-2-1956) Đức Hộ Pháp và một chức sắc rời Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh lưu vong qua nước Cao Miên, âu cũng là Thượng Đế đã an bày, thực hiện theo đúng ý nguyện của Thượng Đế bằng một chương trình đã tự định trước, một chuyến đi lưu vong để bảo vệ lập trường Trung Lập, tránh áp lực của 2 khối Cộng Sản và Tư Bản, đang tranh giành quyền bá chủ trên thế giới.

Tại Phnom-Pênh, thủ đô nước Cao Miên, Đức Hộ Pháp để xướng bản CUONG LÍNH HOÀ BÌNH CHUNG SỐNG, cốt để giác ngộ quốc dân Việt Nam sớm biết thực dụng quyền hành của dân, bởi có 3 mục tiêu chánh yếu là: Do Dân, Phục Vụ Dân, Lập Quyền Dân. Chỉ có dân mới cứu vãn được tình thế nguy hại cho tương lai Tổ quốc và giống nòi, chúng ta phải bền giữ hòa bình, hạnh phúc, dù cho các nước Liệt Cường Quốc Tế biến thiên thế nào, chúng ta cần phải khôn ngoan hợp sức, nhất tâm, nhất trí bảo vệ toàn vẹn hòa bình quốc nội của ta.

Ngày 15-3-Bính Thân (26-3-1956), Đức Hộ Pháp có gởi 2 bức thư cho cụ Chủ Tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo chánh phủ VNDCCH và Tổng Thống Ngô Đình Diệm

lãnh đạo chánh phủ VNCH. Kêu gọi cuộc thi đua «*Nhân Nghĩa*» giữa 2 miền Nam, Bắc Việt Nam.

Tiếc thay! Lúc bấy giờ vì ảnh hưởng của ngoại bang quá ư nặng nề, nên chánh phủ Miền Nam và Miền Bắc không có thẩm quyền định đoạt đến vận mạng dân tộc mình, chưa dám ngồi gấn lại với nhau để thảo luận đề nghị của Đức Hộ Pháp trình bày trong bản Cương Lĩnh chánh sách Hoà Bình Chung Sống. Đồng thời, Đức Hộ Pháp có gửi văn thơ số: 138/HP/VPHP, ngày 3/11/1956 thân gửi đến các ông Đại Đức Tôn Giáo:

“Thời cuộc hôm nay lại đến một giai đoạn khắc khe, rất nguy hiểm cho tương lai số phận của Việt Nam là nước bị phân đôi, chia 2 chủng tộc dưới ảnh hưởng của 2 khối Cộng Sản và Tư Bản, gây cuộc Nam-Bắc phân tranh, cốt nhục tương tàn, nổi da xáo thịt.

Ngoại Bang mưu đồ lợi dụng xương máu đồng bào Việt Nam đặng định quyền bá chủ của họ.

Hiển nhiên giờ phút này, đồng bào Việt Nam ta đã bị lệ thuộc của 2 khối Cộng Sản và Tư Bản, chớ không có độc lập, tự do chi cả, chánh phủ Miền Nam, cũng như chánh phủ Miền Bắc đều bị lệ thuộc như nhau.

Rồi đây, nội chiến sẽ vì ngoại bang bùng nổ mà ta không thể đề phòng được. Chúng ta là người tu hành, các Chư Đại Đức cũng thế, không thể khoanh tay ngồi đợi để thấy cái thảm họa ấy. Bởi chiều theo Thiên ý, chúng ta phải tìm một phương pháp hay để chấm dứt cuộc tương tàn, tương sát do mưu đồ ngoại bang áp đặt tranh giành quyền lợi với nhau.

Đương nhiên đồng bào 2 miền Nam và Bắc đều là nạn nhân của 2 tư tưởng, của quyền lực Quốc Gia và Cộng

Sản mà cả đồng bào chúng ta từ Nam chí Bắc đồng bị tiếm nhiệm và xu thời theo 2 chánh sách, dân tâm bất nhất”.

Ngoài ra Đức Hộ Pháp còn gửi đến ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc một giải pháp hòa bình đại đồng thế giới, hầu dung hoà 2 khối Cộng Sản và Tư Bản sớm hiểu biết nhau, tương nhượng để tồn tại sống còn, phải thương yêu nhau như anh em ruột thịt, tất cả đều là anh em trong một đại gia đình cùng nhau chung sống hòa bình.

Máu của người Việt Nam đã đổ trên mảnh đất tổ tiên, chịu nạn ngoại quyền chi phối, là một điều bất hạnh cho đồng bào Việt Nam phải gánh lấy thảm họa nợ máu tiền khiên từ đời Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn lưu lại.

Thiết nghĩ, nếu chánh phủ 2 miền Nam-Bắc Việt Nam do cụ Chủ Tịch Hồ Chí Minh và Tổng Thống Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ có chút thẩm quyền quyết định vận mạng non sông chủng tộc, cùng nhiệt tình thực hiện chánh sách Hòa Bình Chung Sống “*Thủy Tở*” của chủ trương hòa giải, hòa hợp dân tộc, thì mảnh đất quê hương cấm tú này đâu đến nỗi điêu linh, lâm than thống khổ. Nhất định đồng bào Việt Nam đã hưởng được thanh bình, hạnh phúc từ lâu rồi. Một bằng chứng hiển nhiên là sau khi Việt Minh đại thắng trận Điện Biên Phủ, khí thế đánh đuổi xâm lăng của toàn dân Việt Nam từ Nam chí Bắc đang bùng lên sôi nổi, thừa sức tiến lên giải phóng cả Miền Nam quá ư dễ dàng, để nước Việt Nam hoàn toàn độc lập. Nhưng chánh phủ miền bắc lúc bấy giờ bị ảnh hưởng nặng nề của ngoại bang là Trung Quốc, đã từng kinh nghiệm đặc quyền, đặc lợi trên bàn hội nghị “*Bàn Môn Diếm*” năm 1953 chia đôi nước Triều Tiên, với 2 chánh phủ Nam Triều Tiên và Bắc Triều Tiên.

Mặc dù giải pháp dung hòa 2 khối Cộng Sản và Tư Bản của Đức Hộ Pháp chưa được các cường quốc nhiệt tình hưởng ứng, nhưng có nhiều cường quốc rất lưu ý, chiếu cố, phúc đáp lại Đức Ngài với lời lẽ ân cần, tôn kính.

Đồng thời, nhiều biến chuyển rất tốt đẹp và giải pháp hòa giải 2 khối Cộng Sản và Tư Bản từ từ lộ dạng không còn là tiếng gọi trong sa mạc như trước đây. Trái lại, nó trở thành âm thanh vô cùng quen thuộc «*Hòa Bình Chung Sống*» danh từ được thế giới thường nhắc nhở đến, nhất là trong những cuộc biểu tình khổng lồ của các quốc gia yêu chuộng hòa bình, mà cả 2 khối Cộng Sản và Tư Bản đều nhận định không có kẻ thắng người thua. Nếu nói giữa chủ nghĩa Cộng Sản và Tư Bản không có vấn đề ai thắng ai thua, thì cũng có mặt đúng và mặt chưa đúng!

Đúng trên khía cạnh không thể thanh toán nhau bằng vũ lực, nếu cả hai đồng độ sức nhau bằng vũ khí hạt nhân, sẽ dẫn tới thảm họa hủy diệt cả hai khối, cả nhân loại.

Không đứng ở chỗ xóa nhòa bản chất xã hội, không dám tin tưởng con đường mình đang đi. Giữa 2 hệ thống có thể vì cần thiết để sống còn, phải hòa bình chung sống, phải tự điều khiển mình để theo qui luật, tự toàn thiện mình để tiếp cận với chân lý.

Niềm phấn khởi cho nhân loại trên thế giới là vào tháng 4 năm 1971, đại hội Đảng Cộng Sản Liên Xô lần thứ 24 tại Mạc Tư Khoa đã long trọng quyết định hòa hoãn với Trung Quốc và giao hảo với Mỹ. Đó là triệu chứng biến chuyển Quốc Tế đáng mừng cho nhân loại. Kế tiếp vị lãnh đạo tối cao Thiên Chúa Giáo, đức Giáo Hoàng Phaolô đệ lục tuyên bố: Xây dựng một xã hội anh em trên mặt đất này.

Rồi tiếp theo phái đoàn thể thao bóng bàn Mỹ, và 3 ký giả Mỹ được Trung Quốc chính thức mời viếng thăm Bắc Kinh. Sau 20 năm tuyệt giao, Trung Quốc và Mỹ đã bắt đầu tiếp xúc lại. Cuộc tiếp đón phái đoàn thể thao Mỹ rất nồng hậu, đủ chứng tỏ cho quốc tế hiểu ngầm rằng: Cuộc ban giao hi hữu này nhất định sẽ mang lại một sự thỏa hiệp ngầm ngầm và thay đổi bất ngờ của Mỹ đối với Đông Dương, mà Việt Nam là vai tuồng chính cần phải giải quyết nhanh chóng và êm đẹp trên bàn hội nghị thương lượng chứ không cần đến vũ lực nữa.

Nhất là sự bản tiếng vô cùng sâu sắc của Thủ Tướng Chu Ân Lai trong buổi tiếp tân phái đoàn bóng bàn Mỹ đã chứng tỏ dấu hiệu chuyển hướng sau bao cuộc thí nghiệm bằng xương máu “*biến người*” trên mặt trận Điện Biên Phủ Việt Nam, rồi tiếp đến mặt trận Triều Tiên 1955. Các nước nhược tiểu khác đã thoát khỏi nanh vuốt của tử thần qua một câu tuyên bố ngắn gọn của Thủ Tướng Chu Ân Lai: «*TỬ HÁI GIAI HUYNH ĐỆ*».

Ngày 26-3-1956, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc nêu lên chánh sách Hoà Bình Chung Sống với quyết tâm cứu khổ cho nhân loại. Chính bản thân của người tín hữu Cao Đài có lúc phải trả giá bằng xương máu trong lao tù của Miền Nam Việt Nam để góp phần thực thi chánh sách Hoà Bình Chung Sống, với kỳ vọng nước nhà độc lập, tự do, thống nhất, thoát ra ngoài cuộc xung đột của 2 khối Cộng Sản và Tư Bản đã thể quyết không sống chung bầu trời, kẻ mất người còn.

Một phái đoàn chức sắc và tín hữu Cao Đài tình nguyện lấp bằng sông Bến Hải đã âm thầm đột nhập vĩ tuyến 17, vào ngày 17-4-Bính Thân (1956) để thượng lá cờ

trắng tại nhịp cầu thứ hai, cầu Hiền Lương, Bến Hải và được gọi là “*Cờ Nhân Uyên*” tượng trưng hòa bình. Việc làm này nhằm kêu gọi chánh phủ 2 miền Nam-Bắc Việt Nam hãy gạt bỏ những hiểm khích, ngồi lại với nhau tìm một giải pháp thích hợp cho đôi bên dung hòa lẫn nhau. Do vị trưởng đoàn là Trung Tá Lê Văn Thoại đã hoàn thành xuất sắc trách nhiệm, ngọn cờ trắng (bạch kỳ) được phát phối tung bay trên cầu Hiền Lương, Bến Hải, làm chấn động khắp cả các tỉnh Miền Nam và Miền Bắc lúc bấy giờ, gây nổi lo âu cho chánh phủ Miền Nam không ít.

Tại Miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ cả chức việc, chức sắc, bốn đạo nam nữ đồng quyết tâm hưởng ứng chánh sách Hòa Bình Chung Sống, nên một số đồng Sĩ Tả Hiệp Thiên Đài tình nguyện đảm nhiệm trọng trách trong ban vận động CSHBSC Miền Nam, và thành viên được cử vào ban vận động Miền Nam được đệ trình lên Trung Ương.

Ngày 20-3-Bính Thân (30-4-1956) từ thủ đô Phnom-Pênh, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc gửi chứng thư cho từng thành viên trong ban vận động với lời ưu ái nồng nàn.

“Những ai đã nhiệt tình ái quốc, ưu hương để cứu vãn tình thế nguy ngập của nước nhà, xin đem cả năng lực hợp tác, cùng các đồng chí của Bản Đạo thọ lãnh ủy nhiệm thư này, hầu vì dân, phục vụ dân, và lập quyền dân, đặng cho toàn dân đủ thẩm quyền cứu nước”.

Các thành viên trong ban vận động CSHBCS Miền Nam Việt Nam, thọ lãnh “*chứng thư*” gồm có:

- **SĨ TẢI NGUYỄN MINH NGÒI:** – Trưởng ban vận

động CSHBCS.Miền Nam Việt Nam.

- **SĨ TÀI LÊ QUANG TẤN:** – Tổng Thư ký!
- **SĨ TÀI PHẠM DUY NHUNG:** – Tuyên Huấn.
- **SĨ TÀI HUỲNH VĂN HƯƠNG:** – Thông Tin.
- **SĨ TÀI NGUYỄN VĂN TÚ:** – Tài Chánh.
- **SĨ TÀI TRẦN TẤN HỘI:** – Kiểm Soát.
- **SĨ TÀI NGUYỄN NGỌC TRÂN:** – Tổ Chức.
- **SĨ TÀI NGUYỄN THÀNH NGUYÊN:** – Tổ Chức.
- **SĨ TÀI NGUYỄN NGỌC TỶ:** – Tổ Chức.
- **SĨ TÀI NGUYỄN HỮU KHỎE:** – Liên Lạc.

Kế tiếp ngày 23-6-1956, Đức Hộ Pháp chỉ thị cho đại huynh Hiến Pháp Trương Hữu Đức, đại diện Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh phải đến kiến diện Thủ Tướng Ngô Đình Diệm để biết rõ thêm thái độ của chánh quyền Miền Nam lúc bấy giờ, đối với Chánh Sách Hòa Bình Chung sống do Đức Ngài chủ trương.

Một phái đoàn Hội Thánh được thành lập gồm có: Quyền Thượng Chánh Phối Sư Thượng Sáng Thanh, Thái Chánh Phối Sư Thái Bộ Thanh, và Sĩ Tài Lê Quang Tấn (đại diện cho đại huynh Hiến Pháp) đến kiến diện Thủ Tướng Ngô Đình Diệm.

Đồng thời các ban vận động HBCS trực thuộc của tỉnh, quận, xã đều thành lập xong với tinh thần hy sinh cao cả, bảo vệ giọt máu người Việt Nam không cho đổ một cách vô cớ. Điều này khiến cho Chánh Quyền Miền Nam Việt Nam âu lo, và bức bối không ít, nên đã xuất hiện một vài nơi bốn đạo bị chụp mũ là ăn cơm Quốc Gia thờ ma Cộng Sản, và tiến tới chánh sách bắt bớ giam cầm một số bốn đạo ở các tỉnh.

Lòng tha thiết yêu chuộng hòa bình của người tín hữu Cao Đài lại bị nghi ngờ là thân Cộng Sản, làm tay sai cho Cộng Sản, để rồi bị đàn áp, bắt bớ, giam cầm. Chủ trương nêu cao ngọn cờ cứu khổ của Đạo Cao Đài là phải thương yêu nhau, công bình đối với nhau như tình huynh đệ, anh em một nhà, không phân biệt là Cộng Sản hay Tư Bản, mà chỉ biết nhìn nhau là con chung một cha.

Tại Trung phần Miền Nam Việt Nam, công an mật vụ chế độ Ngô Đình Cẩn ráo riết truy tầm thủ phạm dám cả gan đột nhập cầu Hiền Lương treo cờ trắng (bạch kỳ). Trở về tới ranh giới tỉnh Quảng Trị, chẳng may cho Trung Tá Lê Văn Thoại bị mật vụ của Ngô Đình Cẩn chặn bắt. Còn 3 anh: Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Quốc Đại và Nguyễn Văn Lợi thì cũng bị công an mật vụ chặn bắt tại bến xe tỉnh Quảng Trị. Cả 4 anh Thoại, Kỳ, Đại, Lợi đều được công an dẫn giải về giam giữ tại Huế trên 3 năm mới được trả tự do trở về Tòa Thánh Tây Ninh.

Thực hiện bốn phận người công dân Việt Nam yêu tin tưởng nơi bài thánh giáo của đức Cao Thượng Phẩm
23-4-1931

*Long tu phiến quạt bợn sơn hà,
Như gián ma xử trấn quốc gia.
Rưới nước cam lồ lau xã tắc,
Múa gương thân huệ dẹp can qua.
Niệm kinh Khổng Thánh thâm Mao Tử,
Phất phượng Nhan Uyên chận Mỹ Nga.
Thế giới hòa bình ai chủ xướng,
Thì dân nước Việt khả hoàn ca.*

THĂNG

Bốn anh: Thoại, Kỳ, Đại, Lợi đã hiên ngang, xem thường mọi hiểm nguy đột nhập cầu Hiền Lương (vĩ tuyến 17) treo bạch kỳ hoàn thành sứ mạng một tín hữu ngoan đạo với 3 năm tù giam ra cũng có phần quá đỗi với người tu sĩ Cao Đài.

Còn hiền huynh Giáo sư Thượng Cao Thanh (Ma Tăng Cao) Khâm Trấn Đạo Thừa Thiên phải bỏ mình trong ngục thất Huế với tội tình nghi chứa chấp hướng dẫn 4 anh: Thoại, Kỳ, Đại, Lợi đột nhập cầu Hiền Lương (Bến Hải) ngày 17-7-Bính Thân (22-8-1956).

Đoàn tình nguyện của Trung Tá Lê Văn Thoại quyết tâm lấp bằng vĩ tuyến 17 đã hoàn thành trọng trách đối với đồng bào 2 miền Nam-Bắc Việt Nam. Quan trọng nhất là ngọn bạch kỳ tượng trưng cho hoà bình đã ngang nhiên tung bay trên cầu Hiền Lương, nhằm thức tỉnh chánh quyền Nam-Bắc nhớ lại thảm họa phân tranh của chúa Trịnh – Nguyễn còn lưu lại hầu ngồi lại với nhau bàn bạc và tìm một giải pháp dung hòa để bảo vệ giọt máu người Việt Nam. Đừng vì ngoại bang mà đổ máu một cách vô cơ và cần phải khôn khéo tránh né mưu đồ áp đặt của họ.

Đức Hộ Pháp đã nhiều lần dẫn giải cho chức sắc và bốn đạo biết rõ: *Dân tộc Việt Nam còn phải trả quả kiếp nặng nề của tổ phụ trước kia là Chúa Trịnh Chúa Nguyễn cho xong rồi mới có hòa bình thật sự được!*

Tuy nhiên, chẳng lẽ khoanh tay ngồi chờ thảm họa đến, Đức Ngài mới tự sửa đổi máy thiên cơ. Nhưng nào hay «*Vạn sự do Thiên định*».

Tại thủ đô Phnom Penh (Cao Miên) Đức Hộ Pháp ban lệnh cho hiền huynh Giáo Hữu Thái Tày Thanh,

một chức sắc Cửu Trùng Đài, một liên lạc viên nổi tiếng của trấn đạo Tân Quốc vượt biên giới từ Phnom Penh đến Bet-Chay, rồi Tân Châu tới Châu Đốc và đi thẳng về Sài Gòn suông sẻ nhanh chóng để kịp tiếp xúc với ban vận động Miền Nam chánh sách Hòa Bình Chung Sống hầu chuyển mật thơ của Đức Hộ Pháp vào lúc 14 giờ ngày 18-2-1957.

Trưởng ban vận động CSHBCS Miền Nam Sĩ Tài Nguyễn Minh Ngời tiếp được mật lệnh của Đức Hộ Pháp chỉ định cho Sĩ Tài Lê Quang Tấn phải vượt biên giới lên Phnom Penh với vị chức sắc liên lạc viên Giáo Hữu Thái Tây Thanh khẩn cấp.

Tuân hành mật lệnh của Đức Hộ Pháp, Sĩ Tài Nguyễn Minh Ngời liền triệu tập một buổi họp «*khẩn*» bất thường của ban vận động Miền Nam. Sĩ Tài Lê Quang Tấn tạm bàn giao trách vụ Tổng Thư Ký cho sĩ Tài Nguyễn Minh Ngời kiêm nhiệm đảm nhận tạm thời cho Sĩ Tài Tấn kịp «*lên đường vượt biên*» lên Phnom Penh theo kế hoạch của vị chức sắc liên lạc viên đã dự thảo.

Sĩ Tài Lê Quang Tấn chuẩn bị lên đường với Giáo Hữu Thái Tây Thanh. Chỉ trong 3 tiếng đồng hồ thì mọi việc đều thu xếp xong. Các vị Sĩ Tài Nguyễn Minh Ngời, sĩ Tài Bùi Văn Tiếp và Sĩ Tài Nguyễn Ngọc Trân đại diện ban vận động Miền Nam đồng tiễn đưa đến tận bến xe Sài Gòn – Châu Đốc (đường Kitchener, gần cầu ông Lãnh Sài Gòn). Sự tiễn biệt lúc bấy giờ hết sức cấp bách, kẻ ở lại người ra đi vô cùng quyến luyến, thắm đượm tình huynh đệ gắng bó từ lâu, với những cái khoát tay chia ly chào mừng thượng lộ bình an hết sức cảm động bù ngùi, khi chiếc xe dò Sài Gòn – Châu Đốc bắt đầu lăn bánh vào lúc

18 giờ ngày 18-2-1957.

Mãi lo chuyển giao phận sự Tổng Thư Ký ban vận động Miền Nam cho Sĩ Tải Nguyễn Minh Ngời tạm thời đảm nhận để kịp lên xe vào lúc 18 giờ, sĩ Tải Tấn phải nhờ sĩ Tải Nguyễn Ngọc Trân vui lòng đến báo tin cho gia đình biết là Sĩ Tải Tấn đã lên đường đi Châu Đốc vượt biên sang Phnom Penh với Giáo Hữu Thái Tây Thanh theo lệnh Đức Hộ Pháp đã phán dạy.

Rời khỏi tỉnh Châu Đốc với nhiều kinh nghiệm vượt biên giới, liên lạc viên Thái Tây Thanh đã trải qua nhiều chận đường không kém phẩm nguy hiểm. Nhất là phải qua một con sông lớn chia hai địa phận Cao Miên và Việt Nam. Chiếc xuồng chèo lác lư vượt qua sông Bet-Chay để sang phần đất Cao Miên là một mưu trí sáng tạo của Giáo Hữu Thái Tây Thanh.

Khi tới địa phận Cao Miên, cả hai người còn phải thay đổi nhiều chuyến xe đò, họ đã chuẩn bị sẵn giấy tờ hợp lệ lưu thông trên đất Cao Miên để vượt qua các trạm gác dọc đường. Liên lạc viên Thái Tây Thanh đã khéo léo để phòng mọi sự bất trắc, hầu đến Phnom Penh thông suốt an toàn, tới Thánh Thất Cao Đài kịp giờ qui định cho Sĩ Tải Lê Quang Tấn trình diện Đức Hộ Pháp

Sĩ Tải Lê Quang Tấn đến kiến diện Đức Hộ Pháp và trình bày các diễn biến vừa qua của Đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh và sự phổ biến sâu rộng chánh Sách Hòa Bình Chung Sống thành công tốt đẹp khắp cả Miền Nam Việt Nam do quyết tâm của toàn thể chức sắc, chức việc và bốn đạo nam nữ trên toàn quốc nhiệt tình hưởng ứng và hoạt động hữu hiệu của các tỉnh, quận, xã. Sau khi trình diện Đức Hộ Pháp xong, sĩ Tải Lê Quang Tấn nghiêm

túc thực hiện lời phán dạy: Cần ra trình diện chánh phủ Hoàng Gia Cao Miên để xin tỵ nạn chánh trị tại Phnom Penh, chờ quyết định mới. Sĩ Tải liền đến trình diện phòng cảnh sát đặc biệt. (Police Spécial) và làm đúng thủ tục xin tỵ nạn chánh trị tại thủ đô Phnom Penh.

Lúc bấy giờ, tại Sài Gòn và các tỉnh miền tây đang gặp nhiều khó khăn với chánh quyền Miền Nam. Trưởng huynh Chơn Nhơn Trịnh Phong Cương trưởng Quản Hội Thánh Phước Thiện, Thừa Sử Phan Hữu Phước trưởng phòng Bộ Pháp Chánh, Sĩ Tải Trần Tấn Hợi liên lạc viên ban vận động CSHBCS. Miền Nam, Giáo Hữu Thượng Liên Thanh khâm châu đạo Chợ Lớn, Giáo Sư Thượng Cao Thanh khâm trấn đạo Thừa Thiên, Luật Sư Nguyễn Thị Nhân Bộ Pháp Chánh Tòa Thánh Tây Ninh v.v... đã hy sinh bỏ mình trong ngục thất, và có trên hai ngàn chức sắc, chức việc, bốn đạo nam nữ cùng bị bắt bớ giam cầm để tô điểm thêm Chính Sách Hòa Bình Chung Sống bằng một tội danh vô cùng đơn giản: Cao Đài ăn cơm Quốc Gia thờ ma Cộng Sản.

Thiết nghĩ, chánh quyền Miền Nam đã gay gắt: lên án hiệp định Genève 20-7-1954 là do Việt Minh ký kết với Pháp chia đôi đất nước Việt Nam, và xem ngày 20-7-1954 là ngày «Quốc Hận» của dân tộc Việt Nam, những người Tín Hữu Cao Đài lại phổ biến sâu rộng, cùng thành lập ban vận động CSHBCS khắp các tỉnh, quận, xã trên toàn quốc. Trong khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm chủ trương triệt để chống Cộng Sản, còn tín hữu Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh lại đòi chung sống hòa bình. Có phải chăng là muốn hòa bình chung sống với Cộng Sản nên mới bị chế độ Ngô Đình Diệm khủng bố, đàn áp, bắt bớ, giam cầm.

Trái lại số các bộ Việt Minh nằm vùng (không đi tập kết ra bắc) thì lại im hơi lặng tiếng, mặc tình cho hiệp định Genève không được tôn trọng khi mà người tín hữu Cao Đài lại tình nguyện lập bằng vĩ tuyến 17, ngang nhiên đột nhập khu phi quân sự, thượng bịch kỳ tại cầu Hiền Lương (Bến Hải) không ngần ngại hiểm nguy!

Đang lưu vong tại Cao Miên, tiếp nhận nhiều phúc báo và tường trình của Hội Thánh và ban vận động CSHBCS Miền Nam cho biết rõ về chế độ Ngô Đình Diệm thẳng tay đàn áp Cao Đài, Đức Hộ Pháp liền có văn thư số 238/HP-VPHN ngày 28-2-1957 cho ông chủ tịch Ủy Hội Quốc Tế kiểm soát đình chiến tại Việt Nam (Président De Commission Internationale De Contrôle Au Vietnam)

Xin tạm dịch một đoạn:..... *Tôi yêu cầu ông Chủ Tịch mở cuộc điều tra tại chỗ và xin can thiệp trả tự do cho những vị đã bị giam giữ.*

Sĩ Tài Lê Quang Tấn tự Trường, một chức sắc Cao Đài hiện ở Tòa Thánh Tây Ninh (Miền Nam Việt Nam) là người đại diện chánh thức của tôi có thể cung cấp cho Ủy Hội Quốc Tế kiểm soát tại Việt Nam, những chi tiết cần thiết trong việc tiến hành cuộc điều tra được dễ dàng xác thực.....

Nguyên văn Pháp Ngữ:..... *Je vaus serai, en conséquence torès reccjnnaissant de vouloir bien faire ouvrir des enquêtes sur place et faire libérer le plutôt possible tous ces détenues.*

Le Si Tai Lê Quang Tấn dit Trường, Diguitaire Caodaïste damicilié actuellement au Saint-Siège Caodaïque de Tây Ninh (Sud Vietnam) est désigné comme notre

Représentant officiel auprès de la c.I.e. au Vietnam pour lui apporter toutes précisions nécessaires et faciliter les enquêtes prescrites.

.....
.....
.....

Tiếp theo, ngày 23-6-1956, Đức Hộ Pháp tiếp được điện văn của cụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch Chính Phủ Việt Nam Dân Chủ cộng Hòa từ Hà Nội gửi đến Phnom Penh với nội dung:

«Tôi trân trọng cảm ơn bức điện văn cụ gửi tôi ngày 26-4-1956 và thành thật cảm ơn cụ đã tỏ ý mong muốn nước Việt Nam ta được hòa bình thống nhất. Chính Phủ Việt Nam Dân Chủ cộng Hòa toàn dân ta từ Bắc chí Nam trong nước và ngoài nước đều đang cương quyết và bền bỉ đấu tranh để thực hiện nguyện vọng tha thiết của dân tộc là làm cho nước Việt Nam ta được hòa bình thống nhất độc lập dân chủ và giàu mạnh.

Cuộc đấu tranh hiện nay của nhân dân ta tuy phải khó khăn và phức tạp, song toàn dân đoàn kết một lòng cương quyết phấn đấu cho nên nhất định sẽ thắng lợi.

Tôi xin gửi lời chào trân trọng.

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 1956

Hồ Chí Minh

Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa»

Đồng thời Đức Hộ Pháp cũng nhận được thư của ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc hoan nghinh đường lối Hòa Bình Chung sống và giải pháp dung hòa 2 khối Cộng

Sản và Tư Bản sớm thực hiện hòa bình đại đồng thế giới.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và phái đoàn Cao Đài lưu vong tại Cao Miên cũng gặp nhiều trở ngại. Vì quyền lợi, vận mạng của số đồng kiều bào Cao Miên còn đang sống rải rác ở các tỉnh: Trà Vinh, Sóc Trăng, Cần Thơ, Bạc Liêu, Châu Đốc thuộc Miền Nam Việt Nam, bắt buộc chánh phủ Hoàng Gia Cao Miên phải làm vui lòng chế độ Ngô Đình Diệm trong sự ngoại giao của 2 nước Việt-Miên. Lúc bấy giờ Quốc Trưởng Norodom Sihanouk rất tế nhị, không trực tiếp hội đàm với Đức Hộ Pháp như những lần tiếp kiến Đức Ngài trong năm 1950 và 1952 vô cùng tôn kính, mà lại ủy nhiệm cho Thủ Tướng Pen Nouth Chánh Phủ Hoàng Gia tiếp kiến phái đoàn Cao Đài. Do đó Đức Ngài chỉ định cho Đại Huynh Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa hội đàm với Thủ Tướng Pen Nouth.

Thấu rõ thân phận của người lưu vong và từng kinh nghiệm 5 năm 2 tháng bị tù đầy ở Phi Châu Madagascar vào những năm 1941 – 1946, Đức Hộ Pháp thông cảm hoàn cảnh của Quốc Trưởng Norodon Sihanouk lúc bấy giờ không thể trực tiếp nghinh đón Đức Ngài một cách tưng bừng trọng thể như trước kia.

Tình đời là thế! Nhưng vì sứ mạng của đức Chí Tôn giao phó, Đức Ngài không ngần ngại lìa xa Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh để lưu vong qua Cao Miên, một nước Trung Lập hầu tránh áp lực của 2 khối Cộng Sản và Tư Bản để đề xướng Chánh sách Hòa Bình Chung Sống, bất chấp hiểm nguy đe dọa, và chấp nhận mọi khổ đau tủ nhục của dân tộc bị ngoại bang áp đặt chia đôi lãnh thổ....

Nỗi khổ tâm nhất của Đức Hộ Pháp lúc bấy giờ là thỉnh thoảng tiếp nhận được điện tín hoặc phúc trình

của Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh và ban vận động CSHBCS Miền Nam báo cáo bốn đạo nơi tỉnh này, tỉnh nọ bị đàn áp, bắt bớ giam cầm, và bỏ mình trong ngục thất. Lòng ưu ái của Đức Hộ Pháp đối với số chức sắc, chức việc và bốn đạo vô cùng sâu sắc, nhất là khi được tin đồng đạo bị bắt bớ giam cầm. Cũng như ở tại thủ đô Phnom Penh, Sĩ Tài Lê Quang Tấn phải bị 3 tháng tù với tội danh: Đột nhập vào nước Cao Miên bất hợp pháp. Vừa ra khỏi khám đường, Đức Ngài đã an ủi Sĩ Tài Tấn với lời phán dạy hết sức xúc động: «*Nếu Bản Đạo không bị bệnh con không bị kêu án 3 tháng tù đâu*». Lời phán dạy của Đức Ngài chưa chấm dứt thì hai dòng lệ từ từ chảy trên đôi má, khiến cho cả phái đoàn lưu vong hiện diện không cầm được giọt lệ tự nhiên tuông trào. Đức Ngài tiếp:

«Bản Đạo đã lớn tuổi rồi, không thể lột da sống đời để lo cho các con mãi được. Tương lai của Đạo, của đất nước Việt Nam đều do ở các con, các con là đàn hậu tấn có trách nhiệm phải nối tiếp, Bản Đạo chỉ là người tiền phong lo khai sáng nền Đại Đạo, đó chỉ là bước đầu hy sinh lót đường mà thôi.

Tương lai của Đạo sau này sẽ thuộc thẩm quyền của đàn hậu tấn chăm lo tô điểm cho thiên hạ! Sứ mạng của đàn hậu tấn là như vậy.

Ngày giờ nào có kẻ thất thế yếu cô, rách rưới lang thang, đói cơm khát nước, khổ não tâm hồn, không ai che chở bênh vực, chừng ấy nhiệm vụ trọng yếu của các con là phải ra tay gánh vác. Đó là cơ cứu khổ thực hiện...»

Đồng thời, Đức Hộ Pháp liền bảo vị Hành Thiện Nguyễn Văn Hiệu, một ủy viên trung tín trong phái đoàn lưu vong: “*Hiệu! Con vào lấy áo trường y của Bản Đạo*

đưa cho anh con, Sĩ Tài Lê Quang Tấn để mặc vào đi trình diện bộ an ninh chánh phủ Hoàng Gia.» Vị Hành Thiện Nguyễn Văn Hiệu tuân lời và đem áo trường y đến, Đức Ngài liền bảo: *Sĩ Tài, Bản Đạo ban cho con bộ thiết giáp, con hãy mặc vào và cùng đi với Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa đến trình diện với ông Kou Roun, Bộ Trưởng an ninh chánh phủ Hoàng Gia Cao Miên để xin tỵ nạn chánh trị tại Phnom Penh.* Sĩ Tài Tấn cung kính tiếp nhận cái áo của Đức Hộ Pháp vừa ban cho, mặc vào xong thì đại huynh Bảo Đạo Khoa cùng Sĩ Tài Tấn lên xe đi thẳng đến bộ an ninh được ông Benkabo Đồng Lý Văn Phòng Bộ An Ninh niềm nở tiếp đón, và sẵn sàng ký giấy phép cho tỵ nạn chánh trị tại Thủ Đô Phnom Penh (mỗi 3 tháng phải đến trình diện xin gia hạn tiếp).

Ngày 6-5-Đinh Dậu (3-6-1957) Đức Hộ Pháp nhận được điện tín từ Tòa Thánh Tây Ninh phúc báo hiển huynh Thừa Sứ Phan Hữu Phước đã bỏ xác tại trại giam Thủ Đức (Miền Nam Việt Nam) vào lúc 23 giờ đêm 5-5-Đinh Dậu do hiển huynh Giáo Sư Thượng Giải Thanh báo trình.

Đức Hộ Pháp cho mời Trưởng Huỳnh Thái Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh, khâm trấn đạo Tần quốc lo thiết lễ truy điệu cho cố Thừa Sứ Phan Hữu Phước, và Đức Ngài liền chỉ định cho hiển huynh Đốc Nhạc Trần Thiện Niệm lo buổi lễ Chèo Thuyền tại khách đình lúc 20 giờ đêm 6-5-Đinh Dậu (3-6-1957) rất long trọng. Trong thời gian lưu vong tại Cao Miên, đây là lần đầu tiên Đức Hộ Pháp Đến chủ tọa buổi lễ Chèo Thuyền Cố Thừa Sứ Phan Hữu Phước đượm tình ưu ái đối với một chức sắc Hiệp Thiên Đài đã trọn hiến thân khổ hạnh cùng nền

Đại Đạo.

Bốn đạo nơi trấn đạo Tân Quốc (Cao Miên) còn nhớ rõ, sau buổi lễ chèo thuyền cổ Thừa Sứ Phan Hữu Phước, Đức Ngài cùng cả chức sắc trong phái đoàn lưu vong và Hội Thánh Trấn Đạo cùng bốn đạo nam nữ đồng đến Văn Phòng Khâm Trấn Đạo dùng trà. Đức Ngài ngâm ngợi phán rằng: «*Thêm một đứa con trọn trung, trọn hiếu đã trở về với Thầy Mẹ*». Thừa sứ Phan Hữu Phước từng chịu khổ hạnh, gian lao thử thách, bị tù đầy ở Sơn La (Bắc Việt) trong thời kỳ Pháp thuộc, rồi hôm nay vì đường lối Hòa Bình Chung Sống, cổ Thừa Sứ Phan Hữu Phước đã trọn hy sinh cả kiếp sống bỏ mình trong ngục thất Miền Nam Việt Nam là một sự mất mát lớn lao của Hội Thánh. Đồng thời, Đức Ngài liền nhìn qua số chức sắc trong phái đoàn lưu vong tại Phnom Penh phán dạy tiếp: «*Rời đây cả chức sắc, các con phải chịu thúc phục dưới quyền Cộng Sản một thời gian nữa.*»

Hiền huynh Tổng Giám Võ Văn Khuê (một chức sắc trong phái đoàn lưu vong liền đứng lên bạch Đức Ngài: «*Chúng con phải chịu thúc phục dưới quyền Cộng sản một thời gian bao lâu?*»

Đức Hộ Pháp đáp:

«*Bản Đạo cho hiền đệ một cái Mandat một triệu đồng, mà chú hiền đệ xài mạnh tay quá thì một triệu đồng sẽ hết sớm! Còn đức Chí Tôn cho họ hưởng, mà họ không đạo đức, lại còn tàn bạo quá thì đức Chí Tôn lấy lại sớm!*

Chắc các chú hiền đệ và các con còn nhớ bài Ngụ Đời của đức Lý Thái Bạch đã giảng cơ chỉ dạy cho các con

từ lâu rồi! Tại sao các con không chịu đọc lại “Ngũ Đồi” của đức Lý Đại Tiên?

Những lời phán dạy của đức Lý Thái Bạch đã “tiên đoán” ứng hiện đúng thế cuộc của dân tộc Việt Nam trong tương lai.»

Thiết tưởng vào đêm 6-5-Đinh Dậu (7-6-1957) Đức Hộ Pháp đã tiên đoán trước là dân tộc Việt Nam phải sống thúc phược trong vòng Cộng Sản một thời gian.

Đức Ngài biết rõ luật Thiên Điều đã định vậy, không sao tránh khỏi được. Chẳng lẽ khoan tay ngồi chờ thế sự xảy đến, nên Đức Hộ Pháp tự nguyện nhập Trí Huệ Cung (nhập vào tịnh thất) ngày 16-1-Tân Mão (21-2-1951), kêu gọi con cái đức Chí Tôn, nhất là Cửu Nhị-Ức Nguyên Nhân hãy tỉnh mộng, mà nhìn lại nơi Trí Huệ Cung. Phải vào nơi cửa này mới đạt đặng cơ giải thoát. Sau đó mới nhập vào cửa Thiêng Liêng Hằng Sống, mà đức Chí Tôn đã tạo dựng riêng biệt dành để cho mọi người.

Thử hỏi Đức Hộ Pháp nhập tịnh để làm gì? Nghĩa lý gì mà ngày 21-2-1951 phải nhập Trí Huệ Cung trong 3 tháng? Trí Huệ Cung là một cơ quan tận độ chúng sanh như các bạn đã biết. Quyền tận độ đã xuất hiện nơi cửa Đạo Cao Đài này. Nó không phải của tư, của đặc biệt chúng ta, mà nó là của cả thể nhân loại trên mặt địa cầu này vậy!

Đức Chí Tôn đã đến lập nền Đạo Cao Đài này do nơi chân lý tối cao. Chính đức Chí Tôn đến để diệt mê tín dị đoan và truyền bá một nền Đạo chân chính mà thôi. Nhân loại mê tín dị đoan đã nhiều rồi, tinh thần loài người đã bị gạt găm nhiều rồi, bởi thế nên không thể

bị gạt được nữa.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc nhập vào Trí Huệ Cung, tịnh luyện trong 3 tháng. Quì dưới chân Đức Chí Tôn thỉnh cầu nơi Ngài cứu độ sanh mạng loài người, vì lẽ nhân loại phạm Thiên Điều, bởi loài người quá dữ gây oan nghiệt nơi mặt địa cầu này đây đây.

Nếu Chí Tôn không có đến hội hiệp con cái của Ngài, lập cơ giải thoát độ tận thì không phương cứu rồi. Bằng cơ hiển nhiên chúng ta đã thấy, vạn quốc xô nhau đến con đường tử lộ. Bởi quả kiếp, họ chỉ biết cái sống của họ mà chẳng hiểu đến cái sống của người khác, nhất là bạn đồng sanh của chúng ta, để mắt coi họ giết không biết bao nhiêu, giết đặng ăn, ăn đặng sống, sống đặng bao nhiêu tuổi? Giới cho lắm kiếp sống của họ cũng không quá 80 tuổi rồi chết, thử hỏi như thế làm sao không gây oan nghiệt tội tình.

Các Tôn Giáo hiện hữu cũng tìm phương cứu rồi, với rất nhiều hình thức. Cả toàn cầu vạn quốc cũng bày ra vạn quốc thống nhất để tìm giải pháp duy trì hòa bình, tránh cho khỏi nạn tàn sát lẫn nhau.

Ôi! Ý tài ý tận! Lấy trí khôn ngoan để tìm cái chết!!! Cả quyền năng cái sống thiêng liêng kia đã ban cho họ, họ lại làm món lợi khí tàn diệt lấy họ đó là «*bom nguyên tử*». Họ lấy trí khôn tìm ra cái chết chớ không phải tìm lấy cái sống, coi mạng sống của người không ra gì hết, không kể trời đất, đạo lý, luân thường gì hết, không còn kể quả kiếp tội ác, như thế chết cũng vừa! Rồi họ lại tìm đủ cách để tránh tội, nhưng không qua mặt được luật Thiên Điều. Thiên Điều kia, họ không thể di chủ nó được, vì nó cầm sinh mạng của họ, chết hay sống đều do luật Thiên Điều

mà thôi, họ không thể tìm bất cứ phương pháp nào để giải quyết được.

Để giải rõ hành tàng trong 3 tháng của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã nhập Trí Huệ Cung ngày 21-2-1951. Cái hành tàng đó đã quá cũ kỹ chớ không mới lạ gì, hành tàng đó có từ thời thượng cổ! Về mặt đạo, giống như 40 ngày đức chúa Jesus ra ngoài sa mạc khẩn cầu đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho toàn nhân loại đang đem cơ quan cứu thế của Ngài gieo cho khắp xã hội nhân quần được hưởng. Cũng giống như đức Phật Thích Ca vào vườn Bồ Đề ngồi thiền tịnh đang xin giải thoát cho chúng sanh.

Về mặt thế, giống như vua David, vì tội tình của nhân loại mà buổi nọ ra đồng sa mạc cầu đạo, xin giải pháp cứu khổ cho dân Israel, và giống như vua Hạ Võ mang hài gai, đội nón lá, chịu phong trần đang cầu đảo cho quốc dân khỏi tội.

Cần nói rõ hành tàng cho vận mạng của toàn thể nhân loại nói chung, và quốc dân Việt Nam nói riêng là nguyên nhân làm cho Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc nhập vào Trí Huệ Cung 3 tháng. Nơi chốn tịch tịch, Ngài đã cầu khẩn với đức Chí Tôn ban hồng ân đặc biệt đang cứu rỗi lấy họ, là đem cơ quan cứu khổ của Ngài để thực hiện cho toàn thể nhân loại, nhất là sắc dân Việt Nam yêu quý đồng chủng tộc cùng ông Phạm công Tắc.

Thiết nghĩ, một người tượng trưng cho tinh thần đạo đức của dân tộc Việt Nam như Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã có sứ mạng đem tinh thần đạo đức ấy cứu khổ cho thiên hạ, sửa cải hành tàng hung ác của đời cho thành giọt nước Thiêng liêng của đức Chí Tôn. Nước Thiêng liêng đạo đức của Ngài, dọn con đường thánh đức

sạch sẽ, ấy là nước chí thánh của Ngài, cầm giọt cam lồ đem tưới khắp toàn thể con cái của Ngài tức là cả chúng sanh nơi mặt địa cầu này.

Cái định mạng của nhân loại cũng như định mạng của toàn thể quốc dân Việt Nam, trong giờ phút này ở trong tay đức Chí Tôn. Luật nhân quả của nhân loại chưa hết thì chưa tạo hạnh phúc hòa bình được!

Nền chân giáo của đức Chí Tôn vẫn là đường ngay chánh, nhất định về Thể pháp chân truyền không hề mê hoặc ai cả. Những phương pháp mê hoặc của thiên hạ về đạo lý sẽ bị chân truyền của đức Chí Tôn từ từ tiêu diệt hết.

Không có quyền năng Thiêng liêng của đức Chí Tôn, không ai cứu chữa tội tình của nhân loại được! Cái mơ vọng của thiên hạ chỉ đạt được khi mà khối chánh đức của họ cao hơn phạm tâm của họ. Đến lúc ấy hạnh phúc của họ mới có và cơ quan cứu khổ của đức Chí Tôn mới thực hiện được.

Đức Hộ Pháp nhập Trí Huệ Cung «*thiên định*» trong 3 tháng cũng như đức Lý Thái Bạch đã phán dạy trong đàn cơ tại Tòa Thánh Tây Ninh ngày 5-2-1927 (năm Đinh Mão):

THÁI BẠCH

Hỉ chú đạo hữu, chú đạo muội, chú chúng sanh, hảo hội hiệp.

Thảm cho nhân loại, khổ cho nhân loại!

Đời quá dữ, tội tình ấy, hình phạt kia, cũng đáng đó chút. Lão vì thương yêu nhân sanh, hội 10 ngày nơi Bạch

Ngọc Kinh cãi cho qua nạn nhân loại, nhưng luật Thiên Điều chẳng dễ chi sửa đặng. Nạn tiêu diệt hầu gần, hết chém giết lẫn nhau, tôi buổi bệnh chương sát hại.

Lão thấy hình phạt phải châu mày, nhưng ôm lòng ráng chịu, lay lục khẩn cầu, chú đạo hữu đâu rõ thấu, ngờ ngờ ngáo ngáo như kẻ không hồn thấy càng thảm thiết. Lão tưởng chẳng cần phải nói chi một nước nhỏ nhoi, đã đặng danh Thánh Địa là nước Nam này, mà Lão xin không đặng tội cho thành Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Huế, Hải Phòng, Hà Nội thay. Thảm! Thảm! Thảm!

Đức Hộ Pháp đã nêu gương trong sáng, suốt cả kiếp sanh đủ can đảm chấp nhận mọi sự thử thách gian lao, bất luận từ đâu đến, không một lời than van oán trách, thừa sức chịu đựng mọi biến cố để cứu vãn tình thế nguy hại cho tương lai tổ quốc và giống nòi Việt Nam.

Kể tiếp Đức Ngài còn nhận được nhiều văn thơ của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, Hội Nhân Quyền Quốc Tế, và lãnh đạo các cường quốc nhiệt tình hoan nghinh Chánh sách Hòa Bình Chung Sống đại đồng thế giới dung hòa 2 khối Cộng Sản và Tư Bản:

- 21-04-1956:	International Comission for Supervisionand Control in Combodia. (Chủ Tịch ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến tại Cao Miên).
- 24-04-1956:	Sir Winston Churchill Thủ Tướng Anh Quốc, S.W.7
- 24-04-1956:	Norodom Sihanouk Upayuvareach du Cambodge (Quốc Trưởng Norodom Sihanouk Cao Miên).
- 24-04-1956:	President Guy Mollet (Tổng Thống Pháp Quốc).

- 26-04-1956:	Ministre D'etat Pierre Mendes France.(Quốc Vụ Khanh Pháp Quốc ấn ký).
- 27-04-1956:	Felipe Polo Martinex Valdés Tây Ban Nha
- 02-05-1956:	Chef De Section Departement Des Affaires Polique Et Du Conseil De sécurité United Nations. (Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc ấn ký).
- 03-05-1956:	Haut Commissariat Republique Francaise Au Cambodge. (Đại sứ Pháp tại Cao Miên ấn ký).
- 14-05-1956:	Division Des Droits De L'homme United Nation. (Hội Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc ấn ký).
- 16-05-1956:	Samdech Norodom Sihanouk Upayuvareach. (Quốc Trưởng Cao Miên Norodom Sihanouk ấn ký).
- 19-05-1956:	Office of The President of The Philippines. (Tổng Thống Phi Luật Tân ấn ký).
- 05-01-1957:	Sa Majeste Preah Bat Samdech Preah Norodom Surmarit Roi Du Cambodge. (Hoàng Đế Cao Miên ấn ký).

Ngày 4-1-1958, cụ Tôn Đức Thắng, ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc Hà Nội gửi văn thư mời Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và phái đoàn Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh ra viếng thăm đồng bào và bốn Đạo Cao Đài tại Hà Nội trong dịp tết Nguyên Đán Mậu Tuất.

Phải chăng chánh sách Hòa Bình Chung Sống do Đức Hộ Pháp đề xướng ngày 26-3-1956 đến nay đã được bông trở trái dung hòa được 2 khối Cộng Sản và Tự Bản gần gũi với nhau, tương nhượng nhau để tồn tại, ngõ hầu góp phần tháo gỡ nguy cơ tiêu diệt.

Một điểm mừng cho cả nhân loại là tiếng súng chiến tranh im bật và cường quốc trên thế giới đã bắt tay làm “sứ đồ” thay vì đánh nhau khốc liệt, nhất là các lực lượng đối đầu nhau, kình chống nhau, đã bắt đầu thảo luận chấm dứt sự xung đột.

Những lời tuyên truyền, những luận điệu công kích thóa mạ nhau không còn xuất hiện, thay vào đó là những lời lẽ đầy thân ái chúc tụng, những đề nghị hợp tác song phương và đơn phương liên tiếp được ký kết.

Quả thật là một biến chuyển hi hữu, ngoài sức tưởng tượng của nhân loại. Chỉ mới vài năm trước đây thôi, còn đây đây những lò lửa, những hầm thuốc nổ, sẵn sàng nổ tung bất kỳ lúc nào, mà gần đây nhiều cuộc chiến tranh đang bước vào giai đoạn kết thúc thật sự. Một bằng chứng hiển nhiên là nhiều tên lửa chực chờ giết người đã bắt đầu bị tháo gỡ và phá hủy. Đây là một việc vui mừng cho cả nhân loại.

Một việc hi hữu nữa là 2 nhà lãnh đạo tối cao: Nikhain Gorbachov Tổng bí thư Liên xô và Ronald Reagan Tổng Thống Mỹ cơ hồ như bế tắc trong cuộc gặp gỡ hội đàm đầu tiên vào tháng 11 năm 1985. Trong vòng 40 năm qua 1945-1985, 2 nhà lãnh đạo tối cao Liên xô và Mỹ trước đây chỉ có 12 lần tiếp xúc hội đàm với nhau mà thôi. Hôm nay vì sứ mạng sống còn của nhân loại trên thế giới, họ đã ý thức trách nhiệm chung của họ nên chỉ trong 30 tháng qua 1985 - 1988 đã có 26 lần bộ trưởng ngoại giao của 2 nước Mỹ và Liên Xô gặp gỡ nhau thảo luận nhiều vấn đề quan hệ giữa đôi bên, đưa đến cuộc gặp gỡ đầu tiên tại Genève tháng 11, 1985, mà lại gặp khó khăn, cơ hồ muốn bế tắc. Do đó Tổng Thống R. Reagan mới đề nghị với Tổng Bí

Thư M. Gorbachov: Thôi chúng ta bắt tay làm Sứ Đồ tìm một giải pháp thích hợp dung hòa đôi bên!

Huyền diệu thay! Nhờ quyết tâm tin tưởng và chấp nhận làm Sứ Đồ để tìm một giải pháp dung hòa, nên Tổng Thống Reagan và Tổng Bí Thư Gorbachov mới ký kết được hiệp ước đầu tiên vào tháng 11, 1985, khai thông cho các đàm phán kế tiếp trong những năm sau này:

- Hội đàm lần thứ nhất tại Genève tháng 11 năm 1985.
- Hội đàm lần thứ hai tại Reykjavik 10 1986
- Hội đàm lần thứ ba tại Washington 12 1987
- Hội đàm lần thứ tư tại Moscow 05 1988

Đặc điểm của cuộc hội đàm lần thứ tư tại Mạc Tư Khoa, lần này lại xảy ra sự bất đồng giữa Tổng Bí Thư Gorbachov và Tổng Thống Reagan cơ hồ như muốn bẻ tắc, chẳng khác nào như buổi gặp gỡ hội đàm lần đầu tiên tại Genève năm 1985. Buổi họp đang căng thẳng thì Tổng Bí Thư M. Gorbachov liền lên tiếng đề nghị với Tổng Thống R. Reagan: Chúng ta nắm tay nhau làm «*Sứ Đồ*» lần thứ 2, hãy tìm phương pháp dung hòa, giải quyết vấn đề cho được thỏa hiệp cùng nhau, và được sự đồng tình chấp nhận của Tổng Thống R. Reagan. Nhờ vậy mà cuộc hội đàm lần thứ tư tại Mạc Tư Khoa 1988 mới thoát khỏi sự bế tắc, và đã đạt được kết quả tốt đẹp đúng theo sự mong muốn của đôi bên vào ngày 29-5-1988 tại Moscow.

Chính Tổng Bí Thư M. Gorbachov không ngần ngại tự thuật cho cả phóng viên báo chí quốc tế biết rõ tại cuộc hội đàm lần thứ tư 29-4-1988, là đã 2 lần tự nguyện làm «*Sứ Đồ*» nên bản thông cáo chung hôm nay mới có dịp ký kết trong bầu không khí vui tươi, cởi mở của 2 phái đoàn

Cộng Sản và Tư Bản đã nắm tay nhau làm Sứ Đồ trong 2 lần hội đàm tại Genève 1985 và 1988 vượt qua mọi khó khăn cơ hồ như bế tắc. Nếu Tổng Bí Thư M. Gorbachov không tự thuật những giao kết của 2 nhà lãnh đạo tối cao nắm tay làm sứ đồ để tìm giải pháp tương nhượng nhau, thì cả thế giới chẳng một ai làm gì hiểu biết sự việc hi hữu tình nguyện làm sứ đồ của Tổng Bí Thư M. Gorbachov và Tổng Thống R. Reagan, để đưa nhân loại thoát khỏi hiểm họa diệt vong do chiến tranh nguyên tử đang đe dọa.

Ngộ nghĩnh thay! Nhà lãnh đạo tối cao khối Cộng Sản M. Gorbachov đã ý thức trách nhiệm đối với nhân loại trên thế giới, nên sẵn sàng tự nguyện làm “*Sứ Đồ*” với Tổng Thống R. Reagan để dung hòa tìm giải pháp hòa bình đại đồng-thế giới. Đây là một điểm phúc lớn lao cho cả nhân loại trên mặt địa cầu này, mà người tín hữu Cao Đài có quyền tin tưởng rằng Thượng Đế đã xoay chuyển thức tỉnh Tổng Bí Thư M. Gorbachov và Tổng Thống R. Reagan để đưa lần nhân loại đến sự thương yêu và công bằng trong tình huynh đệ đại đồng.

Định nghĩa 2 tiếng Sứ Đồ vô cùng thâm thúy đến vận mạng tương lai cho các nước nhược tiểu và cả nhân loại đang phập phồng lo sợ chiến tranh nguyên tử sắp xảy ra trong mai hậu đã bắt đầu tin tưởng 2 khối Cộng Sản và Tư Bản dung hòa tương nhượng nhau trong tình thương của Thượng Đế.

Kế tiếp, tình hình quốc tế biến chuyển theo chiều hướng tốt đẹp của những lời tuyên bố Tổng Bí Thư M. Gorbachov: Biến gươm đao thành lưỡi cày. Thiết lập một khu vực không có khí giới hạt nhân, khu vực Hòa Bình ở Châu Á Thái Bình Dương.

Một thế giới không có vũ khí và bạo lực, một thế giới mà mỗi dân tộc đều được tự do lựa chọn con đường phát triển lối sống của mình.

Người tín hữu Cao Đài rất hãnh diện là có một vị lãnh đạo là cố Hộ Pháp Phạm Công Tắc, trước đây 30 năm, không một ai ngờ được là 26-3-1956, Đức Ngài đã đề xướng chánh sách Hòa Bình Chung Sống, ý thức 2 khối Cộng Sản và Tư Bản đang đối nhau kịch liệt, thế không đội trời chung, kẻ mất người còn, thì làm sao tránh khỏi những lời phê phán nông cạn, hẹp hòi, ích kỷ: *“Làm gì dung hòa được 2 khối Cộng Sản và Tư Bản, rất uổng công mò kim đáy giếng”*, nhưng đã vô tình quên đi bài học lịch sử trước kia, cũng vì quá nông cạn, vội vàng phán đoán, phủ nhận sáng kiến của Bác Sĩ Kopemic ở thế kỷ thứ 17, minh chứng quả đất xoay quanh mặt trời.

Hân hạnh thay! Trên 30 năm qua, Đức Hộ Pháp đã tiên đoán 2 khối Cộng Sản và Tư Bản nhất định phải dung hòa nhau để tồn tại sống còn, và hôm nay đã trở thành hiện thực, mà cả nhân loại trên hành tinh này không thể chối cãi được. Chính Tổng Bí Thư M. Gorbachov và Tổng Thống R. Reagan đã 2 lần đóng vai tuồng *“Sứ Đò”* để hoàn thành tốt đẹp 4 lần hội đàm, tháo gỡ ít nhiều sự hiềm khích trước kia, để đi đến sự hiểu biết nhau, tương nhượng nhau, đỡ phần âu lo cho nhân loại về chiến tranh hạt nhân.

Với trọng trách của đức Thượng Đế đã giao phó, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, chương quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Ngài hết Âu du rồi Á du. Ngài đã từng hướng dẫn phái đoàn Chúc sắc Cao Đài

Tòa Thánh Tây Ninh viếng thăm Tổng Thống nước Triều Tiên, cùng như thăm Tổng Thống Tưởng Giới Thạch để phổ biến nền Đại Đạo ở Á Châu, gây tình huynh đệ mật thiết với Nam Triều Tiên và Đài Loan.

Để tưởng niệm công đức những bậc anh hùng dân tộc đã trọn hy sinh vì dân vì Tổ Quốc, Đức Hộ Pháp đáp ứng đúng lời di ngôn cuối cùng của Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để điện hạ. Ngày 12-10-1954, Đức Ngài hướng đưa một phái đoàn chức sắc sang Tokyo (Nhật Bản) rước tro đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để từ Đông Kinh về Sài Gòn và quàng tại đền thờ Đức Tổ Hùng Vương Sài Gòn trong 3 ngày đêm liên tiếp cho thân hào nhân sĩ, dân chúng, cùng ngoại giao đoàn đến tưởng niệm công ơn bậc anh hùng đã hy sinh thể xác nơi đất khách quê người. Sau khi đồng bào đến tưởng niệm xong rồi, Hội Thánh Cao Đài mới rước tro đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để Điện Hạ về Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh lo phần hương khói.

Thừa cơ hội Đức Hộ Pháp đã lưu vong qua nước Cao Miên, ngày 16-2-1956, Tổng Thống Ngô Đình Diệm chỉ thị cho phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ hướng dẫn Tráng Củ và Tráng Liệt (2 người con trai của đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để ở tại Huế) cùng đi lên Tây Ninh hiệp với ông Tỉnh Trưởng Tây Ninh là Nguyễn Văn Vàng làm áp lực cưỡng chế Hội Thánh Cao Đài, bức bách buộc phải giao «tro đức Cường Để» cho Tráng Củ và Tráng Liệt mang tro về Huế để thờ phượng và lo phần hương khói.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm lại quá quan tâm lo ngại đến chánh sách Hòa Bình Chung Sống đang phát triển nhanh chóng trên khắp các tỉnh, quận, xã Miền Nam Việt Nam, do chức sắc Hiệp Thiên Đài như: Phạm

Duy Nhung, Nguyễn Minh Ngòi, Huỳnh Văn Hương, Nguyễn Thành Nguyên, Nguyễn Văn Tú, Nguyễn Ngọc Trân, Nguyễn Hữu Khỏe, Trần Tấn Hợi, Bùi Văn Tiếp, Đỗ Hoàng Giảm v.v., thuộc ban vận động CSHBCS Miền Nam là một chướng ngại lớn lao cho chế độ Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ. Do đó chánh quyền Miền Nam Việt Nam mới ra tay trấn áp Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh bằng biện pháp khống chế Hội Thánh phải giao phần tro cốt đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để mà Hội Thánh đã lo phần hương khói suốt một năm qua tại Báo Ân Từ cho Tráng Củ và Tráng Liệt thỉnh đem về gia đình ở Huế để thờ phượng, với mưu đồ đào tận rễ, là không còn lưu lại chút di tích chánh trị của Đức Cường Để Điện Hạ còn sót lại tại vùng Thánh Địa Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh.

Sau khi tỉnh trưởng Tây Ninh Nguyễn Văn Vàng và Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ trấn áp Hội Thánh trong buổi họp kéo dài gần 2 tiếng đồng hồ, Đại Huynh Hiến Pháp Trương Hữu Đức bực mình. Trên cương vị Đại Diện Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh mà bị trấn áp, Ngài Hiến Pháp liền cáo từ rời khỏi phòng họp với lý do kém sức khỏe, nhường cho Hội Thánh thảo luận với phái đoàn Chánh Phủ do Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ hướng dẫn.

Biết rõ sự rút lui của Ngài Hiến Pháp, Tỉnh Trưởng tỉnh Tây Ninh Nguyễn Văn Vàng mới chấp nhận danh từ Biên Nhận do Sĩ Tài Lê Quang Tấn đã đề nghị buổi ban đầu, không còn bảo thủ danh từ Giao Lãnh như trước nữa mà phải ghi rõ là từ “*Biên Nhận*”.

Việc tranh luận danh từ Giao Lãnh và Biên Nhận được ngã ngũ là từ Biên Nhận, và Hội Thánh nhượng bộ

cho phái đoàn Chánh Phủ lấy tro của đức Cường Để đang được lo phân hương khói tại Báo Ân Từ.

Sau khi Phái Đoàn Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ làm áp lực Hội Thánh lấy tro đức Cường Để tại Báo Ân Từ xong, thì đến Đền Thánh vào bái lễ đức Chí Tôn. Khi Phái Đoàn vừa ra khỏi Đền Thánh bước xuống tam cấp (các nấc thang trước Đền Thánh) thì bị Sĩ Tài Lê Quang Tấn chặn lại với sự trợ lực của Sĩ Tài Nguyễn Ngọc Trân không cho Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ bước lên xe. Bị bắt buộc, Phó Tổng Thống Thơ phải ra lệnh cho Tỉnh Trưởng Vàng phải trao cho một tờ Biên Nhận (theo đề nghị của sĩ Tài Tấn) cầm làm bằng mới được bước lên xe trở về Sài Gòn. Thành linh bị sĩ Tài Tấn ngăn chặn, Phó Tổng Thống Thơ rất bức bối, tự ái, lớn tiếng truyền lệnh: *“Anh Vàng đưa cho họ một tờ biên nhận đi.”*

Trước tình thế bắt buộc chẳng đặng đừng, Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Vàng phải trao cho sĩ Tài Lê Quang Tấn một bản Biên Nhận ấn ký đã nhận phần tro của đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để để làm bằng. Đồng thời, Phó Tổng Thống Thơ liền gọi Trung úy Trưởng Ty Công An Tây Ninh đến bên cạnh và chỉ thị cho Trung úy Phước *“Tôi gửi 2 vị này cho anh”* sự diễn tiến đã gây nhiều dư luận xôn xao cho số chức sắc và bốn đạo đứng chung quanh, nhất là lời chỉ thị ngắn gọn của Phó Tổng Thống Thơ bao gồm sự đe dọa sâu sắc cho số phận của nhị vị Sĩ Tài Lê Quang Tấn và Nguyễn Ngọc Trân.

Việc gì đến nhất định phải đến, chỉ vì bảo thủ si diên trước chỗ đông người, Phó T.T. Thơ mới gọi Sĩ Tài Tấn và Trân cho Trưởng Ty Công An Tây Ninh như thế. Cả chức sắc hiện diện tin chắc rằng tai họa sẽ ập đến cho nhị

vị Sĩ Tài Tấn và Trân.

Quả thật không sai, chỉ 3 ngày sau thi Tỉnh Trưởng Tây Ninh Nguyễn Văn Vàng có thơ mời nhậm vị Sĩ Tài Lê Quang Tấn và Nguyễn Ngọc Trân đến Tòa Hành Chánh Tỉnh Tây Ninh để thẩm vấn nhiều việc gay gắt, nhưng uy quyền Hội Thánh vẫn còn, nên mọi việc đều được xếp lại êm ả.

Thiết nghĩ vào năm 1926 dân số Tỉnh Tây Ninh chưa được 40.000 người. Nhưng kể từ khi đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hoằng khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên nước Việt Nam, lại chọn Tỉnh Tây Ninh để kiến tạo ngôi Đền Thánh Cao Đài thì đồng bào ở các Tỉnh ồ ạt qui tụ về Tòa Thánh Tây Ninh càng thêm đông đảo, và dân số Tây Ninh tăng lên trên 400.000 trong năm 1956.

Hồi tưởng lại, với 2 bàn tay trắng, Đức Hộ Pháp và một số Chức sắc, Bốn Đạo “*Tiên Bối*” đã vững niềm tin nơi đức Cao Đài Thượng Đế, chẳng ngại gian lao khổ cực, đã dày công khai sơn phá thạch, đốn gốc phá chồi, biến 96 mẫu rừng hoang vu đầy hùm beo ác thú trở thành một vùng Thánh Địa trù phú. Nơi đây có một ngôi Đền Thánh khang trang lộng lẫy, có thể sánh vai cùng các kỳ quan thế giới, có nhiều dinh thự, văn phòng, cơ sở, trung tiểu học, viện đại học, dưỡng lão đường, cô nhi viện, bệnh viện, Trí Huệ Cung, Trí Giác Cung, Vạn Pháp Cung và lại thêm có một phi trường nằm cạnh bên Trí Huệ Cung, nhất nhất đều do sáng kiến, hướng dẫn, đôn đốc sáng tạo của Đức Hộ Pháp.

Du khách thập phương mỗi khi đến viếng Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, không một ai nghĩ rằng trước đây là một khu rừng cấm hoang vu, không một ai lui tới khi mặt

trời bắt đầu xế bóng, mà hôm nay trở thành một đô thị khách vãng lai tấp nập.

Một bằng chứng còn lưu lại đối với các du khách và phái đoàn các Tôn Giáo, là chỉ nhìn vào hàng cây cổ thụ trước Đền Thánh mà từ trước đến giờ thường gọi là “*rừng thiên nhiên*”, một di tích lịch sử, khối đức tin mãnh liệt của Bốn Đạo Cao Đài. Không cơ khí, chỉ 2 bàn tay trắng, đã biến khu rừng cấm 96 mẫu hoang vu trong thời gian kỷ lục là 3 tháng đã trở thành phồn thịnh, với những đại lộ thênh thang như Bình Dương Đạo v.v... Dọc ngang những con đường thẳng tắp, những cây cầu như Đoạn Trần Kiều, Giải Khổ Kiều v.v... bao bọc vùng Thánh Địa với 20 Phận Đạo, nhà cửa được xây cất ngay hàng thẳng lối dọc theo các Phận Đạo thuộc ngoại ô Tòa Thánh xuyên thẳng vào các cửa ra và vào Nội Ô Tòa Thánh. Ngoài ra Đức Hộ Pháp có sáng kiến tạo thành Đại Lộ Chánh Môn, mà bốn đạo thường gọi là Đại Lộ Xuyên Á, tức là Đại Lộ này sẽ nối liền với các nước Châu Á trong tương lai.

Điểm đặc biệt là các du khách đến viếng Tòa Thánh Tây Ninh, một nơi không thể quên được là «*Chợ Long Hoa*» hay Long Hoa Thị chuyên bán đồ ăn chay quanh năm suốt tháng. Nổi bật nhất là sự mua bán rất phải chăng, không thách giá, và cân đo lường sòng phẳng, nhã nhặn, vui vẻ và rất mến chuộng khách hàng, bất luận từ đâu đến, đó là niềm tự hào của tín hữu Cao Đài tự bảo vệ thanh danh cho Long Hoa Thị mà các phái đoàn du khách thường nhắc nhở khen ngợi: Chợ Long Hoa rất thanh lịch, mẫu mực. Tiếng đồn vang dội về Long Hoa Thị vẫn còn ghi đậm vào ký ức các du khách vãng lai. Các tín hữu Cao Đài thuộc nhiều thế hệ sanh ra lớn lên trong

vùng Thánh Địa hào hùng, đạo đức, không bao giờ xao lãng công ơn Đức Hộ Pháp đã dày công huấn giáo, rèn luyện đi vào nề nếp và rất xứng danh Long Hoa Thị, gương mẫu về thái độ lịch sự, niềm nở, ân cần, nhiệt tình và trách nhiệm trong việc giao tế với khách hàng. Đó là nét đặc trưng nổi bật của Long Hoa Thị lúc bấy giờ.

Đức Hộ Pháp thường nhắc nhở và chỉ dẫn các Chức Sắc, Chức Việc, Bốn Đạo về việc lập công bồi đức trong nền Đại Đạo. Chẳng những dành riêng cho hàng Chức Sắc Thiên Phong, mà đức Chí Tôn còn chiếu cố cho cả môn đệ, bất luận nam nữ mỗi người đều có đức tin vững chắc nơi Thầy, Mẹ cùng nhiệt tâm trọn hiến mảnh thân phàm vun bồi công quả, nhất định sẽ đạt được phẩm vị thiêng liêng của Chí Tôn đã dành sẵn. Những gương trong sáng của Phối Thánh Màng Và Bùi Ái Thoại mà toàn cả Bốn Đạo đều biết rõ, chỉ là một «*tín hữu công quả*» thợ hồ, thợ đắp vữa, đã dày công quả kiến tạo ngôi Đền Thánh mà vẫn đạt được Phẩm Phối Thánh, một phẩm vị Thiêng liêng cao trọng mà đức Chí Tôn đã dành sẵn cho cả môn đệ hiếu thảo, khi thoát xác phàm.

Một truyền thống đặc biệt của Tỉnh Tây Ninh mãi còn lưu lại là “*trò nhớ ơn Thầy*” mà Đức Hộ Pháp hằng quan tâm gìn giữ, bảo vệ với tinh thần «*Tôn sư trọng Đạo*», Đức Hộ Pháp đã nêu cao gương trong sáng mẫu mực của người học trò, lúc nào cũng nhớ đến công ơn ông thầy dày công huấn giáo, rèn luyện và đào tạo mình trong lúc còn niên thiếu cho đến khi trở thành người hữu dụng cho xã hội sau này.

Theo thông lệ hàng năm, mỗi độ xuân về, Tết Nguyên Đán, đúng ngày mừng 3 Tết, mặc dù là một chức sắc lãnh

đạo Tôn Giáo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh, đức Phạm Công Tắc không quên bốn phận đối với ông Thầy đã dạy mình học trước kia. Đức Ngài mặc Quốc Phục, áo dài đen, chích khăn đóng đen đúng theo phong tục tập quán cổ truyền Việt Nam, thân hành đến tận nhà ông Thầy dạy học trước kia là ông Đốc Học Giảng để mừng tuổi ông Thầy cũ, tỏ lời tôn kính và chúc mừng năm mới. Chính vì điều này, Đức Hộ Pháp đã lưu lại tấm gương trong sáng cao đẹp cho 3 triệu tín đồ hằng ghi nhớ “*tôn sư trọng đạo*”, và cho đồng bào Tỉnh Tây Ninh “*Trò nhớ ơn thầy*”.

Vì lý tưởng sống cho muôn dân, cho cả nhân loại bằng chủ thuyết Hòa Bình Đại Đồng Thế Giới, nhất là thảm cảnh lầm than thống khổ của đồng bào 2 miền Nam-Bắc Việt Nam, cũng như bao nỗi thăng trầm của đất nước, nên Đức Hộ Pháp mới có văn thư số: 21/HP-VPHN ngày 26-3-1956 gửi đến cụ Hồ Chí Minh, Chủ Tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, và gửi đến cụ Ngô Đình Diệm Tổng Thống nước Việt Nam Cộng Hòa một chương trình thống nhất đất nước Việt Nam. Văn thư này để cho 2 cụ trọn tâm nghiên cứu và tìm phương pháp hay khéo bổ cứu vào mọi khuyết điểm, hầu chánh phủ 2 miền Nam – Bắc có thể thực hiện được. Để đáp ứng đúng nguyện vọng của đồng bào trên toàn quốc, nhất là kêu gọi lòng ái quốc nồng nàn của 2 cụ, bản văn thư kêu gọi hãy cương quyết gạt bỏ mọi tư hiểm, thành kiến, không để ngoại bang xâm nhập vào nội quyền Việt Nam và tìm phương cứu nước.

Đức Hộ Pháp đã tự nguyện hiến mảnh thân phàm làm con tể vật phụng sự nhân loại, từng lãnh cái khổ của muôn người làm cái khổ của chính mình, để thẳng khổ

rồi giải khổ. Vì thế mà Đức Ngài thường nhắc nhở, giáo huấn cả Chức Sắc và Bốn Đạo:

«Quyền luật nào lập ra tại mặt địa cầu này mà không trái với tâm lý của nhân loại thì nó sẽ tiến triển theo sự tấn hóa của nhân loại, đừng bảo tồn sanh mạng của nhân loại cho được vĩnh viễn và hạnh phúc. Ấy thế đạo của đời chân chánh đó vậy!».

Đức Ngài cũng thường huấn giáo:

«Đức Chí Tôn đến hoằng khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên đất nước Việt Nam, Đức Chí Tôn không bắt buộc môn đệ của Ngài làm gì quá sức mà chỉ bắt buộc môn đệ của Ngài phải thực hiện cho ra thiệt tướng sự thương yêu và quyền công chánh nơi mặt thế này thì Đạo Cao Đài mới ra thiệt tướng».

Niên kỷ càng cao sức phạm càng yếu lại thêm chồng chất nỗi lo âu của đồng bào 2 miền Nam – Bắc đang chia đôi, ngoại quyền chi phối, bao nhiêu thảm cảnh của đồng bào và Bốn đạo dôn dập, Đức Hộ Pháp quá suy tư lo nghĩ nên thọ bệnh áp huyết cao, phải vào nằm điều trị tại bệnh viện Foundation Calmette Thủ Đô Phnom Penh.

Đang nằm trên giường bệnh, Đức Ngài cho mời một số Chức Sắc Trấn Đạo Tân Quốc tại Phnom Penh đến tận giường bệnh để nghe những lời phán dạy sau cùng:

Bản Đạo Qui Thiên , tạm gởi thể xác nơi đất Cao Miên một thời gian, ngày nào nước nhà độc lập, thống nhất, hoặc thực hiện đúng theo chánh sách hòa bình, trung lập, mục phiêu đời sống của Bản Đạo, thì mời đưa Liên Đài về Tòa Thánh Tây Ninh.

Đại huynh Chánh Phối sư Thái Khí Thanh, khâm

trần đạo Tần Quốc, đại diện cho cả chức sắc nam nữ hiện diện tôn kính đáp: *Đệ tử xin trọn tuân lệnh Đức Ngài.* Đức Hộ Pháp tiếp:

«Bản Đạo tạm gọi thể xác lại đất Cao Miên là Bản Đạo cùng muốn chung chịu cảnh chia đôi của đồng bào 2 miền Nam-Bắc. Bản Đạo đã tiên liệu rồi, việc phải đến sẽ đến, nước nhà chưa thống nhất thì không gấp gì hơi hương. Vậy phải bình tâm chờ một thời gian nữa sẽ thấy thiên cơ xoay chuyển có lợi cho Việt thường về mặt tinh thần».

Đồng thời, Đức Hộ Pháp còn gọi cho quốc trưởng Norodom Sihanouk bức di ngôn, và kính gọi đến Hoàng Thượng Norodom Surmarit (Vua cha thái tử Sihanouk) hết sức thâm thúy thân tình (cả hai bức thơ đều viết bằng Pháp Ngữ).

Xin tạm dịch bức di ngôn gọi cho Quốc Trưởng Norodom Sihanouk ra Việt Ngữ:

Hộ Pháp Phạm Công Tắc

Kính gọi Hoàng Thân Norodom Sihanouk

Thưa Điện Hạ

Bản Đạo gửi những dòng chữ này đến Điện Hạ trên giường bệnh của Bản Đạo (bệnh viện Calmette). Sức khỏe của Bản Đạo càng ngày càng suy giảm và Bản Đạo nghĩ không còn sống bao lâu nữa.

Vậy Bản Đạo gửi những dòng chữ này để cảm ơn Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia đã dành cho Bản Đạo với đoàn tùy tùng và cho tất cả tín đồ Cao Đài của Bản Đạo sự khoan đãi rộng rãi và sự dễ dãi.

Bản Đạo thành tâm cầu nguyện Thượng Đế Cao Đài và Phật Tổ ban hồng ân che chở cho Vương Quốc Cao Miên và Điện Hạ để chóng thực hiện và nhất là thành công về vang Chánh Sách Hòa Bình, Trung Lập và Chung Sống. Chánh sách đặc biệt và ưu ái của Bản Đạo, mà chưa thể thực được.

Bản Đạo thành tâm ước mong rằng tổ quốc thân yêu của chúng tôi, nước Việt Nam, có thể đeo đuổi Chánh Sách ấy trong một ngày gần đây. Tay bắt tay cùng đi với nước Cao Miên trong đường lối thương yêu và cộng đồng giữa hai dân tộc Miên – Việt.

Bản Đạo sẽ hoàn toàn sung sướng được yết kiến lần cuối cùng với Điện Hạ, để tỏ bày tất cả những lời cảm ơn của Bản Đạo, nhưng Bản Đạo không biết sức khỏe của Bản Đạo còn chờ được hay không ngày trở về của Điện Hạ.

Dù sao tình thân hữu thâm niên của chúng ta, nhân danh lòng thương yêu và tình huynh đệ giữa hai dân tộc Miên Việt, và nhất là nhân danh tương lai bất khả phân ly của 2 nước chúng ta Cao Miên và Việt Nam.

Bản Đạo cung kính xin Điện Hạ như một ân huệ cuối cùng đặc biệt cho Thánh Thất Cao Đài chúng tôi khỏi phải chịu dưới lệnh phá hủy, để giữ kỷ niệm độc nhất của Bản Đạo trên đất Cao Miên.

Để giúp Điện Hạ có một ý tưởng đúng đắn về tình hình qua, Bản Đạo trân trọng gửi đến Điện Hạ bản sao đơn thỉnh nguyện của Bản Đạo vừa chuyển đệ đến Hoàng Thượng.

Bản Đạo phải thoát kiếp nơi đây. Bản Đạo xin yêu cầu Điện Hạ cho phép Bản Đạo tạm gởi thi hài ở nơi đất Cao Miên, dưới sự bảo vệ tối cao của Hoàng Gia Cao Miên.

Ngày nào tổ quốc thân yêu của chúng tôi là nước Việt Nam được thống nhất và theo Chánh sách Hòa Bình Trung Lập mục phiêu đời sống của Bản Đạo, tin đồn của chúng tôi sẽ di thi hài về Tòa Thánh Tây Ninh.

Bản Đạo khẩn cầu Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia, sau khi Bản Đạo thoát xác, dành cho đoàn tùy tùng và cả thiện nam tín nữ của Bản Đạo sự khoan dãi rộng rãi, và sự dễ dãi như trước để tu hành theo Tôn Giáo của chúng tôi.

Biết rằng Điện Hạ sẽ chiếu cố đến đơn thỉnh cầu này, Bản Đạo sẽ thanh thân nhắm mắt đem theo cái kỷ niệm dịu dàng nhất trong đời của Bản Đạo.

Cung kính xin Điện Hạ chấp thuận lòng tri ân vĩnh viễn của Bản Đạo.

Phnom Penh, ngày 14 tháng 5 năm 1959.

HỘ – PHÁP

(Ấn Ký)

PHẠM CÔNG TẮC

226, Phlaur Preah Bat Norodom à Phnom Penh.

Di ngôn của Đức Hộ Pháp biểu lộ khí phách hào hùng, sống phụng sự cho nòi giống, cho nhân loại, thác-kỳ vọng ngày thanh bình cho đất nước Việt Nam.

Mặc dù đang, nằm trên giường bệnh, Đức Ngài gọi từng chức sắc đến căn dặn từng chi tiết, trách nhiệm của mỗi chức sắc, nhất là hướng dẫn những chức sắc tùy tùng trong đoàn lưu vong nhiều điều cần thiết trong mai hậu.

Lại thêm một việc thận trọng chưa từng có, là sau khi gửi bức thơ di ngôn chuyển đệ lên Quốc Trưởng Norodom Sihanouk vào ngày 14-5-1959, do Sĩ Tải Lê

Quang Tấn ghi vào “*sổ chuyển giao*” và chính tay Sĩ Tài Tấn đã đem vào Hoàng Cung nhận lãnh, ký tên vào sổ chuyển giao hẳn hoi, song Đức Ngài còn bảo mời Trưởng Huỳnh Thái Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh khâm trấn Đạo Tân Quốc đến tận giường phán dạy:

«Ngày thứ bảy là ngày Hoàng Thượng Norodom Surmarit tiếp kiến thần dân Cao Miên theo thông lệ vào thứ bảy hàng tuần, Hiền Đệ và Giáo Hữu Thái Đồng Thanh hãy vào Hoàng cung bái kiến Hoàng Thượng Surmarit dâng bức di ngôn của Bản Đạo đến tận tay Hoàng Thượng tường lãm».

Tuân lệnh Đức Ngài, Trưởng Huỳnh Thái Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh và Giáo Hữu Thái Đồng Thanh đã đến Hoàng Cung vào sáng ngày thứ bảy, được ban tổ chức sắp xếp nhị vị quì vào hàng thứ 3 trong số người Cao Miên đang quì chờ vua Surmarit giá lâm tiếp kiến thần dân trong nước.

Đặc biệt thay! Đức vua Norodom Surmarit vừa đến sân châu, thấy thần dân đang quì chờ đợi mà lại có 2 vị chức sắc Cao Đài mặc sắc phục trắng, nên đức Hoàng Thượng Surmarit liền đi thẳng đến nhị vị Thái Khí Thanh và Thái Đồng Thanh tiếp nhận bức di ngôn, và liền mở ra xem và phán dạy: *«Về thưa lại với Đức Hộ Pháp, Hoàng Thượng đã nhận được bức di ngôn và chấp nhận hết những lời yêu cầu.»*

Trưởng Huỳnh Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh và Giáo Hữu Thái Đồng Thanh bái lễ Hoàng Thượng kiêu từ ra khỏi Hoàng Cung đi thẳng đến bệnh viện Calmette kính trình với Đức Hộ Pháp là nhị vị đã làm xong sứ mạng của Đức Ngài đã giao phó.

Sau khi phán dạy cả chức sắc nam nữ suốt những ngày sau cùng tại bệnh viện Calmette, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc Qui Thiên tại bệnh viện thủ đô Phnom Penh vào lúc 13 giờ 30 chiều nhằm ngày 17-5-1959, nhất là 50 ngàn tín hữu Cao Đài tại Cao Miên vô cùng xúc động khi được tin Đức Ngài đã thoát xác, và thể xác được đưa về Thánh Thất Cao Đài, thuộc Trấn Đạo Tân Quốc (Toul Sway Prey) Quận 5, Thủ Đô Phnom Penh để lo phần tang lễ, hưởng thọ 70 tuổi.

Đức Hộ Pháp Qui Thiên để lại trong lòng nhân thế một niềm thương tiếc vô cùng tuyệt đối. Ba triệu con tim cùng chung nhịp đập đều hướng về Thủ Đô Phnom Penh, tưởng niệm công ơn bậc tối cao đã trọn hiến mảnh thân phàm phục vụ cho nhân loại. May mắn thay 50 ngàn tín hữu Cao Đài tại Cao Miên có diễm phúc tề tựu về Thánh Thất Phnom Penh «*thọ tang*» suốt 10 ngày đêm túc trực bên cạnh Liên Đài của Đức Ngài niệm kinh cầu nguyện, mở chuông không dứt tiếng.

Ngoài ra đại diện các Tôn Giáo từ các tỉnh xa xôi Siemriep, Kompongthom, Kopong Cham, Soayrieng, Pursat, Takeo, Kampot, Mimot, Kratié, Battambang v.v... đồng đến chia buồn Hội Thánh và bái lễ chào vĩnh biệt Đức Ngài với những tràng hoa lưu niệm vô cùng sâu sắc thấm đượm tình đoàn kết Tôn Giáo. Đồng thời các ngoại giao đoàn tại Thủ Đô Phnom Penh, nhất là các đại sứ của 2 khối Cộng Sản và Tư Bản đã tiếp nhận được bản cương Lĩnh Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống của Đức Ngài đã đề xướng vào ngày 26-3-1956 đều có nhiệt tình cao đẹp chiếu cố đến đặt tràng hoa tưởng niệm trước Liên Đài, chào vĩnh biệt bậc vĩ nhân thế kỷ 20, đã trọn hy sinh

phục vụ hòa bình cho nhân loại.

Điểm nổi bật trong tang lễ là sự hiện diện của Thủ Tướng Pen Nouth, đại diện Chánh Phủ Hoàng Gia Cao Hiến hướng dẫn một phái đoàn đến phân ưu cùng Hội Thánh, đặt vòng hoa tưởng niệm và bái lễ trước Liên Đài Đức Ngài rất trân trọng.

Một phái đoàn Phật Giáo, đại diện cho đức Sài Cả, đến trì kinh, đặt vòng hoa phân ưu, và tiễn đưa Liên Đài Đức Ngài nhập Bửu Tháp để đáp lại tình duyên tiếc với Đức Hộ Pháp trong 2 chuyến từ Tòa Thánh Tây Ninh đến tham dự những buổi lễ Phật Giáo tại Phnom Penh trước kia, cùng đàm đạo thân mật. Nên nhớ vào những năm 1950 – 1952 đức Sài Cả Phật Giáo Cao Miên đã 2 lần mời Đức Hộ Pháp đến hội kiến.

Còn tại miền Bắc Việt Nam, nữ Giáo sư Hương Dư, đại diện Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Thánh Thất Cao Đài Hà Nội thiết lễ “*tưởng niệm*” rất trọng thể có đại diện Chánh Phủ Miền Bắc VNDCCH đến dự.

Cao qui thay! Sau một thời gian đi công du ở Hải Ngoại vừa mới trở về tới Thủ Đô Phnom Penh, đức Quốc Trưởng Norodom Sihanouk, chủ tọa một buổi họp báo trước sự hiện diện của các phóng viên, ký giả quốc tế và ông Tổng Trưởng Bộ Thông Tin Chánh Phủ Hoàng Gia Cao Miên. Quốc Trưởng Norodom Sihanouk có trả lời một câu phỏng vấn của ông Giang Kim, chủ nhiệm nhật báo Hữu Nghị phát hành tại Thủ Đô Phnom Penh như sau:

“Tôi rất tiếc ngày trở về nước, không được hội kiến với Đức Hộ Pháp lần chót. Khi trở về thì Đức Ngài đã mất. Tôi sẽ hoàn toàn chấp nhận những lời đề nghị của Đức Hộ

Pháp, và xin nhờ nhà báo chuyển tới bốn Đạo Cao Đài là tôi đã ra lệnh cho Chánh Phủ thi hành đúng theo lời yêu cầu của Đức Hộ Pháp.”

Riêng phần Chức Sắc và bốn đạo tại Miền Nam còn bị chế độ khắc khe, không cho Hội Thánh và bốn đạo cử hành tang lễ. Giọt nước mắt của người tín đồ ngoan đạo đã bị bạo quyền cấm chẩy, càng làm nứt vỡ bao con tim của những tín hữu đã trọn hiếu thảo trung thành với Đức Hộ Pháp.

Tuy nhiên với lòng trung kiên, nhẫn nhục tuyệt vời của Chức Sắc và Bốn Đạo nam nữ vẫn âm thầm lặng lẽ, bất chấp hiểm nguy cử hành tang lễ Đức Hộ Pháp vô cùng trọng thể. Mãi đến cuối năm 1963, sau khi luật đào thải tự nhiên chấm dứt một chế độ, kỷ niệm Qui Thiên của Đức Hộ Pháp được Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh chánh thức ban hành cho các Thánh Thất trên toàn quốc đồng thiết lễ “*Qui Thiên*” để tưởng nhớ công đức Đức Ngài hết sức long trọng vào ngày mùng 10 tháng 4 âm lịch hàng năm.

Đức Hộ Pháp đã vì mục đích cứu đời, cứu vớt chúng sanh mà đã xem thường mạng sống cá nhân, trọn hy sinh cả kiếp sanh, bỏ xác nơi đất khách quê người, để cùng chung chịu cảnh chia đôi của đồng bào 2 miền Nam – Bắc Việt Nam. Thật đúng là một bậc vĩ nhân của thế kỷ 20, làm hồi chuông cảnh tỉnh, giác ngộ dục vọng con người trên mặt thế này. Đức Ngài đã lưu lại tấm gương trong sáng, khiêm tốn, đạo đức cao đẹp tuyệt đối để phụng sự nhân loại tiến đến hòa bình và đại đồng thế giới, tức là soi đường dẫn lối cho nhân loại tiến bước trên đường tận thiện, tận mỹ trong tình huynh đệ nhìn nhau một cha chung.

Tổ phụ ta thường bảo: sống có cái nhà, thác có cái mồ. Song, Đức Hộ Pháp tôn kính của chúng ta Qui Thiên nơi đất lạ quê người chỉ có cái Liên Đài trợ trợ với gió sương mưa nắng! Âu cũng là do Thiên ý đã an bày!!!

Lại thêm một huyền diệu Thiêng liêng làm chấn động cả thế giới về cuộc Qui Thiên của Đức Hộ Pháp xuất hiện tại Pháp Quốc, do nữ đồng tử Sarah Bartel tiếp nhận và ghi chú những lời trên không trung về việc thoát xác của vị giáo chủ toàn cầu của Đạo Cao Đài là Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc (Báo Le Lien số: 4, tháng Juin năm 1959, trang 30), đã giảng cơ mà nữ đồng tử Sarah Bartel ghi chép:

“Để thống nhất tất cả đệ tử thần linh trên toàn quốc.

Rên than nhưng vẫn hy vọng!

Cùng chú vị thần linh ở phương Tây

Chúng ta có một bốn phận đối với anh, chị chúng ta ở Phương Đông và Cực Đông, là bốn phận hợp tinh thần trong việc hợp tác huynh đệ để tìm biết rõ về vô hình.»

Một tiếng nói trên không trung nói với chúng ta như vậy:

Nếu đạo đức đem lại một đời sống hạnh phúc là vì đạo đức là một tình thương yêu cao cả, thì tình thương yêu chỉ là một với tình thương yêu cả nhân loại và cả hư vô.

“Tiếng nói đó là tiếng nói nào mà người ta càng nghe tỏ rõ khi lỗ tai phàm không thể nghe rõ? Tiếng nói đó là tiếng nói nào mà nó ở ngoài vật thể, và ở ngàn nơi trên thế giới địa hoàn, mà những tấm lòng yên lặng và mở rộng đầu ở Phương Đông cũng như ở Phương Tây, hoặc như ở Phương Bắc như ở Phương Nam, để chờ tiếp nhận những lời Thánh

Giáo giống nhau để cạn tỏ sự hòa hợp của tâm hồn.

“Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc vừa mới thoát xác ngày 17-5-1959 hồi 13 giờ 30 phút (giờ Cao Miên) tại bệnh viện Calmette, Thủ Đô Phnom Penh. Đúng giờ định thì những Thiên Thần cầm lộng vàng đến tiếp rước Ngài, còn các hung thần thì bị đuổi đi xa tị mù, đóng thành một lần đen xa thẳm, như đóng khuôn cho một cánh giới Thiên Đàn mở rộng thêm mãi.

Nhiều đấng vô hình mặc thiên phục đỏ, tốp khác thì mặc thiên phục xanh, còn tốp khác thì mặc thiên phục vàng, và cũng còn hàng ngàn những vị mặc thiên phục trắng.

Những vị mặc sắc phục trắng nói rằng: độ lượng là mối tình thương yêu đặt mình chúng ta trọn vẹn để phục vụ tình bác ái.

Sau rốt những vị mặc sắc phục đỏ tuyên bố: sức lực mới là tình thương yêu giúp chúng ta gánh chịu tất cả mọi khó khăn cho cái gì mà ta yêu mến.

Bốn tốp ấy đã nói rồi thì “tiếng nói” của tất cả các tiếng nói ở trong tâm của mỗi người, dầu ở nơi Thiên giới hay ở Địa giới, hoặc ở Trung giới. Tiếng nói ấy đã nói: Trong bốn màu hợp lại thành một.

Người đã hạ mình xuống nơi hạ giới làm một Giáo Chủ tốt Hộ Pháp Phạm Công Tắc Hãy trở về lòng của ta là tiếng nói của tất cả tiếng nói.

Từ ngày 27-5-1959, hồi 7 giờ thì trong cả mặt thế, trong các giới tất cả những người ở trong đại cơ quan đồng tử đều được nhận thấy, và nghe rõ tất cả những việc mà tôi đã ghi chép y như trên

Chúng chắc thật!

Bà Sarah Bartel Đồng tử

Nhà số: 20, đường Alibert Paris 10ème

ĐI ĐẾN BÁT QUÁI ĐÀI

(La tour à 8 faces)

Tin tức vừa mới tiếp nhận về vụ “Thoát xác của đức Giáo Chủ Cao Đài” mà trung tâm hiện giờ ở Kim Biên. Tôi xin ghi chép y nguyên văn cho tất cả độc giả tạp chí Le Lien.

TIẾNG NÓI.

“Đúng ngày mùng 5 tháng 5, nhằm ngày 10-6-1959 là đúng 70 năm tôi ở trong một thi phạm xác thật. Đúng ngày đó thì tôi đã ngồi trong một cái hòm hình bát giác (Liên Đài), và từ trong đó tôi nhìn thấy hàng ngàn và hàng ngàn những tín đồ diễn ngang, tất cả từ chục ngàn người khác, mỗi người đều được biết “dấu hiệu” để về sau nhìn biết được họ khi ngày giờ đã đến.”

Tiếng nói tiếp theo với một giọng buồn trong một lúc

“Có những người có thể đến được nhưng lại không đến, có những người rất muốn đến mà lại không đến được. Những người sau này (tức là những người muốn mà không thể đến được), tôi cũng ban cho một “dấu hiệu” từ trong Liên Đài bát giác của tôi.”

Tiếng nói tiếp,

“Đức Hoàng Thượng và Chánh Phủ Hoàng Gia Cao Miên đã làm những gì phải làm, để chứng tỏ lòng khoan hồng hiểu biết và tình huynh đệ cao với cử chỉ cao thượng

ấy, đức Hoàng Thượng đáp lời một bức thơ mà tôi rất cung kính viết và gửi đến Hoàng Thượng 3 ngày trước khi linh hồn tôi rời thể xác. Nhưng coi vô vi tôi vẫn thấy và nghe được.”

Đến đây tiếng nói lặng thinh, và tôi chờ mãi coi có tiếp theo không mà chẳng thấy. Vậy, đây có phải là một tin «thông công» hay không?

Tôi có chiêm bao hay không? Trong đó có những chi tiết mà tôi rất vui vẻ để kiểm soát lại:

- Cái hòm bát giác?
- Hình thể người quá vãng liệm để ngồi?
- Bức thơ gửi trước 3 ngày khi thoát xác?

Tờ tạp chí *Le Lien* này được phát hành, gửi đi khắp hoàn cầu, có lẽ nó cũng đến xứ Cao Miên. Nếu bên xứ ấy, hoặc nơi nào khác, có vị nào được, xin viết thơ cho tôi biết thêm việc này, để bác bỏ hay công nhận những điều mà tôi thiệt thà ghi chép nơi đây. Tôi để lời cảm ơn trước!

Bà Sarah Bartel

20, Rue Alibert Paris 10ème.

LẠI THÊM MỘT BÀI BÁO NGOẠI QUỐC

(Sau khi nghiên cứu huyền diệu thiêng liêng đăng như sau)

“Sự kinh nghiệm và xét đoán của đài Thiên Văn và Thông Thiên Học bên Pháp. Theo thơ của ông Olion và Thánh Giáo của bà Sarah Bartel cho biết: ngày rước Thánh có đủ chú: Phật, Thánh, Tiên ngụ, thì có ông mặc áo đẹp, sắc phục có khôi giáp về đồng ngụ, và có cả chú Phật, Tiên, Thánh, Thần đến châu chực đón rước chào mừng chơn linh

ấy về “đến”

Nữ đồng tử Sarah Bartel ghi đúng sự thật, vì trước khi Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc Qui Thiên, trước 3 ngày Đức Ngài còn nằm trên giường bệnh tại bệnh viện Calmette. Đức Ngài còn ký tên trong bức di ngôn gửi đến Hoàng Thượng Norodom Sumarit (Đức vua cha, thân phụ của thái tử Norodom Sihanouk) mà hai vị Thái Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh và Giáo Hữu Thái Đồng Thanh thân hành vào Hoàng cung chuyển đệ lên Hoàng Thượng.

Vì sao trước giờ phút Qui Thiên, thoát xác nơi đất Cao Miên mà Đức Hộ Pháp vẫn còn ghi nhớ ngôi Thánh Thất bị Tòa Án Thượng Thẩm Chánh Phủ Hoàng Gia Cao Miên chuẩn phê y án Tòa Sở Thẩm phán định: Phá hủy ngôi Thánh Thất Cao Đài, (do ấn lệnh xét xử ngày 13-3-1957 của Tòa Sơ Thẩm).

Cần ghi nhớ trước kia ngôi Thánh Thất Cao Đài tại Phnom Penh được xây cất trên phần đất tọa lạc tại số 37 Đại Lộ Pierre Pasquier (Phnom penh) vào năm 1930. Mãi đến năm 1954 Chánh Phủ Hoàng Gia Cao Miên trưng dụng phần đất này để kiến tạo Nhà Thú Y Quân Đội Hoàng Gia.

Vì lợi ích qui hoạch, Chánh Phủ Cao Miên đã đến thương lượng với Hội Thánh, nên Hội Thánh Cao Đài tại Phnom Penh đồng ý chuyển nhượng để đổi lấy 3 phần đất tại Toul Sway Prey, thuộc quận 5, Thủ Đô Phnom Penh do công văn số: 4882/BA ấn ký ngày 20-10-1954.

Đến ngày 21-2-1955 Hội Thánh Trấn Đạo Tấn Quốc tại Phnom Penh đệ đơn xin phép Chánh Phủ Hoàng Gia kiến tạo ngôi Thánh Thất Cao Đài trên phần đất vừa được

Chánh Phủ chuyển nhượng, để có nơi thờ phượng với đồ án kiến trúc bằng cây ván, lợp ngói và đã được Đốc Lý Thành Phố Phnom Penh phê chuẩn chấp nhận giấy phép số: 557/GV đề ngày 17-6-1955.

Công tác xây cất ngôi Thánh Thất bắt đầu khởi hành đúng theo giấy phép số 557/GV đề ngày 17-6-1955 thì ngày 16-2-1956 Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và phái đoàn Chức Sắc tùy tùng lưu vong tới Cao Miên (Phnom Penh). Đức Ngài liền hướng dẫn Hội Thánh Cao Đài Trấn Đạo Tân Quốc phải đệ trình lên Chánh Phủ Hoàng Gia đồ án xây cất ngôi Thánh Thất bằng bê tông cốt sắt. Hiền Huynh Giám Đạo Huỳnh Hữu Lợi phụ trách lo xin phép đệ trình đồ án lên Chánh Phủ.

Được biết thâm ý của Luật sư Blaquierre muốn bảo vệ quyền lợi cho Chánh Phủ Hoàng Gia, nên Luật sư Khing See liền bước ra hành lang Tòa Án nói nhỏ với Sĩ Tải Lê Quang Tấn biết rõ lời tố cáo của Luật Sư Blaquierre, và Sĩ Tải Tấn liền rỉ tai cho Chức Việc và Bốn Đạo từ từ rút lui khỏi Tòa Án lên 2 chiếc xe Bus để trở về Thánh Thất, chỉ còn 20 vị chức sắc và chức việc nam nữ tượng trưng tham dự phiên xử mà thôi.

Đến khi Ông Luật sư Blaquierre hướng đưa ông Chánh Án Tòa Thượng Thẩm bước ra bên ngoài Tòa Án để quan sát, thì chỉ còn thấy có 20 vị Cao Đài mặc sắc phục trắng, gây ngạc nhiên, lúng túng cho Luật-sư Blaquierre đã tố cáo không đúng sự thật.

Phiên xử của Tòa Án Thượng Thẩm cũng phán định: *“Chuẩn phê y án Tòa Sơ Thẩm, Hội Thánh phải triệt hạ ngôi Thánh Thất Cao Đài”*.

Hội Thánh đã đệ đơn thỉnh nguyện lên Chánh Phủ Hoàng Gia xin nhờ cứu xét khoan hồng, song chưa có kết quả. Cho mãi đến ngày 14-5-1959, đang nằm trên giường bệnh tại bệnh viện Calmette, Đức Hộ Pháp mới có bức di ngôn gửi đến Quốc Trưởng Norodom Sihanouk và Hoàng Thượng Surmarit. Đồng thời, Đại Huynh Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa đã gửi một tối hậu thư cho Chánh Phủ Hoàng Gia Cao Miên, một bức thư đã ghi vào sử Đạo Cao Đài vào năm 1958 với đại ý: Nếu Thánh Thất Cao Đài bị triệt hạ theo án lệnh, thì Đại Huynh Bảo Đạo tự nguyện tuyệt thực tử tiết theo ngôi Thánh Thất. Điều này đã gây nhiều dư luận sôi nổi trong Chánh Phủ Hoàng Gia một thời.

Cao quý thay, Đức Hộ Pháp biết trước phải thoát xác nơi đất Cao Miên, mà Đức Ngài vẫn lo cho ngôi Thánh Thất Cao Đài tại Phnom Penh khỏi phải thi hành án lệnh là triệt hạ ngôi Thánh Thất. Sau ngày 17-5-1959 Đức Ngài Qui Thiên thì Hoàng Thượng Norodom Surmarit có văn thư mời Hội Thánh Cao Đài Tản Quốc và phái đoàn chức sắc lưu vong vào Hoàng Cung.

Vua Norodom Surmarit tiếp đón phái đoàn Hội Thánh trên lầu Hoàng Cung hết sức nồng hậu, Hoàng Thượng đến bắt tay từng người, hỏi thăm sức khỏe và mời an tọa trên bộ Salon (bốn ghế đối diện nhau). Hoàng Thượng Surmarit liền hỏi thăm Đại Huynh Thái Chánh Phối sư Thái Khí Thanh khâm trấn đạo Tân Quốc trước (vì Đại Huynh Thái Khí Thanh rất giỏi Miên Ngữ) và chỉ dẫn Đại Huynh dâng đơn thỉnh cầu lên Hoàng Thượng xin cứu xét lại án lệnh, để Hoàng Thượng phán lệnh cho Tòa Án Thượng Thẩm: Tạm ngưng thi hành án lệnh của Tòa Thượng Thẩm.

Kế tiếp, Hoàng Thượng hỏi thăm Đại Huynh Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa (bằng tiếng Pháp) và cuộc sinh sống của số chức sắc trong phái đoàn lưu vong còn tạm trú nơi đất Cao Miên.

Tiếp theo Hoàng Thượng Surmarit hỏi Sĩ Tải Lê Quang Tấn đi tu hồi nào mà còn trẻ quá vậy? Thừa dịp đáp lời xong, Sĩ Tải Tấn trình bày khẩn cầu Hoàng Thượng khoan hồng đặc ân; xóa bỏ án lệnh trong hồ sơ của Tòa Sơ Thẩm Phnom Penh về vụ đã phạt Sĩ Tải Lê Quang Tấn 3 tháng tù vào năm 1957 về tội xâm nhập nước Cao Miên bất hợp pháp, bởi một tu sĩ mà phải bị mang án 3 tháng tù trong hồ sơ thì thật khổ tâm chua xót cho người tu sĩ mỗi khi có việc cần. Phải sao lục án tòa. Hoàng Thượng phán dạy: Làm đơn chuyển đệ lên Hoàng Thượng xin ân xá xóa bỏ bản án 3 tháng tù, để Hoàng Thượng chuyển đến Tòa Thượng Thẩm ra lệnh cho Tòa Sơ Thẩm xét xử lại.

Vinh hạnh thay! Sau 3 tháng chuyển đơn thỉnh cầu lên Hoàng Thượng, thì cuối năm 1959 tiếp được lệnh Tòa Sơ Thẩm mời đến dự phiên xử án, và được Tòa Sơ Thẩm hủy bỏ án phạt 3 tháng tù vào năm 1957 (mặc dù Sĩ Tải Tấn đã thụ án 3 tháng tù rồi, nhưng đến khi sao lục hồ sơ Tòa Sơ Thẩm thì được ghi là “*không án tiết*”).

Một huyền diệu Thiêng liêng xuất hiện ở Pháp Quốc sau khi Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc Qui Thiên ngày 17-5-1959 tại Phnom Penh thì nữ đồng tử Sarah Bartel ghi nhận: Tiếng Nói Trên Không Trung đã được báo Le Lien ấn hành vào tháng 6-1959 tường thuật rõ ràng, khắp thế giới đều biết rõ ràng Đức Ngài được liệm ngôi trong Liên Đài (tức là được liệm ngôi trong 1 cái hòm bát giác, 8 góc vào lúc 22 giờ đêm ngày 17-5-1959 trước sự hiện diện

của vị cảnh sát trưởng quận 5, Thủ Đô Phnom Penh, và chức sắc nam nữ tại Trấn Đạo Tấn Quốc.

Điểm đặc biệt không kém phần băng khoảng lo lắng cho chức sắc và bổn đạo, vì Đức Hộ Pháp đã Qui Thiên mà cả Hội Thánh không một ai được biết nghi tiết lễ an táng Đức Ngài như thế nào?

Đại Huynh Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa và Sĩ Tải Bùi Quang Cao liền phò loan thính Đức Ngài giáng cơ chỉ dẫn nghi tiết «*lễ tế điện*» trong khi thể xác chưa tẩm liệm, Đức Ngài giáng cơ chỉ dẫn từng chi tiết lễ an táng và cho một bài thi để tế điện:

*Trót đã bao năm ở xứ người,
Đem thân đổi lấy phút vui tươi.
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chọi,
Buồn nhìn cội đạo lấm chơi vơi
Rồi đây ai đến cầm chơn pháp,
Tô điểm non sông Đạo lãn đời.*

Nhờ tiếp nhận được sự chỉ dẫn về nghi tiết và bài thi trên, đồng nhi và lễ sĩ mới biết để “*thài*” và đăng điện trong buổi tang lễ. Ngoài ra Sĩ Tải Bùi Quang Cao (thơ ký đặc biệt của Đức Ngài) một chức sắc Hiệp Thiên Đài trong phái đoàn lưu vong, và cũng là một chuyên viên quay phim và chụp ảnh của phái đoàn lưu vong, đã lưu lại nhiều hình ảnh trong buổi tang lễ của Đức Ngài. Cuốn phim do Sĩ Tải quay trong khi các Tôn Giáo bạn, Ngoại Giao đoàn tại Thủ Đô Phnom Penh, và phái đoàn Phật Giáo Cao Miên đến đặt tràng hoa vĩnh biệt cùng tiễn đưa

Liên Đài nhập Bửu Tháp, là một kỷ niệm vô giá lưu lại cho bốn đạo ở Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh không được vinh hạnh góp phần chung lo buổi tang lễ của Đức Ngài tại Phnom Penh.

Với trách nhiệm Hộ Pháp, chương quản nhị hữu hình đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng, Đức Ngài chẳng quản tuổi cao sức yếu, nhiệt tình rèn luyện đào tạo một số chức sắc nam nữ ưu tú, đầy đủ khả năng và tinh thần để góp mặt trong mọi công tác xã hội từ thiện cùng các Tôn Giáo bạn. Nhất là giữ vững niềm tin trước mọi thử thách phong ba bão táp vẫn một lòng tuyệt đối trung thành với Hội Thánh, chí hiếu với Chí Tôn và Phật Mẫu, để tiếp nối con đường đạo đức do “*Tôn Sư Hộ Pháp*” và các bậc chức sắc đàn anh đã hy sinh vạch sẵn Từ Bi, Bác Ái, Công Bình rạng danh Đại Đạo.

Đức Ngài Qui Thiên ngày 17-5-1959 và Liên Đài Đức Ngài vẫn còn lưu lại trên nước Cao Miên cho đến ngày hôm nay do Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh, chức sắc, bốn đạo đồng tuyệt đối tôn kính lời di ngôn đã gởi cho Hoàng Thân Norodom Sihanouk ngày 14-5-1959.

Thương tiếc thay! Một danh nhân lịch sử đã rời khỏi cõi trần. Một bậc vĩ nhân hết sức nhiệt tình tận tụy với nhân loại bằng Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống, bác ái đại đồng với chủ trương “*bất bạo động*” của Đức Hộ Pháp đã làm cho người không đồng quan điểm đem lòng kính mộ, mặc dù lòng hy sinh tuyệt đối của Đức Ngài chưa trọn vẹn tiếp đón ngày vinh quang của đất nước Việt Nam, nhưng hàng triệu con tim cùng chung nhịp đập đều tưởng niệm đến công ơn của Đức Ngài.

Tôn kính thay! Đức Hộ Pháp là một cứu tinh, bậc

thông suốt huyền vi mâu nhiệm của Thượng Đế, nên đã mạnh dạng đề xướng Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống vào ngày 26-3-1956 để cứu vãng nhân loại tránh cuộc tự sát, khỏi nạn diệt vong. Đức Hộ Pháp còn biết rõ 2 khối Cộng Sản và Tư Bản hiện diện trên mặt thế này là do Thiên cơ tiền định, không tránh khỏi được sự tranh chấp quyền bá chủ thế giới, huynh đệ tương tàn, nhân loại phải lâm than thống khổ.

Nỗi khổ tâm của Đức Ngài, một vị lãnh đạo Tôn Giáo Cao Đài, được biết trước cuộc nội chiến sắp khởi diễn mà chẳng biết cách nào sửa được máy thiên cơ. Đức Ngài phải nhập “*Tịnh Thất*” vào Trí Huệ Cung thiền tịnh ngày 16-1-Tân Mão (1951) để khẩn nguyện Thượng Đế ban đặc ân cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi cảnh áp đặt của ngoại bang, cũng như đã nhiều lần, Đức Ngài cầu khẩn cụ Chủ Tịch Hồ Chí Minh và Tổng Thống Ngô Đình Diệm dẹp bỏ mọi tệ hiểm, nhưng cũng không hoá cái được thời thế, bởi số đã định.

Suốt 3 tháng Đức Ngài khép mình trong Tịnh Thất Trí Huệ Cung khẩn nguyện Thượng Đế ban huyền diệu Thiêng liêng cảm hoá 2 khối Cộng Sản và Tư Bản sớm hiểu biết nhau là con chung của Thượng Đế.

Những lời phán dạy của Đức Ngài đã cảm hóa trên 3 triệu tín hữu Cao Đài, để lại cảm tình chan chứa cho nhân loại, một “*danh*” thiên niên vạn cổ, đây là danh của đấng «*cứu thế*».

Đức Ngài không ngần ngại chịu khổ nhục đã chỉ dẫn cho đời biết những điều lầm lạc về sự chia rẽ. Nhân loại đừng phân biệt màu da sắc tóc mà hãy nên tương thân, tương ái.

Ngày 17-5-1959 là một ngày u buồn, ảm đạm cho Bồn Đạo Cao Đài ở Quốc Nội cũng như ở Hải Ngoại, và cũng là ngày long trọng ghi vào lịch sử Đông Phương, một kỷ niệm sâu sắc của Quốc Dân Việt Nam đã nêu cao “*gương trong sáng không chút bụi trần tượng trưng cho Quốc Hồn Quốc Túy, một phương thức bất bạo động, một nhà lãnh đạo Tôn Giáo suốt đời tận tụy với Quốc Đạo*” công bằng, từ bi, bác ái, cùng ung đức lòng ái quốc trong trái tim người Việt Nam.

Đức Hộ Pháp biết rõ mọi biến cố «*trận chiến*» trên thế giới là lẽ dĩ nhiên, tiên định không sao tránh khỏi, nhưng Đức Ngài có phận sự Thiên liêng là chỉ đường dẫn lối cho kẻ bị áp chế từ chỗ bất hoà, bất bình đến chỗ hợp quần, đoàn kết.

Đáng tôn kính thay! Đáng sùng bái thay! Một vĩ nhân trọn hy sinh cả kiếp sanh cho Chánh Sách Hòa Bình Chung sống mà Đức Ngài đã long trọng xác nhận với Quốc Trưởng Norodom Sihanouk: *Mục phiêu đời sống của Bản Đạo.*

Thiết nghĩ ngày Qui Thiên của Đức Hộ Pháp 17-5-1959, trùng hợp ngày lễ chư Thánh giáng linh của Công Giáo (Pentecôte) mà Đức Ngài đã dùng huyền diệu Thiên liêng ứng linh cho nữ Đồng Tử Sarah Bartel tại Pháp Quốc tiếp nhận ghi chép TIẾNG NÓI TRÊN KHÔNG TRUNG như thế!

Sự trở về của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc không lặng lẽ như bao sự trở về của chúng sanh, sự trở về của Đức Ngài là một biến cố cho nhân loại, sự tang chế của thời kỳ mạt Pháp.

Chính Đức Hộ Pháp đã chia xẻ phần đau khổ của đồng bào 2 Miền Nam – Bắc Việt Nam bằng chủ trương “*Hòa Bình Chung Sống*”, và đem đến cho toàn thể nhân loại sự dịu mát trong lành của nền hòa bình đại đồng thể giới lần lần trở thành hiện thực.

Niềm vinh hạnh vô biên cho người tín hữu Cao Đài có quyền hãnh diện là 35 năm về trước, tức là ngày 26-3-1956 Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, lãnh đạo Tôn Giáo Cao Đài đã có sáng kiến đề xướng Chánh Sách Hòa Bình Chung sống, vạch đường chỉ lối cho 2 khối Cộng Sản và Tự Bản phải tương nhượng nhau, vì tất cả đều là con chung của Thượng Đế.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, chương quản Nhị Hữu Hình Đài, Hiệp Thiên và Cửu Trùng đã thoát xác Qui Thiên ngày 17-5-1959 tại Phnom Penh đã để lại cho bao sự mến tiếc, tôn kính, phụng thờ của 3 triệu tín đồ Cao Đài hằng ghi nhớ lời huấn giáo của Đức Ngài:

“Bản Đạo chỉ sợ toàn thể thanh thiếu niên sau này sẽ khinh khi các bậc đàn anh không đáng mặt.

Nếu chẳng đi đến trường Thầy mà đạt thủ địa vị mình thì chẳng ai đi đến nơi nào khác mà đắc Đạo bao giờ!

Mặc ai sang trọng ở trường đời, ta cứ theo Chí Tôn thì đại nghiệp không mất, quả quyết đứa con nào của Người, trọn trung, trọn hiếu với người và Hội Thánh là hình thể của Người tại thế gian này, thì không bao giờ thất nghiệp và thất phận.”

*Mãn Thu, 19 tháng 09 năm Kỷ Ty
(DL. Ngày 18 tháng 10 năm 1989)*

*Thừa Sứ: LÊ QUANG TẤN
Thánh Thất Cao Đài Sài Gòn
891 Trần Hưng Đạo, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh.*

TIỂU SỬ **ĐỨC HỘ PHÁP**
PHẠM CÔNG TẮC